

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



**BÁO CÁO KỸ THUẬT
PHỤC VỤ XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VỀ VIỆC BAN HÀNH TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ VIỆC XÁC NHẬN
ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH,
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH**

Hà Nội, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC CÁC HÌNH	vi
MỞ ĐẦU.....	1
I. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC XÂY DỰNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH.....	5
1.1. Sự phát triển của Danh mục phân loại xanh.....	5
1.2. Các mục tiêu của Danh mục phân loại xanh	6
1.3. Cách tiếp cận xây dựng Danh mục phân loại xanh	7
1.4. Cấu trúc của Danh mục phân loại xanh.....	8
1.5. Tiêu chí môi trường trong Danh mục phân loại xanh	13
II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC XÁC NHẬN DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	16
2.1. Các nguyên tắc và quy định về phát hành trái phiếu xanh trong thông lệ quốc tế..	16
2.1.1. Nguyên tắc trái phiếu xanh (GBP - Green Bond Principles).....	16
2.1.2. Tiêu chuẩn về Trái phiếu khí hậu (Climate Bonds Standard)	18
2.1.3. Các quy định về phát hành Trái phiếu xanh của các quốc gia trên thế giới ...	18
2.2. Các nguyên tắc và quy định về cấp tín dụng xanh.....	19
2.3. Các quy định điển hình trong việc xác nhận trái phiếu xanh, tín dụng xanh	20
2.3.1. Quy định về đánh giá độc lập đối với tín dụng xanh.....	20
2.3.2. Quy định của các quốc gia về đánh giá độc lập về trái phiếu xanh.....	21
2.3.3. Hình thức đánh giá độc lập.....	23
2.4. Các quy định và điều kiện hoạt động đối với hình thức đánh giá độc lập.....	26
2.4.1. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá độc lập theo Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA	26
2.4.2. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá độc lập theo CBI.....	26
2.4.3. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá theo Quy định trái phiếu xanh của EU	27
2.4.4. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá theo Quy định trái phiếu xanh của Trung Quốc.....	27
III. THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆC BAN HÀNH TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH.....	31

3.1.	Hệ thống các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy nguồn vốn xanh trong công tác BVMT	31
3.1.1.	Chủ trương, chính sách về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.....	31
3.1.2.	Các quy định về phát hành trái phiếu xanh.....	32
3.1.3.	Một số chính sách điều chỉnh hoạt động tín dụng xanh của NHNN	33
3.1.4.	Một số danh mục dự án được ban hành trước đó và tồn tại, hạn chế	34
3.2.	Hiện trạng, xu hướng và rào cản trong cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh	36
3.2.1.	Tín dụng xanh	36
3.2.2.	Trái phiếu xanh	39
3.3.	Hiện trạng trong việc xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh.....	40
3.3.1.	Theo các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật	40
3.3.2.	Thực tế xác nhận dự án xanh tại các TCTD	41
3.3.3.	Một số cơ sở pháp lý cho hoạt động xác nhận dự án xanh độc lập	42
3.3.4.	Dịch vụ xác nhận phát hành trái phiếu xanh	46
IV.	ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ VIỆC XÁC NHẬN ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH.....	47
4.1.	Xác định yêu cầu, nguyên tắc xây dựng Danh mục phân loại xanh và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh	47
4.2.	Đề xuất quan điểm.....	48
4.3.	Các nguyên tắc xây dựng	48
4.4.	Phương pháp xây dựng các tiêu chí môi trường, danh mục phân loại xanh	49
4.5.	Phương pháp xây dựng quy định về xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh	51
V.	ĐỀ XUẤT VỀ DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH VIỆT NAM VÀ CÁC PHƯƠNG ÁN XÁC NHẬN ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH	51
5.1.	Đề xuất tiêu chí môi trường và Danh mục phân loại xanh Việt Nam.....	51
5.2.	Đề xuất việc xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh	168
5.3.	Đề xuất nội dung chính của dự thảo Quyết định.....	169
5.3.1.	Đề xuất cấu trúc	169
5.3.2.	Tổ chức thực hiện khi Quyết định được ban hành.....	170
Phụ lục 1	Danh mục phân loại xanh của các quốc gia và vùng lãnh thổ	171
Phụ lục 2	Giới thiệu một số Danh mục phân loại xanh tiêu biểu.....	173

Phụ lục 3	So sánh các ngành, lĩnh vực của Danh mục phân loại xanh Việt Nam với Hệ thống Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế (ISIC) và Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC).....	185
Phụ lục 4	Kết quả tham vấn hiện trạng cấp tín dụng xanh tại một số TCTD ở Việt Nam	187

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

AEC	Cộng đồng kinh tế ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BVMT	Bảo vệ môi trường
CBI	Tổ chức sáng kiến khí hậu toàn cầu
EU	Liên minh Châu Âu
GBP	Nguyên tắc trái phiếu xanh - Green Bond Principles
GIZ	Tổ chức hợp tác phát triển cộng hòa Liên bang Đức
ICMA	Hiệp hội thị trường vốn quốc tế
IEA	Cơ quan Năng lượng Quốc tế
IFC	Tổ chức tài chính Quốc tế
ISIC	Hệ thống phân ngành kinh tế quốc tế
KNK	Khí nhà kính
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NSNN	Ngân sách Nhà nước
PTBV	Phát triển bền vững
QĐ-TTg	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
TCTD	Tổ chức tín dụng
TNMT	Tài nguyên Môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân
VSIC	Hệ thống phân ngành kinh tế của Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Mục tiêu tổng quát, và mục tiêu bảo vệ môi trường của các Danh mục phân loại xanh	7
Bảng 2. Phân loại ngành của một số Danh mục phân loại xanh.....	9
Bảng 3. So sánh các lĩnh vực được lựa chọn trong danh mục phân loại xanh của CBI, EU và Trung Quốc.....	9
Bảng 4. So sánh ngành được lựa chọn trong một số Danh mục phân loại xanh	10
Bảng 5. Tiêu chí sàng lọc chính của một số Danh mục phân loại xanh	13
Bảng 6. Ví dụ về các tiêu chí môi trường của ngành Nông nghiệp trong các Danh mục phân loại xanh.....	14
Bảng 7. Nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế.....	16
Bảng 8. Bảng so sánh các nguyên tắc và tiêu chuẩn trái phiếu được dán nhãn quốc tế & ASEAN.....	18
Bảng 9. Hệ thống quản lý trái phiếu xanh của một số quốc gia trên thế giới.....	19
Bảng 10. Tổng hợp quy định về đánh giá độc lập của một số quốc gia	22
Bảng 11. Tổng hợp các cơ quan cấp phép cho tổ chức đánh giá độc lập về trái phiếu xanh.....	22
Bảng 12. Danh mục phân loại xanh Việt Nam	53
Bảng 13. Khung phân loại danh mục xanh của EU (ban hành 2020).....	173
Bảng 14. Khung Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh năm 2021	178
Bảng 15. Sự phát triển của hai phiên bản phân loại xanh của Trung Quốc.....	181
Bảng 16 Khung phân loại danh mục xanh của Trung Quốc (phiên bản 2021).	182
Bảng 17. Khung phân loại danh mục xanh của CBI (phiên bản T9/2021).....	183

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. Bản đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có sử dụng và cân nhắc sử dụng Danh mục phân loại xanh tính đến năm 2022	6
Hình 2. Các hình thức đánh giá được áp dụng trên thị trường trái phiếu xanh ..	24
Hình 3. Các hình thức đánh giá TPX được áp dụng theo vùng	25
Hình 4. Diễn biến tổng dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2021 – 2022.....	37
Hình 5. Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh của Việt Nam trong các năm 2017-2021..	37
Hình 6. Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh của một số quốc gia trong khu vực ASEAN giai đoạn 2016-2021	38
Hình 7. Tổng giá trị trái phiếu xanh và tín dụng xanh hàng năm của 6 nước ASEAN.....	39
Hình 8. Quy trình xác nhận trái phiếu khí hậu của Fiin group	46
Hình 9. Những điểm nổi bật về chính sách tài chính xanh của Trung Quốc	176

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết

Đẩy mạnh xã hội hóa cho công tác bảo vệ môi trường là một trong những phương hướng, nhiệm vụ đã được đề ra trong nhiều văn bản định hướng, chỉ đạo của Trung ương như: Nghị quyết số 41-NQ/TW năm 2004 của Bộ Chính trị về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban chấp hành trung ương Khoá 11; Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị; Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia các thời kỳ; Chiến lược Quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050; Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chiến lược của các ngành, lĩnh vực chuyên ngành có liên quan được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Xu hướng phát triển thị trường tín dụng xanh và trái phiếu xanh đã phát triển từ 20 năm gần đây trên thế giới với các dự án tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo và công nghệ sạch cùng các dự án có gắn các mục tiêu bảo vệ môi trường nhằm hướng đến mục tiêu “kép” là tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. Đến nay, tín dụng xanh và trái phiếu xanh trên toàn cầu đã trở thành hai nguồn tài chính xanh lớn nhất, có vai trò quyết định cho đầu tư xanh, bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu và sẽ tiếp tục gia tăng mạnh mẽ trong thời gian tới để đáp ứng nhu cầu tài chính xanh to lớn cho mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào giữa thế kỷ 21¹.

Hiện nay, tín dụng xanh, trái phiếu xanh đang được áp dụng rộng rãi và trở thành xu hướng phổ biến trên thị trường tài chính quốc tế. Để thúc đẩy sự chuyển dịch theo hướng xanh, nhiều tổ chức khu vực, quốc gia đã xây dựng và ban hành các Danh mục phân loại xanh, điển hình nhất là Danh mục phân loại xanh đầy đủ, chi tiết các hoạt động và các tiêu chí phân loại do Ủy ban Châu Âu ban hành và áp dụng rộng rãi trong toàn khối vào năm 2020 và của Tổ chức Sáng kiến Khí hậu Toàn cầu (CBI). Một số nước đã ban hành hướng dẫn chung như Trung Quốc (lần 1 năm 2015, bản cập nhật tháng 4 năm 2021), Mông Cổ, Hàn quốc, Nhật bản, Nam phi, Nga, Bangladesh, Sri Lanka, Indonesia và Malaysia. Cùng với đó, một số tổ chức tài chính quốc tế uy tín cũng ban hành các bộ tiêu chuẩn hoặc hướng dẫn riêng như Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD). Hiện nay Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và một loạt nước như Ấn Độ, Kazakhstan, Phillippin, Singapore, Thailand, Colombia, Chile, Cộng hòa Dominican, Anh, New Zealand, Australia và Canada đang tích cực xây dựng và chuẩn bị ban hành Danh mục phân loại của mình. Nhiều quốc gia đã ban hành danh mục phân loại xanh cũng định kỳ cập nhật, bổ sung để hài hòa với thông lệ Quốc tế và cụ thể hóa gắn với điều kiện và mục tiêu của mỗi quốc gia.

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 lần đầu tiên đưa quy định về tín dụng xanh (Điều 149) và trái phiếu xanh (Điều 150) và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi

¹ Theo Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI), tổng dư nợ Trái phiếu xanh toàn cầu đến tháng 7/2022 đạt 1.907 tỷ US\$ và lượng phát hành trái phiếu xanh chỉ riêng 7 tháng năm 2022 đạt gần 300 tỷ US\$, năm 2021 đạt 509 tỷ US\$, trong đó 200 tỷ US\$ được đánh giá và xác nhận bởi các tổ chức đánh giá độc lập và 290 tỷ USD vào năm 2020 (trong đó Năng lượng tái tạo, Công trình xanh, và Giao thông xanh lần lượt là ba nhóm Sử dụng Tiền thu được (UOP) lớn nhất, chiếm 85% trên tổng số tiền thu được vào năm 2020), so với 266,5 tỷ USD năm 2019 và 171,4 tỷ USD năm 2018. CBI dự báo giá trị phát hành trái phiếu xanh sẽ cán mốc nghìn tỷ đô phát hành trái phiếu xanh hàng năm vào năm 2023. Theo Tổ chức năng lượng quốc tế (IEA), để giảm một nửa lượng khí thải toàn cầu vào năm 2050, thế giới sẽ cần đến 46 nghìn tỷ USD, tương đương với 1 nghìn tỷ USD/năm.

tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường đã quy định chi tiết về lộ trình, cơ chế khuyến khích cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh (khoản 2 Điều 154 và các Điều 155, 156 và 157). Bên cạnh đó, trong các nghị định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (Nghị định số 153/2020/NĐ-CP, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP), trái phiếu do chính phủ (Nghị định số 95/2018/NĐ-CP) và chính quyền địa phương (Nghị định số 93/2018/NĐ-CP) phát hành đã tạo ra hành lang pháp lý đầy đủ để hình thành, phát triển, quản lý nhà nước đối với hai kênh tài chính tiềm năng này nhằm huy động nguồn lực từ thị trường cho việc chuyển đổi, phát triển các mô hình kinh tế xanh, ít chất thải, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục vụ các mục tiêu môi trường quốc gia và các cam kết khí hậu².

Trên thực tế, từ năm 2017 đến nay Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã bước đầu thiết lập “Danh mục dự án xanh” và xây dựng tài liệu hướng dẫn để phân loại các hoạt động kinh tế/dự án xanh phục vụ công tác thống kê, báo cáo tín dụng xanh, cũng như làm cơ sở cho các chương trình cấp tín dụng xanh và phát hành thí điểm trái phiếu xanh. Thị trường tín dụng xanh đã tăng gần gấp 5 lần kể từ năm 2017, với tổng dư nợ cấp tín dụng đối với lĩnh vực xanh có mức tăng trưởng bình quân đạt khoảng hơn 25%/năm. Từ năm 2016, một số địa phương đã phát hành thí điểm trái phiếu xanh để huy động vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương. Trong năm 2021, một số doanh nghiệp Việt Nam đã bắt đầu phát hành trái phiếu doanh nghiệp bền vững tại thị trường quốc tế và cả thị trường trong nước. Tín dụng xanh và trái phiếu xanh phân lớn tập trung cho các dự án xanh có quy mô lớn như năng lượng tái tạo, điện gió và điện mặt trời. Tuy nhiên, các “danh mục dự án xanh” và hướng dẫn trên đều chưa được phân loại theo thống kê ngành kinh tế của Việt Nam, chưa được phân loại theo các mục tiêu, lợi ích môi trường và chưa có các tiêu chí rõ ràng để sàng lọc, nhận diện được loại hình dự án nào đáp ứng yêu cầu được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh theo thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện của Việt Nam dẫn đến hạn chế việc huy động và giải ngân nguồn tài chính tiềm năng này. Do tính chất kỹ thuật và thường xuyên phải cập nhật, thay đổi của danh mục phân loại xanh, khoản 2 Điều 154 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ giao “*Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (sau đây gọi là danh mục phân loại xanh) trước ngày 31 tháng 12 năm 2022*”. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 154 qui định “việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu xác nhận để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định tại Nghị định này”.

Do đó, việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh là cần thiết, phù hợp với xu hướng và thông lệ quốc tế, đảm bảo đầy đủ cả về cơ sở chính trị và pháp lý.

² Tại Hội nghị lần thứ 26 Các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26) được tổ chức tại Glasgow (Scotland, Vương Quốc Anh) vào cuối tháng 10, đầu tháng 11/2021, Việt Nam đã cam kết đưa mức phát thải ròng về 0 vào năm 2050, giảm 30% lượng phát thải khí metan gây hiệu ứng nhà kính vào năm 2030. Việc thực hiện cam kết của VN tại COP26 phù hợp với chương trình tái cơ cấu nền kinh tế đất nước; phù hợp với xu thế của thế giới về phát triển kinh tế xanh, KTTH, kinh tế số. Để thực hiện các cam kết của VN tại COP26, VN cần phải huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, đặc biệt là phải xây dựng được cơ chế thu hút nguồn lực tài chính để thực hiện các cam kết, chống BĐKH

2. Cơ sở pháp lý của việc thực hiện nhiệm vụ

- Luật Bảo vệ môi trường, Luật số 72/2020/QH14, ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc Hội Khóa XIV;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;
- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giám nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;
- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trong đó xác định 17 mục tiêu phát triển bền vững và 115 mục tiêu cụ thể đến năm 2030 của Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường;
- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;
- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 lấy trọng tâm phát triển kinh tế phải đi cùng với BVMT, phát triển bền vững;
- Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2017 Phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020;
- Quyết định số 1658/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, theo đó, các Bộ ngành sẽ ban hành các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;
- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030;
- Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Hội nghị COP26);
- Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050;
- Hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ ban hành.

3. Mục đích của việc ban hành quy định

Việc ban hành tiêu chí môi trường đối với các dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (gọi tắt là danh mục phân loại xanh) hướng đến các mục đích sau:

- Thực hiện nhiệm vụ được giao trong Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện hiệu quả chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ môi trường; phát huy vai trò kiến tạo và điều tiết của Nhà nước để hình thành, vận hành, quản lý thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo hướng minh bạch, rõ ràng và hiệu quả;
- Huy động, phân bổ và điều tiết hiệu quả, thiết thực các nguồn tín dụng xanh, trái phiếu xanh tiềm năng trong nước và quốc tế để hỗ trợ, tài trợ cho các dự án đầu tư, thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế của Việt Nam theo hướng kinh tế xanh, kinh tế

tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp; góp phần thực hiện thành công mục tiêu cam kết về phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP 26.

- Cung cấp bộ công cụ hỗ trợ kỹ thuật rõ ràng, dễ hiểu, dễ áp dụng cho các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam để cấp tín dụng xanh; các tổ chức, cá nhân tham gia vào thị trường trái phiếu xanh; các cơ quan quản lý nhà nước các cấp trong việc định hướng, hoạch định, điều hành các chính sách nhằm huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư vào các ngành, lĩnh vực, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu hoặc mang lại các lợi ích về môi trường.

4. Cấu trúc của báo cáo kỹ thuật

Ngoài phần mở đầu và phụ lục bổ sung thông tin, dữ liệu có liên quan, Báo cáo Kỹ thuật được kết cấu thành các phần chính như sau:

- Kinh nghiệm quốc tế về việc xây dựng tiêu chí môi trường đối với các dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh.

- Kinh nghiệm quốc tế về việc xác nhận dự án đáp ứng tiêu chí môi trường để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

- Thực trạng và đề xuất các vấn đề đặt ra cho việc ban hành tiêu chí môi trường cho các dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh.

- Đề xuất quan điểm, nguyên tắc, các tiêu chí môi trường và việc xác nhận đối với dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

- Đề xuất về danh mục phân loại xanh việt nam và các phương án xác nhận đối với dự án thuộc danh mục phân loại xanh.

I. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC XÂY DỰNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH

1.1. Sự phát triển của Danh mục phân loại xanh

Theo Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA), Danh mục phân loại xanh (*Green taxonomy*) là một hệ thống phân loại để xác định các hoạt động kinh tế và đầu tư giúp thúc đẩy một quốc gia đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường ưu tiên cụ thể của quốc gia đó, ví dụ như giảm phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050.

Năm 2012, Tổ chức Sáng kiến trái phiếu khí hậu (CBI- Climate Bond Initiative) đưa ra các hướng dẫn tự nguyện cho thị trường tài chính dưới hình thức Danh mục phân loại trái phiếu khí hậu (*Climate Bonds Taxonomy - CBI Taxonomy*)³, Tiêu chuẩn và Chương trình chứng nhận trái phiếu khí hậu (*Climate Bonds Standard and Certification Scheme*). Danh mục phân loại trái phiếu khí hậu là một hệ thống các tiêu chí, tiêu chuẩn, và yêu cầu kỹ thuật dựa trên nền tảng khoa học khí hậu bao gồm nghiên cứu của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC) và Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), và đóng góp của các Nhóm công tác Kỹ thuật và Công nghiệp của CBI.

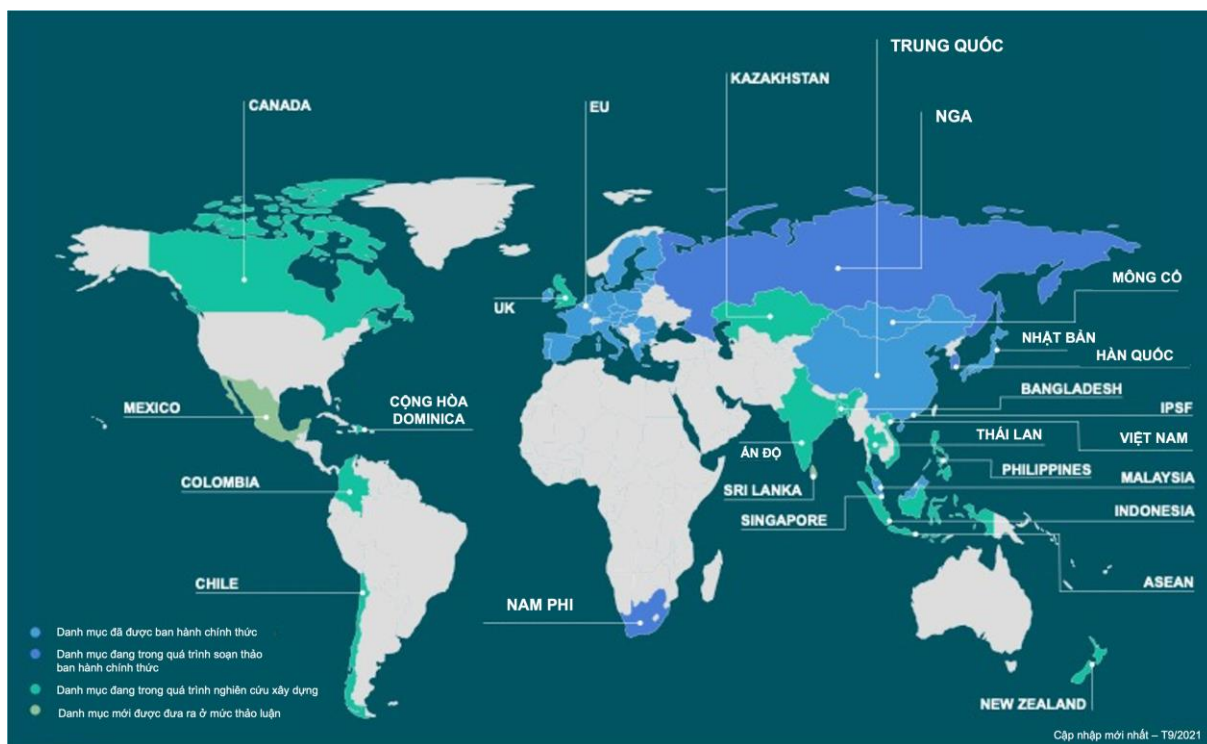
Danh mục phân loại trái phiếu khí hậu đã có những đóng góp lớn vào sự phát triển của Danh mục phân loại tài chính bền vững (*EU Sustainable Finance Taxonomy*) hay còn gọi là *EU Taxonomy for sustainable activities*) của Ủy ban Châu Âu⁴, và Danh mục phân loại xanh (*Green Taxonomy*) của gần 30 quốc gia và vùng lãnh thổ (Hình 1 và Phụ lục 1) đã được ban hành chính thức (Nga, Mông Cổ, Trung Quốc, Malaysia, Indonesia, Phillipin, Colombia...) hoặc đang trong quá trình soạn thảo cho các hoạt động kinh tế bền vững với mục tiêu giảm phát thải, BVMT và thúc đẩy nền kinh tế các-bon thấp.

Dựa trên các Danh mục phân loại xanh này, các tổ chức và quốc gia tiếp tục hình thành các Tiêu chuẩn/Hướng dẫn/Nguyên tắc trái phiếu xanh, Nguyên tắc tín dụng xanh, như Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu (*Climate Bonds Standard*) của CBI, Nguyên tắc trái phiếu xanh (GBP - Green Bond Principles) của ICMA, Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN (AGBS - ASEAN Green Bond Standards) của Diễn đàn các thị trường vốn ASEAN (ACMF), Nguyên tắc Tín dụng xanh (GLP - Green Loan Principles) của Hiệp hội thị trường tín dụng quốc tế (Loan Market Association), và hàng loạt các Tiêu chuẩn/Hướng dẫn về tín dụng xanh cấp quốc gia khác. *Các Tiêu chuẩn/ Nguyên tắc trái phiếu xanh, Nguyên tắc tín dụng xanh sẽ được phân tích và thảo luận tại mục ii. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC XÁC NHẬN DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH.*

³ Danh mục phân loại trái phiếu khí hậu (Climate Bonds Taxonomy) phiên bản đầu tiên ban hành năm 2013, hiện đã có phiên bản cập nhật vào tháng 9/2021.

⁴ CBI. "Climate Bonds Taxonomy"; <https://www.climatebonds.net/standard/taxonomy>

Hình 1. Bản đồ các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới có sử dụng và cân nhắc sử dụng Danh mục phân loại xanh tính đến năm 2022



Nguồn: Liên minh Tương lai của dữ liệu bền vững (FoSDA), 2022⁵

Cho đến nay Danh mục phân loại của CBI, Danh mục phân loại của EU và Danh mục phân loại của Trung Quốc được cho là những Danh mục phân loại xanh quan trọng để tham khảo xây dựng hầu hết các Danh mục phân loại xanh quốc gia khác. (*Tham khảo giới thiệu một số Danh mục phân loại xanh tiêu biểu tại Phụ lục 2*). Trong phạm vi của báo cáo nghiên cứu này, chúng tôi sẽ tập trung phân tích sự khác biệt về các mục tiêu, cách tiếp cận, và cấu trúc của ba Danh mục phân loại xanh điển hình nói trên, và những kinh nghiệm mà Việt Nam có thể áp dụng. Trong những phần cụ thể, một số ví dụ về Danh mục phân loại xanh của các quốc gia khác cũng có thể được phân tích để làm rõ hơn các kinh nghiệm có thể phù hợp với bối cảnh về quản lý môi trường, thị trường tài chính... tại Việt Nam.

1.2. Các mục tiêu của Danh mục phân loại xanh

Tất cả các Danh mục phân loại xanh đều được xây dựng nhằm mục đích chung là *giúp các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan xây dựng chính sách và các bên liên quan xác định khoản đầu tư nào có thể được gắn nhãn “xanh”, từ đó giúp đưa ra các quyết định về các khoản đầu tư thân thiện với môi trường, khuyến khích và mở rộng việc thực hiện các dự án và hoạt động kinh tế bền vững với môi trường và đóng góp vào các mục tiêu bảo vệ môi trường cụ thể*. Trong các mục tiêu bảo vệ môi trường cụ thể của mỗi Danh mục phân loại xanh có sự *khác biệt* để thể hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia và mức độ ưu tiên về phát triển các ngành kinh tế mà các quốc gia hướng đến (Bảng 1).

⁵ <https://futureofsustainabledata.com/wp-content/uploads/2021/09/FOSDA-Taxonomy-Infographic-PDF.pdf>

Bảng 1. Mục tiêu tổng quát, và mục tiêu bảo vệ môi trường của các Danh mục phân loại xanh⁶

	Mục tiêu tổng quát	Mục tiêu bảo vệ môi trường
Danh mục phân loại của CBI	Cung cấp các tiêu chí chi tiết phù hợp với khí hậu cho các nhà phát hành trái phiếu xanh và trái phiếu khí hậu, các nhà đầu tư, chính phủ và các cơ quan quản lý thuộc trung ương để giúp họ hiểu các khoản đầu tư quan trọng sẽ mang lại một nền kinh tế carbon thấp.	Nền kinh tế các-bon thấp, giảm phát thải khí nhà kính (KNK) phù hợp với giới hạn nóng lên toàn cầu 1,5 độ C do Thỏa thuận COP 21 Paris đặt ra.
Danh mục phân loại của EU	Để giúp các nhà đầu tư, công ty, tổ chức phát hành và chủ đầu tư dự án điều hướng quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp, có khả năng phục hồi và sử dụng tài nguyên hiệu quả, và đóng vai trò là khung báo cáo cho quy định mới của EU về công bố thông tin liên quan đến khí hậu của các nhà đầu tư, tập đoàn và ngân hàng.	(1) Giảm nhẹ BĐKH, (2) Thích ứng BĐKH, (3) Sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước và tài nguyên biển, (4) chuyển dịch sang nền kinh tế tuần hoàn, (5) Quản lý ngăn chặn ô nhiễm, (6) Bảo vệ và phục hồi đa dạng sinh học và hệ sinh thái.
Danh mục phân loại của Trung Quốc	Để xanh hóa toàn bộ hệ thống tài chính, trong đó phát triển thị trường trái phiếu xanh là một phần thiết yếu.	(1) Tiết kiệm năng lượng, (2) Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, (2) Bảo tồn nguồn tài nguyên và tái chế (3) Giao thông sạch, (4) Năng lượng sạch, (5) Bảo vệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu

Nguồn: Ngân hàng thế giới, 2020

1.3. Cách tiếp cận xây dựng Danh mục phân loại xanh

Mặc dù các quốc gia có thể xây dựng Danh mục phân loại xanh dựa trên các nguyên tắc và cách thức khác nhau, nhưng nhìn chung những danh mục phân loại xanh phổ biến nhất trên thế giới hiện nay vẫn được tiếp cận chủ yếu dựa trên 3 nguyên tắc chính sau:

- **Tiếp cận theo nguyên tắc “Danh sách trắng”**: Cách tiếp cận này tập trung vào việc xác định các dự án đủ điều kiện hoặc các hoạt động kinh tế theo từng ngành hoặc tiểu lĩnh vực. Loại phân loại này liệt kê các công nghệ được coi là xanh hoặc bền vững và cung cấp mô tả chi tiết về tính đủ điều kiện. Việc phân loại dựa trên danh sách trắng không phải lúc nào cũng bắt đầu bằng việc sàng lọc toàn bộ các hoạt động kinh tế mà tìm cách xác định các hoạt động đã xanh hoặc chứa các thành phần xanh có thể mang

⁶ Ngân hàng Thế giới, 6/2020. “Xây dựng Danh mục phân loại xanh quốc gia: Hướng dẫn của Ngân hàng thế giới”

lại nhiều tác động tích cực hơn cho môi trường. Cách tiếp cận này được *Nga, Trung Quốc và Mông cổ* sử dụng trong quá trình xây dựng Danh mục phân loại xanh của mình.

- Tiếp cận dựa trên tiêu chí sàng lọc kỹ thuật (Technical screening criteria):

Tiếp cận dựa trên tiêu chí sàng lọc kỹ thuật cung cấp thông tin về các ngưỡng và tiêu chí sàng lọc cho các hoạt động kinh tế và sự tuân thủ của chúng với các mục tiêu cụ thể. Tiếp cận dựa trên tiêu chí sàng lọc kỹ thuật xác định liệu các hoạt động kinh tế có tạo ra một đóng góp đáng kể vào môi trường và **không gây hại đáng kể** đến các mục tiêu bảo vệ môi trường khác hay không. Trong các lĩnh vực, cách tiếp cận dựa trên tiêu chí sàng lọc kỹ thuật nhằm mục đích trung lập về công nghệ trong việc sàng lọc các dự án đủ điều kiện để đưa vào và do đó không xác định trước bất kỳ hoạt động công nghệ hoặc tiểu ngành cụ thể nào. Tuy nhiên, việc vận hành tiêu chí sàng lọc kỹ thuật sẽ đòi hỏi sự sẵn có của dữ liệu cần thiết. Danh mục phân loại xanh của *Hàn Quốc, EU và Nam Phi* đang sử dụng cách tiếp cận này để xây dựng.

- Tiếp cận dựa trên các nguyên tắc (principles-based approach): tương tự như Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA, cách tiếp cận này được áp dụng ở Danh mục phân loại của Malaysia và Nhật Bản. Ngân hàng Negara Malaysia sử dụng phương pháp phân loại dựa trên nguyên tắc để giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Danh mục xanh áp dụng nguyên tắc tiếp cận này sẽ bao gồm các nguyên tắc hướng dẫn cốt lõi để đánh giá các hoạt động kinh tế nào có thể được tài trợ.

1.4. Cấu trúc của Danh mục phân loại xanh

Danh mục phân loại xanh thường bao gồm các nhóm ngành chính, các tiểu ngành, và các tiêu chí môi trường để xác định một dự án hay hoạt động kinh tế thuộc ngành và tiểu ngành đó là “xanh”, đóng góp vào việc đạt được các mục tiêu bảo vệ môi trường quốc gia. Việc phân nhóm ngành này có sự khác nhau giữa các quốc gia. Các ngành/nhóm ngành có thể bắt nguồn từ các Phân loại ngành hiện có được sử dụng bởi các cơ quan thống kê quốc gia hoặc Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế của Liên hợp quốc đối với tất cả các hoạt động kinh tế (International Standards Industrial Classification – ISIC)⁷; ví dụ như EU và Trung Quốc. Các ngành liên quan cũng có thể được rút ra từ các chính sách và quy định về môi trường, các hệ thống phân loại ngân sách khu vực công và hệ thống đo lường, báo cáo và xác minh (*MRV - measuring, reporting, and verification*) được sử dụng để theo dõi và báo cáo về tài chính khí hậu, hoặc các tiêu chí của các sản phẩm tài chính xanh hiện có mà lĩnh vực ngân hàng thường sử dụng. Với các xuất phát điểm như vậy, số lượng các ngành và tiểu ngành cũng rất khác nhau giữa các Danh mục phân loại xanh. **Áp dụng phân loại ngành hiện có của quốc gia là xu hướng được nhiều quốc gia sử dụng** để cấu trúc Danh mục phân loại xanh của mình. Các Danh mục phân loại xanh đã ban hành trước đây cũng có xu hướng được nâng cấp theo cấu trúc này.

⁷ International Labour Organization, International Conference of Labour Statisticians, “International Standard Industrial Classification of All Economic Activities” (ISIC rev. 4, 2007), <https://ilostat ilo.org/resources/concepts-and-definitions/classification-economic-activities/>

Bảng 2. Phân loại ngành của một số Danh mục phân loại xanh

Danh mục phân loại xanh	Hệ thống Phân loại ngành sử dụng	Số lượng ngành chính và các tiêu ngành
Mông Cổ (2019)	Không sử dụng hệ thống phân loại ngành nào	8 nhóm ngành lớn và 28 nhóm tiêu ngành
Hàn Quốc (2020)	Không sử dụng hệ thống phân loại ngành nào	5 nhóm, với 64 hoạt động kinh tế xanh
CBI (2021)	Không sử dụng hệ thống phân loại ngành nào	8 nhóm ngành lớn và 44 nhóm tiêu ngành
EU (2021)	Phân loại thống kê các hoạt động kinh tế trong Cộng đồng Châu Âu (Statistical classification of economic activities in the European Community – NACE) ⁸	8 ngành nghề xanh với 70 loại hình dự án xanh hoặc chuyển đổi xanh
Trung Quốc (2021)	Tham chiếu đến Hệ thống phân loại ngành quốc gia	6 nhóm ngành cấp I, 25 ngành cấp II, 47 ngành cấp III và 202 ngành cấp IV
ASEAN (2021)	Tham chiếu đến Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế (ISIC)	9 nhóm ngành cấp I ưu tiên
Bangladesh (2022)	Không sử dụng hệ thống phân loại ngành nào	8 ngành nghề xanh với 55 sản phẩm, dự án, hoặc sáng kiến xanh

Nguồn: Nhóm chuyên gia và tác giả tổng hợp

Nhìn chung các khung **Danh mục phân loại thường được tiếp cận xây dựng thành khoảng 6-8 nhóm ngành lớn** và rất nhiều các tiêu ngành, như các ví dụ ở Bảng 2 và Bảng 3 dưới đây:

Bảng 3. So sánh các lĩnh vực được lựa chọn trong danh mục phân loại xanh của CBI, EU và Trung Quốc

TT	CBI	EU	Trung Quốc
1	Năng lượng (8)	Rừng (5)	Tiết kiệm năng lượng và BVMT (6)

⁸ NACE theo Tiếng Pháp là “Nomenclature statistique des Activités économiques dans la Communauté Européenne”. NACE bắt nguồn từ ISIC (International Standards Industrial Classification) của Liên hợp quốc

TT	CBI	EU	Trung Quốc
2	Giao thông (5)	Nông nghiệp (3)	Công nghệ sản xuất sạch hơn (4)
3	Tài nguyên nước (6)	Chế tạo (9)	Công nghiệp năng lượng sạch (2)
4	Công trình/ Toà nhà (4)	Cung cấp điện, khí, hơi nước và điều hoà (25)	Sinh thái & Môi trường (2)
5	Sử dụng đất và tài nguyên biển (5)	Nước, nước thải, chất thải và sửa chữa (12)	Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh (6)
6	Công nghiệp (5)	Giao thông vận tải và lưu kho (10)	Dịch vụ xanh (5)
7	Chất thải (7)	Thông tin và truyền thông (2)	
8	Thông tin và truyền thông (4)	Xây dựng và Bất động sản (4)	

Nguồn: Nhóm chuyên gia và tác giả tổng hợp

Bảng 4 dưới đây so sánh các ngành/lĩnh vực của các Danh mục phân loại xanh với Hệ thống Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế (ISIC). ISIC là cơ sở của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC)⁹ được sử dụng thống nhất trong đăng ký thành lập doanh nghiệp, thống kê kinh tế tại Việt Nam.

Bảng 4. So sánh ngành được lựa chọn trong một số Danh mục phân loại xanh

ISIC		Danh mục phân loại xanh						
Mục	Ngành	EU	CBI	Trung Quốc	Colombia	Nam Phi	Hàn Quốc	ASEAN
A	Nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt thủy hải sản ¹⁰	X	X	X	X	X	X	X
B	Khai khoáng							
C	Công nghiệp chế biến, chế tạo	X	X	X	X	X	X	X

⁹ Được ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2018

¹⁰ Tên ngành trong VSIC: Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản

ISIC		Danh mục phân loại xanh						
Mục	Ngành	EU	CBI	Trung Quốc	Colombia	Nam Phi	Hàn Quốc	ASEAN
D	Cung cấp điện, gas, hơi nước và điều hòa không khí	X	X	X	X	X	X	X
E	Cung cấp nước; thoát nước, quản lý chất thải và Các hoạt động khác phục hậu quả ¹¹	X	X	X	X	X	X	X
F	Xây dựng	X	X	X	X	X	X	X
G	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ và xe máy ¹²			X				
H	Vận tải kho bãi	X	X	X	X	X	X	X
I	Dịch vụ lưu trú và ăn uống							
J	Thông tin và truyền thông	X		X	X	X		X
K	Hoạt động tài chính và bảo hiểm							
L	Hoạt động kinh doanh bất động sản	X				X		X
M	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	X	X	X			X	X
N	Hoạt động dịch vụ hành chính và hỗ trợ	X		X				
O	Hành chính công và quốc phòng và trợ cấp an sinh bắt buộc ¹³							
P	Giáo dục và đào tạo	X						

¹¹ Tên trong VSIC: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

¹² Tên trong VSIC: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

¹³ Tên trong VSIC: Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc

ISIC		Danh mục phân loại xanh						
Mục	Ngành	EU	CBI	Trung Quốc	Colombia	Nam Phi	Hàn Quốc	ASEAN
Q	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	X						
R	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	X						
S	Hoạt động dịch vụ khác					X		
T	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình							
U	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế							

Nguồn: Danh mục phân loại ASEAN¹⁴

¹⁴ Danh mục phân loại ASEAN cho tài chính bền vững, Phiên bản 1, 11/2021. Trang 71. <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/11/ASEAN-Taxonomy.pdf>

1.5. Tiêu chí môi trường trong Danh mục phân loại xanh

Các tiêu chí môi trường bao gồm các tiêu chí sàng lọc, ngưỡng, và chỉ tiêu môi trường cho từng ngành và/hoặc tiểu ngành là một trong những nội dung cốt lõi của Danh mục phân loại xanh, nhằm hỗ trợ việc lựa chọn các khoản đầu tư cụ thể trong các ngành và tiểu ngành đã xác định. Tiêu chí quan trọng để lựa chọn một dự án hay tài sản đầu tư cụ thể là cách nó góp phần đáp ứng mục tiêu quốc gia và/hoặc tiêu chuẩn và/hoặc ngưỡng được chấp nhận.

Mức độ chi tiết của các tiêu chí môi trường phụ thuộc vào cách tiếp cận xây dựng (mục 1.3) và nền tảng cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật của từng quốc gia. Tuy nhiên, các Danh mục phân loại xanh được xây dựng gần đây hoặc được cập nhật gần đây có xu hướng tăng mức độ chi tiết của các tiêu chí môi trường, với các ngưỡng và chỉ tiêu môi trường cụ thể hơn, bên cạnh các yêu cầu không gây hại đáng kể.

Bảng 5. Tiêu chí sàng lọc chính của một số Danh mục phân loại xanh

Danh mục phân loại xanh	Tiêu chí sàng lọc
CBI (2021)	CBI đưa ra các tiêu chí sàng lọc cho một số lĩnh vực phù hợp với việc hạn chế sự nóng lên ở mức 2°C — nghĩa là phù hợp với Thỏa thuận Paris
EU (2021)	EU đưa ra các chỉ số và các ngưỡng cụ thể cho từng hoạt động, (ví dụ: ngưỡng giảm KNK gCO ₂ e/đơn vị sản phẩm; tuân thủ các tiêu chuẩn, nhãn mác hoặc quy định như Yêu cầu quản lý rừng bền vững đối với hoạt động tái trồng rừng; tuân thủ yêu cầu công nghệ như đối với điện mặt trời; hoặc tuân thủ các quy định cụ thể. Tất cả các ngưỡng này phù hợp với cam kết của Hiệp định Paris của EU nhằm hạn chế mức tăng nhiệt độ lên 1,5 °C
Trung Quốc (2021)	Các chỉ số được chọn cho từng hoạt động dự án. Các tiêu chí được xác định dựa trên chứng minh về giảm phát KNK, Phương pháp chung của MDB về Theo dõi Tài chính Khí hậu (Các Nguyên tắc Chung), và các tiêu chí của Ngân hàng Đầu tư Châu Âu (EIB)
ASEAN (2021)	Chưa xây dựng. Hiện mới hoàn thành Khung nền tảng (Foundation Framework) được xây dựng theo cách tiếp cận dựa trên nguyên tắc. Các tiêu chí và ngưỡng trong các tiêu chuẩn bổ sung (<i>Plus Standards</i>) sẽ được xây dựng dựa trên cơ sở khoa học và định lượng.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Bảng 6. Ví dụ về các tiêu chí môi trường của ngành Nông nghiệp trong các Danh mục phân loại xanh

	Danh mục phân loại CBI	Danh mục phân loại EU	Danh mục phân loại Trung Quốc
Ngành Nông nghiệp	<p>Sản xuất nông nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trồng trọt nông lâm kết hợp • Chăn nuôi gia súc <p>Cơ sở vật chất chất cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Máy móc và thiết bị quản lý canh tác đất đai và chăn nuôi gia súc • Xây dựng hệ thống công nghệ liên kết thông tin • Xây dựng hệ thống tưới tiêu 	<p>Là một ngành đóng vai trò trung tâm trong biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và an ninh lương thực. Các hoạt động cụ thể gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Trồng cây hàng năm • Trồng cây lâu năm • Chăn nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhân giống cây trồng, vật nuôi • Chăn nuôi gia cầm • Sản xuất sản phẩm hữu cơ nông nghiệp
Tóm tắt Tiêu chí sàng lọc, Ngưỡng và chỉ tiêu	<p>Tuân theo mục tiêu về hấp thu carbon, giảm khí phát thải, nhằm tạo nên “nền nông nghiệp carbon thấp”</p>	<p>Các tiêu chí về giảm thiểu:</p> <p>Nguyên tắc chung</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giảm phát thải từ hoạt động quản lý đất trồng, quản lý vật nuôi • Tăng việc loại bỏ carbon khỏi bầu khí quyển và lưu trữ trong sinh khối trên và dưới mặt đất cho đến giới hạn của mức bão hòa. • Không sản xuất nông nghiệp trên vùng đất có trữ lượng carbon cao <p>Ngưỡng, chỉ số sàng lọc</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giảm phát thải KNK (bao gồm cả phát thải từ các đầu vào được sử dụng trong trang trại) thông qua việc áp dụng các thực hành quản lý thích hợp 	<p>Sản phẩm đầu ra cần đáp ứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiêu chuẩn GB/T19630 về sản phẩm hữu cơ Trung Quốc • Tiêu chuẩn môi trường và chất lượng của Bộ Nông nghiệp • 7 hướng dẫn chung về thuốc bảo vệ thực vật phân bón, thuốc thú y, phụ gia thức ăn và thức ăn chăn nuôi, phụ gia thực phẩm, vệ sinh động vật • 45 tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu xanh <p>Các dự án phải tuân thủ:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Quy định quản lý an toàn đối với các sinh

	Danh mục phân loại CBI	Danh mục phân loại EU	Danh mục phân loại Trung Quốc
		<ul style="list-style-type: none"> • Duy trì và phát triển trữ lượng carbon theo các mục tiêu cam kết của lộ trình 20 năm thông qua việc áp dụng thực hành quản lý thích hợp. <p>Không gây hại đáng kể (DNSH)</p> <p>DNSH mục tiêu và các ngưỡng áp dụng</p>	<p>vật biến đổi gen (GMO)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Công ước Rotterdam về thủ tục chấp thuận thông báo trước đối với một số hóa chất và thuốc trừ sâu độc hại trong thương mại quốc tế • Nghị định thư Montréal về các chất làm suy giảm tầng ôzôn • Việc trồng cây thuốc lá không được công nhận

Nguồn: Tác giả tổng hợp

II. KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ VIỆC XÁC NHẬN DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Việc xác định một dự án có thuộc danh mục phân loại xanh là một khía cạnh của các nguyên tắc và quy định về trái phiếu xanh và tín dụng xanh. Phần dưới đây bao gồm các thảo luận về các nguyên tắc và quy định về phát hành trái phiếu xanh, cấp tín dụng xanh trong thông lệ quốc tế. Các nội dung thảo luận cũng bao gồm các nội dung xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, các hình thức xác nhận, và các bên liên quan thực hiện xác nhận.

2.1. Các nguyên tắc và quy định về phát hành trái phiếu xanh trong thông lệ quốc tế

2.1.1. Nguyên tắc trái phiếu xanh (GBP - Green Bond Principles)

Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA, là thông lệ quốc tế được áp dụng phổ cập nhất hiện nay.

Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA bao gồm các quy định về bốn cấu phần chính của nguồn thu trái phiếu xanh: a) Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh, b) Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án, c) Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh, và d) Báo cáo.

Bảng 7. Nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế

TT		Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA
1.	Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Nguyên tắc Trái phiếu xanh không quy định cụ thể về 'xanh'. Định nghĩa xanh được để cho tổ chức phát hành xác định. Các danh mục dự án xanh nói chung (và chưa toàn diện) và do các nguyên tắc đề xuất bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Năng lượng • Tòa nhà • Giao thông • Quản lý nước • Quản lý chất thải & kiểm soát ô nhiễm • Tài sản dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên bao gồm sử dụng đất, nông nghiệp và lâm nghiệp • Công nghiệp & thương mại sử dụng nhiều năng lượng • Công nghệ thông tin & truyền thông
2.	Quy trình đánh giá và lựa chọn dự án	Tổ chức phát hành trái phiếu xanh cần thông báo rõ ràng với nhà đầu tư: <ul style="list-style-type: none"> • Các mục tiêu bền vững về môi trường; • Tổ chức phát hành quyết định quy trình về cách thức lựa chọn các dự án phù hợp với các dự án xanh đủ điều kiện

TT		Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA
		<ul style="list-style-type: none"> Các tiêu chí liên quan đến tính hợp lệ
3.	Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu	Số tiền thu được ròng từ phát hành trái phiếu xanh phải được ghi có vào một tài khoản phụ, chuyển sang một danh mục phụ hoặc được tổ chức phát hành theo dõi một cách thích hợp, và được chứng thực bởi tổ chức phát hành trong một quy trình nội bộ chính thức liên quan đến hoạt động cho vay và đầu tư cho các dự án của tổ chức phát hành.
4.	Báo cáo	<p>Tổ chức phát hành nên cung cấp và lưu giữ thông tin cập nhật sẵn sàng cung cấp về việc sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu sẽ được cập nhật hàng năm cho đến khi phân bổ xong, và kịp thời trong trường hợp có diễn biến quan trọng.</p> <p>Tính minh bạch có giá trị đặc biệt trong việc truyền đạt tác động dự kiến của các dự án.</p>

Nguồn: ICMA, Nguyên tắc trái phiếu xanh, 6/2021¹⁵

Khung trái phiếu xanh: là một bước quy trình trong giai đoạn trước khi phát hành trái phiếu xanh khác với phát hành các loại trái phiếu truyền thống/thông thường. Đây là tài liệu thảo luận về cách các quy trình nội bộ của tổ chức phát hành đáp ứng các tiêu chí hợp lệ của trái phiếu xanh được công nhận rộng rãi và được chia thành hai bộ: một bộ các quy trình cần được thực hiện ở giai đoạn trước khi phát hành (Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu, Lựa chọn dự án và tài sản, Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu, Đánh giá bên ngoài) và một bộ cần được thực hiện ở giai đoạn sau khi phát hành (Kiểm toán và báo cáo sau phát hành). Khung trái phiếu xanh của tổ chức phát hành thường được cung cấp công khai trên thị trường và được coi là trọng tâm của quy trình phát hành trái phiếu xanh.

Đánh giá bên ngoài/độc lập: đề cập đến đánh giá độc lập về các thông tin xác thực xanh của trái phiếu được cung cấp cho tổ chức phát hành bởi kiểm toán viên độc lập (bên đánh giá). Đánh giá độc lập thường được thực hiện trước và sau phát hành trái phiếu xanh. Đánh giá bên ngoài được công bố khi phát hành là rất quan trọng để xác minh việc tuân thủ Nguyên tắc trái phiếu xanh. Đánh giá hay kiểm toán sau khi phát hành xác nhận liệu nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu có được phân bổ theo Khung trái phiếu xanh của trái phiếu hay không, do đó nâng cao tính minh bạch và độ tin cậy của giao dịch.

Nguyên tắc Trái phiếu xanh của ICMA được tham chiếu đến các quy định và hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh ở hầu hết tất cả các nước được nghiên cứu (Philippine, Indonesia, Malaysia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Brazil, Mongolia, Mexico), Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN (AGBS - ASEAN Green Bond Standards) của Diễn đàn các thị trường vốn ASEAN (ACMF)¹⁶, và cả Nguyên tắc Tín dụng xanh (GLP - Green Loan Principles) của Hiệp hội thị trường tín dụng quốc tế (Loan Market Association).

¹⁵ <https://www.icmagroup.org/assets/documents/Sustainable-finance/2021-updates/Green-Bond-Principles-June-2021-140621.pdf>

¹⁶ ACMF là một diễn đàn bao gồm các cơ quan quản lý thị trường từ 10 quốc gia ASEAN

2.1.2. Tiêu chuẩn về Trái phiếu khí hậu (Climate Bonds Standard)¹⁷

Tiêu chuẩn Trái phiếu khí hậu của Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI - Climate Bonds Initiative) cũng được xây dựng dựa trên Nguyên tắc Trái phiếu xanh của ICMA và bổ sung thêm các tiêu chí khoa học để xác định các tài sản tuân thủ với thế giới dưới hai độ, phù hợp với Thỏa thuận Khí hậu Paris. Ngoài ra, Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu của CBI cũng tuyên bố phù hợp với Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN, Nguyên tắc về trái phiếu xanh của Nhật Bản (Japan's Green Bond Guidelines) và Yêu cầu về Công bố và Niêm yết về trái phiếu xanh của Ấn Độ.

Bảng 8. Bảng so sánh các nguyên tắc và tiêu chuẩn trái phiếu được dán nhãn quốc tế & ASEAN

	Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA	Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu của CBI	Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN
Tiêu chí hợp lệ	Liệt kê các ngành lớn (mang tính cấp cao – high level)	Danh mục phân loại CBI	Liệt kê các ngành lớn (mang tính cấp cao – high level)
Đánh giá bên ngoài	Khuyến nghị nhưng không bắt buộc	Cần thiết	Khuyến nghị
Công bố đánh giá bên ngoài	Khuyến nghị nhưng không bắt buộc	Cần thiết	Cần thiết (nếu được tiến hành)
Sự công nhận cần có đối với tổ chức đánh giá	Không	Có	Không
Báo cáo tác động	Khuyến nghị nhưng không bắt buộc	Không yêu cầu. Cần có báo cáo phân bổ và tính hợp lệ	Khuyến nghị
Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu trong tài liệu pháp lý	Khuyến nghị nhưng không bắt buộc	Cần thiết	Cần thiết

Nguồn: SSC-IFC Sổ tay Phát hành Trái phiếu Xanh, Trái phiếu Xã hội và Trái phiếu Bền vững

2.1.3. Các quy định về phát hành Trái phiếu xanh của các quốc gia trên thế giới

Quy định về trái phiếu xanh thường được ban hành dưới hình thức là quy định chính thức hoặc hướng dẫn tự nguyện.

Không có một xu hướng chung trong các quốc gia được nghiên cứu về ban hành quy định chính thức về trái phiếu xanh hay hướng dẫn tự nguyện về trái phiếu xanh, điều này tùy thuộc vào mức độ phát triển của thị trường tài chính ở mỗi quốc gia khác

¹⁷ <https://www.climatebonds.net/files/files/climate-bonds-standard-v3-20191210.pdf>

nhau. Các quy định pháp luật về trái phiếu xanh thường do cơ quan tài chính tương đương cấp Bộ của Việt Nam hoặc Ủy ban chứng khoán ban hành, cụ thể như sau:

Bảng 9. Hệ thống quản lý trái phiếu xanh của một số quốc gia trên thế giới

Quốc gia	Cơ quan ban hành
Trung Quốc	Ủy ban Điều tiết Chứng khoán Trung Quốc/ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc
Indonesia	Cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia (Financial Services Authority - OJK)
Malaysia	Sở Giao dịch chứng khoán Malaysia
Mongolia	Ủy ban Điều hành tài chính - Mongolia's Financial Regulatory Commission (FRC)
Philippines	Ủy ban Chứng khoán và sàn giao dịch Philippines
Ấn Độ	Ủy ban Chứng khoán và sàn giao dịch Ấn Độ (SEBI)

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo của IFC

Quy định về trái phiếu xanh của Trung Quốc bao gồm ba quy định riêng là Quy định về Danh mục dự án xanh (2015), Danh mục trái phiếu xanh (2015) và Quy định về đánh giá và chứng nhận phát hành trái phiếu xanh (2017).

Ở các quốc gia khác Quy định về trái phiếu xanh phần lớn được phát triển dựa trên Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và/hoặc Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN (với các nước ASEAN). Philippines không ban hành quy định riêng mà Ủy ban Chứng khoán và Giao dịch Philippines tuyên bố thông qua Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN làm khuôn khổ cho các doanh nghiệp Philippines phát hành trái phiếu xanh.

Nhật Bản, Hàn Quốc, Brazil, và Mexico đưa ra các hướng dẫn tự nguyện về trái phiếu xanh được xây dựng bởi các nhóm tổ công tác/cố vấn bao gồm Bộ Môi trường, Bộ Tài chính, Sở Giao dịch Chứng khoán, Viện nghiên cứu về Công nghệ & Công nghiệp Môi trường... Những hướng dẫn tự nguyện này cũng được phát triển dựa trên Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA.

2.2. Các nguyên tắc và quy định về cấp tín dụng xanh

Nguyên tắc Tín dụng xanh (GLP - Green Loan Principles) của Hiệp hội thị trường tín dụng quốc tế (Loan Market Association). Nguyên tắc Tín dụng xanh được xây dựng dựa trên và tham khảo các Nguyên tắc Trái phiếu xanh của ICMA, nhằm thúc đẩy tính nhất quán trên các thị trường tài chính. Nguyên tắc Tín dụng xanh thiết lập bốn cấu phần đặc trưng cho khoản vay xanh, bao gồm: a) Sử dụng khoản vay, b) Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án, c) Quản lý khoản vay, và d) Báo cáo

Các quy định về Tín dụng xanh không được công khai phổ biến với các quốc gia được nghiên cứu, trừ Hướng dẫn về Tín dụng xanh của Ủy ban điều tiết ngân hàng Trung quốc (China Banking Regulatory Commission). Các tổ chức ngân hàng được yêu

cầu tính toán các lợi ích môi trường của từng khoản tín dụng xanh dựa trên nguyên tắc an toàn vốn. Cơ sở tính toán bao gồm bên thứ ba báo cáo thẩm tra, dữ liệu do người thẩm tra cung cấp, văn bản phê duyệt dự án, dự án báo cáo nghiên cứu khả thi và báo cáo tác động môi trường. Công thức tính toán lợi ích môi trường như sau:

Mức giảm phát thải hàng năm của khoản vay	=	$\frac{\text{Dư nợ vay của ngân hàng}}{\text{Tổng đầu tư dự án}}$	x Mức giảm phát thải hàng năm của dự án đến khi kết thúc
---	---	---	--

Nguồn: Hiệp hội thị trường tín dụng quốc tế

“Dư nợ” bao gồm các khoản tài trợ cho dự án và các khoản vay vốn lưu động để hỗ trợ dự án. Để tính toán lợi ích tiết kiệm năng lượng của một dự án tiết kiệm năng lượng điển hình, tài liệu phê duyệt cho nghiên cứu khả thi sẽ là nguồn chính để tham khảo, tiếp theo là Báo cáo Tiết kiệm năng lượng và sau đó là Nghiên cứu khả thi. Để tính toán lợi ích giảm thiểu ô nhiễm cho dự án/phương án BVMT, văn bản phê duyệt đánh giá tác động môi trường sẽ là nguồn chính để tham khảo, tiếp theo là Báo cáo tác động môi trường và nghiên cứu khả thi.

2.3. Các quy định điển hình trong việc xác nhận trái phiếu xanh, tín dụng xanh

2.3.1. Quy định về đánh giá độc lập đối với tín dụng xanh

a) Nguyên tắc Tín dụng xanh của ICMA có khuyến nghị về đánh giá độc lập thông qua một trong các hình thức:

- Đánh giá của tư vấn (Consultant review): Người vay có thể tìm kiếm lời khuyên từ các nhà tư vấn và/hoặc các tổ chức có chuyên môn được công nhận về tính bền vững môi trường hoặc các khía cạnh khác của việc quản lý khoản vay xanh. “Ý kiến của bên thứ hai” cũng có thể thuộc loại này.

- Xác minh/ Xác thực (Verification): Khoản vay xanh, khuôn khổ tín dụng xanh, hoặc các tài sản cơ bản được xác minh bởi các tổ chức độc lập đủ điều kiện, như kiểm toán viên hoặc nhà cung cấp xếp hạng Môi trường-Xã hội-Quản trị (ESG - Environmental, Social, and Governance) độc lập. Ngược lại với chứng nhận, xác minh có thể tập trung vào sự phù hợp với các tiêu chuẩn nội bộ hoặc các tuyên bố của bên vay.

- Chứng nhận (Certification): Khoản vay xanh được chứng nhận theo tiêu chuẩn đánh giá xanh bên ngoài. Tiêu chuẩn đánh giá bao gồm các tiêu chí, và sự phù hợp với các tiêu chí đó được đánh giá và chứng nhận bởi các bên thứ ba/tổ chức chứng nhận đủ điều kiện và được cấp phép.

- Xếp hạng (Rating): Khoản vay xanh được đánh giá bởi các cơ quan/ tổ chức xếp hạng hoặc công ty chuyên ngành (được chứng nhận đủ điều kiện)

Đánh giá độc lập có thể thực hiện với một, một vài, hoặc toàn bộ bốn cấu phần của khoản vay xanh.

Bên vay và bên cho vay sẽ cần phải đồng ý ngay từ đầu liệu có cần phải đánh giá bên ngoài hay không.

Các định chế tài chính, các ngân hàng và TCTD cho phép người vay – borrower được phép tự xác nhận (self-certification) dự án xin vay xanh với điều kiện người vay đó

đã xây dựng được năng lực đánh giá và có quy định bằng văn bản quy trình nội bộ và năng lực của nhân viên cho việc xác nhận này, và người cho vay đã hiểu rõ người vay.

b) Các quy định của Singapore trong việc xác nhận các khoản vay xanh:

- **Đánh giá bên ngoài/ xác nhận của bên thứ ba** là một trong những điều kiện để dự án được hưởng ưu đãi từ Chương trình Tài trợ Khoản vay Xanh và Bền vững (the Green and Sustainability-Linked Loan Grant Scheme, GSLS).¹⁸ Vào tháng 11 năm 2020, Ngân hàng trung ương Singapore (MAS) đã công bố Chương trình Tài trợ Khoản vay Xanh và Bền vững (GSLS), sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023. Chương trình Tài trợ Khoản vay Xanh và Bền vững là một sáng kiến trong Kế hoạch Hành động Tài chính Xanh của Ngân hàng trung ương Singapore được khởi động vào năm 2019 để hỗ trợ một Singapore bền vững và tạo điều kiện cho quá trình chuyển đổi của Châu Á sang một tương lai bền vững.

Các khoản vay xanh và bền vững được cho là hợp lệ với chương trình phải có Đánh giá bên ngoài (External review), bao gồm Ý kiến của bên thứ 2 (Second Party Opinion), hoặc xác nhận (verification), hoặc chứng nhận (certification), hoặc Xếp hạng (rating) tại thời điểm trước khi làm hồ sơ vay vốn¹⁹ để chứng minh sự phù hợp của khoản vay với các nguyên tắc cho vay xanh, nguyên tắc cho vay bền vững được quốc tế công nhận.

2.3.2. Quy định của các quốc gia về đánh giá độc lập về trái phiếu xanh

Đánh giá độc lập/ bên ngoài về phát hành trái phiếu xanh bởi một tổ chức độc lập với tổ chức phát hành được đề xuất và khuyến nghị bởi phần lớn các quốc gia, nhưng có xu hướng ngày càng được quy định chặt chẽ hơn về khía cạnh môi trường.

Cả Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN đều đưa ra các khuyến nghị (nhưng không bắt buộc) về đánh giá độc lập/ đánh giá bên ngoài đối với trái phiếu xanh. Do vậy, phần lớn các quốc gia có quy định/ hướng dẫn về trái phiếu xanh áp dụng Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và/hoặc Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN đều theo xu hướng này.²⁰ Theo báo cáo về Thị trường Trái phiếu xanh toàn cầu (CBI, Green Bonds Global State of the Market, 2020)²¹, 86% trái phiếu xanh phát hành vào năm 2019 được đánh giá độc lập.

Việc đánh giá có thể bao gồm một phần hoặc toàn bộ bốn cấu phần chính của nguồn thu trái phiếu xanh:

- Sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh,
- Quy trình Đánh giá và Lựa chọn Dự án,
- Quản lý nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh, và
- Báo cáo (theo các quy định về trái phiếu xanh của Malaysia, Hàn Quốc, Brazil, Trung Quốc)

Tuy nhiên quy định về trái phiếu xanh của Ủy ban Châu Âu (dự thảo), Philippines, Indonesia yêu cầu đánh giá độc lập bắt buộc đối với một số nội dung của trái phiếu xanh, cụ thể như sau:

¹⁸ [Green and Sustainability-Linked Loans Grant Scheme \(mas.gov.sg\)](https://www.mas.gov.sg/green-and-sustainability-linked-loan-grant-scheme)

¹⁹ Chương trình còn có các điều kiện khác liên quan đến mục đích, mục tiêu, địa điểm và thời gian của dự án; thời hạn, chi phí, số tiền vay và tài trợ..

²⁰ Bao gồm các nước: Trung Quốc, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Mông Cổ, Bangladesh, Brazil, Mexico

²¹ https://www.climatebonds.net/files/reports/cbi_sotm_2019_vol1_04d.pdf

Bảng 10. Tổng hợp quy định về đánh giá độc lập của một số quốc gia

Tên Quốc gia	Quy định về đánh giá độc lập
Ủy ban Châu Âu	Bắt buộc phải có đánh giá độc lập trước phát hành về mức độ phù hợp với các quy định về trái phiếu xanh và Danh mục phân loại xanh
Philippines	Bắt buộc phải có đánh giá độc lập đối với cấu phần Đánh giá và lựa chọn dự án. Khuyến khích đánh giá độc lập với các hợp phần khác
Indonesia	Tổ chức phát hành phát hành trái phiếu xanh bắt buộc phải có ý kiến hoặc đánh giá từ Chuyên gia môi trường rằng các hoạt động liên quan đến việc phát hành trái phiếu xanh là có lợi cho môi trường

Nguồn: Tổng hợp từ Quy định của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Liên Minh Châu Âu năm 2021 về trái phiếu xanh Châu Âu²²; Thông tư của Ủy ban Chứng khoán Philippines năm 2020 về hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh theo các tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN²³; Quy định số 60/POJK.04/2017 của Cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia về TPX²⁴.

Tổ chức đánh giá độc lập được khuyến nghị là các chuyên gia môi trường, công ty tư vấn, kiểm toán, tổ chức xếp hạng, viện nghiên cứu...có chứng chỉ hoạt động, có chứng nhận chuyên môn, hoặc được cấp phép.

Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và hầu hết các quốc gia áp dụng Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA đều không có quy định cụ thể về việc chứng nhận các Tổ chức đánh giá độc lập. Trong những trường hợp như vậy, các tổ chức kiểm toán, các tổ chức đánh giá độc lập được chứng nhận của các tổ chức quốc tế như CBI được ưu tiên sử dụng, và/ hoặc theo sự thỏa thuận giữa các nhà đầu tư và Tổ chức phát hành. Ở các quốc gia yêu cầu bắt buộc về đánh giá độc lập có các quy định riêng về tiêu chuẩn và cơ quan cấp chứng nhận/ cấp phép cho tổ chức đánh giá độc lập. Cơ quan cấp phép cho các tổ chức đánh giá được quy định ở các quốc gia này như sau:

Bảng 11. Tổng hợp các cơ quan cấp phép cho tổ chức đánh giá độc lập về trái phiếu xanh

	Cơ quan cấp phép cho các tổ chức đánh giá độc lập về trái phiếu xanh
EU	Cơ quan Thị trường và Chứng khoán Châu Âu

²² <https://c2e2.unepccc.org/wp-content/uploads/sites/3/2021/07/european-commission-green-bond-standard-proposal-6-july-2021.pdf>

²³ <https://www.sec.gov.ph/wp-content/uploads/2020/02/2018-GUIDELINES-FOR-ISSUANCE-OF-GREEN-BONDS.pdf>

²⁴

<https://static1.squarespace.com/static/5b346e8296e76f6b5b74bfe4/t/5eaf69b8bd40350b4ef8db64/1588554171781/English-SAL-POJK-60-Green-Bond.pdf>

	Cơ quan cấp phép cho các tổ chức đánh giá độc lập về trái phiếu xanh
Trung Quốc	Ủy ban Tiêu chuẩn trái phiếu xanh - Cơ quan đánh giá và chứng nhận trái phiếu xanh - là một cơ chế phối hợp quản lý trái phiếu xanh được thành lập theo cơ chế điều phối liên bộ về trái phiếu doanh nghiệp.
Indonesia	Bộ Môi trường (cấp chứng nhận chuyên môn cho chuyên gia môi trường), nhưng không có quy định đối với các tổ chức đánh giá không phải tổ chức chuyên môn về môi trường. Indonesia chấp thuận các tổ chức đánh giá quốc tế.

Nguồn: Tổng hợp từ Quy định của Nghị viện Châu Âu và Hội đồng Liên Minh Châu Âu năm 2021 về trái phiếu xanh Châu Âu²⁵; Quy định của Ủy ban Điều tiết Chứng khoán Trung Quốc của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc năm 2017 về Đánh giá và Chứng nhận Trái phiếu Xanh; Quy định số 60/POJK.04/2017 của Cơ quan dịch vụ tài chính Indonesia về trái phiếu xanh²⁶.

2.3.3. Hình thức đánh giá độc lập

c) Theo khuyến nghị của Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN, có bốn hình thức đánh giá là:

Ý kiến của bên thứ 2 (SPO - Second Party Opinion): đây là hình thức đánh giá bên ngoài phổ biến nhất trên thị trường trái phiếu xanh. Đó là những đánh giá độc lập, dựa trên nghiên cứu về chứng thực tính bền vững của trái phiếu xanh cũng như các dự án và tài sản cơ sở. Phương pháp tiếp cận làm cơ sở cho việc đánh giá thường do tổ chức cung cấp ý kiến thiết kế, phù hợp với Nguyên tắc trái phiếu xanh. Ý kiến của bên thứ 2 thường được đưa ra tại giai đoạn trước khi phát hành và không có ý kiến gì thêm sau khi phát hành và phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành và có thể thay đổi khá nhiều tùy thuộc vào phương pháp tiếp cận mà tổ chức cung cấp ý kiến sử dụng

Xác minh/ xác thực/đảm bảo (Verification/Assurance): Tổ chức phát hành có thể thu thập ý kiến xác minh độc lập dựa trên một bộ tiêu chí về các quy trình kinh doanh và/hoặc tiêu chí môi trường đạt chuẩn. Ý kiến xác thực/đảm bảo cung cấp đánh giá về mức độ tuân thủ với các tiêu chuẩn áp dụng từ bên ngoài, hoặc với các tiêu chuẩn/tuyên bố của tổ chức phát hành thiết lập. Ngoài ra, việc đánh giá các tính năng bền vững về môi trường của các tài sản cơ bản có thể được gọi là xác minh và có thể tham khảo các tiêu chí bên ngoài (ví dụ như kiểm toán độc lập thực hiện theo các thủ tục được mô tả trong ISAE 3000 - phân tích các thông tin phi tài chính trong quá khứ). Sự đảm bảo hoặc chứng thực liên quan đến phương pháp theo dõi nội bộ của tổ chức phát hành (theo ngôn ngữ của Tiêu chuẩn trái phiếu xanh, trái phiếu khí hậu) về việc sử dụng nguồn vốn thu được, phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh, tuyên bố về tác động môi trường hoặc mức độ áp dụng của báo cáo với các nguồn thu trái phiếu xanh cũng có thể được chấp nhận.

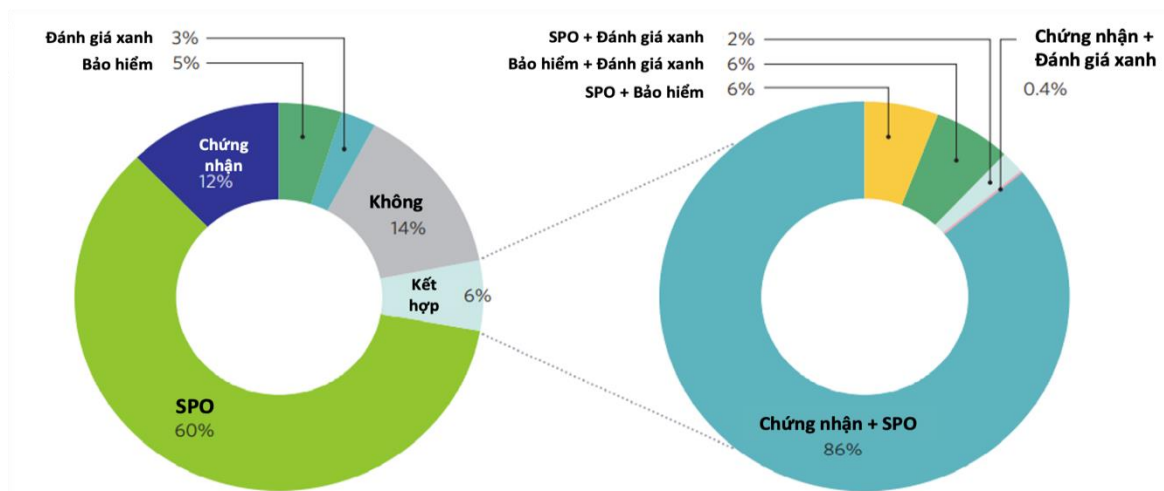
²⁵ <https://c2e2.unepccc.org/wp-content/uploads/sites/3/2021/07/european-commission-green-bond-standard-proposal-6-july-2021.pdf>

²⁶ <https://static1.squarespace.com/static/5b346e8296e76f6b5b74bfe4/t/5eaf69b8bd40350b4ef8db64/1588554171781/English-SAL-POJK-60-Green-Bond.pdf>

Chứng nhận (Certification): trái phiếu xanh hoặc khung trái phiếu xanh liên quan hoặc việc sử dụng nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu có thể được chứng nhận đáp ứng theo một tiêu chuẩn hoặc nhãn xanh được công nhận. Tiêu chuẩn hoặc nhãn xanh thường do các tổ chức độc lập xây dựng và công bố với các tiêu chí cụ thể. **Chương trình Chứng nhận Trái phiếu Khí hậu (CBI)** hiện là tiêu chuẩn tham chiếu và tiêu chuẩn vàng cho các đánh giá độc lập trên thị trường. Việc đáp ứng với các tiêu chí này thường được kiểm tra bởi các bên thứ ba đã được công nhận và có đầy đủ năng lực để xác minh việc đáp ứng của doanh nghiệp với các tiêu chí chứng nhận.

Xếp hạng Trái phiếu Xanh (Green Bond Scoring/Rating): Một tổ chức phát hành có thể được một cơ quan/ tổ chức xếp hạng hoặc công ty chuyên ngành (được chứng nhận đủ điều kiện) chấm điểm khung trái phiếu của tổ chức phát hành theo phương pháp tính điểm/xếp hạng được thiết lập bởi cơ quan xếp hạng hoặc công ty chuyên ngành chấm điểm đó. Thường liên quan đến các phương pháp và bộ dữ liệu riêng mà tổ chức chấm điểm/xếp hạng sử dụng để đánh giá, nên thực tế này có thể ảnh hưởng đến tính khách quan và hài hòa của phân tích. Việc chấm điểm/xếp hạng này tập trung đánh giá rủi ro môi trường trọng yếu, khác với mô hình xếp hạng tín dụng thông thường. Kết quả chấm điểm/xếp hạng thường được đưa ra tại thời điểm trước khi phát hành, xác nhận sự phù hợp của trái phiếu với các Nguyên tắc trái phiếu xanh, và không có chấm điểm/xếp hạng sau khi phát hành và phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu.

Hình 2. Các hình thức đánh giá được áp dụng trên thị trường trái phiếu xanh



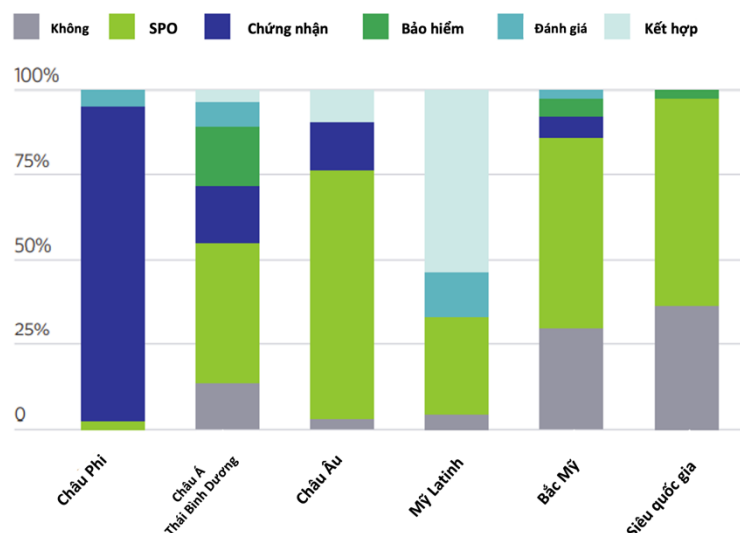
Nguồn: CBI (2020), Báo cáo thị trường trái phiếu xanh toàn cầu 2019

Trong bốn hình thức đánh giá theo khuyến nghị của Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA và Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN, hình thức Ý kiến của bên thứ 2 là hình thức phổ biến nhất trong các trái phiếu xanh được phát hành, chiếm 2/3 tổng lượng trái phiếu xanh phát hành 2019. Chứng nhận theo Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu của CBI cũng ngày một gia tăng, chiếm khoảng 20% tổng lượng trái phiếu xanh phát hành 2019. Đặc biệt, có 6% trái phiếu xanh phát hành vào năm 2019 sử dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá. (CBI, 2020)

Theo nghiên cứu của CBI (2020), các trái phiếu xanh phát hành từ các quốc gia Châu Âu có tỷ lệ áp dụng hình thức đánh giá Ý kiến của bên thứ 2 cao nhất, chiếm đến 97%, các trái phiếu xanh phát hành từ các quốc gia Châu Phi phần lớn (5/7 trái phiếu xanh phát hành năm 2019) áp dụng hình thức chứng nhận trái phiếu khí hậu. Trong khi

đó, trái phiếu xanh từ các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương, áp dụng đa dạng các hình thức đánh giá khác nhau, và đánh giá Ý kiến của bên thứ 2 vẫn chiếm ưu thế so với các hình thức khác.

Hình 3. Các hình thức đánh giá TPX được áp dụng theo vùng



Nguồn: CBI (2020), Báo cáo thị trường trái phiếu xanh toàn cầu 2019

d) Trung Quốc đưa ra các quy định riêng về đánh giá trái phiếu xanh, bao gồm:

- “Đánh giá và chứng nhận trái phiếu xanh” được đề cập trong Hướng dẫn này đề cập đến quá trình và hành vi đánh giá xem trái phiếu có đáp ứng các yêu cầu liên quan của trái phiếu xanh hay không, thực hiện các thủ tục đánh giá, xem xét hoặc chứng nhận, công bố kết luận đánh giá, xem xét hoặc chứng nhận, và phát hành báo cáo.

- Đánh giá trước khi phát hành và xác nhận trái phiếu xanh: (1) Dự án xanh được đầu tư có tuân thủ quy định hay không; (2) Hệ thống ra quyết định và lựa chọn dự án xanh có hoàn chỉnh hay không; (3) Hệ thống quản lý huy động vốn trái phiếu xanh có hoàn chỉnh hay không; (4) Hệ thống báo cáo và công bố thông tin xanh có hoàn chỉnh hay không; (5) Các lợi ích môi trường mong đợi của dự án xanh có hợp lý hay không.

- Đánh giá và chứng nhận thời hạn trái phiếu xanh (đánh giá hàng năm sau khi phát hành trái phiếu xanh): (1) Các dự án xanh đã đầu tư có tuân thủ quy định hay không; (2) Hệ thống ra quyết định và sàng lọc dự án xanh có được thực hiện hiệu quả hay không; (3) Hệ thống quản lý huy động vốn trái phiếu xanh có được thực hiện hiệu quả hay không; (4) Hệ thống báo cáo và công bố thông tin xanh có được thực hiện hiệu quả hay không; (5) Mục tiêu mong đợi về lợi ích môi trường của dự án xanh có đạt được hay không.

e) **Chương trình Tài trợ Trái phiếu Bền vững (SBGS) của Ngân hàng TW Singapore** tài trợ tới 100.000 đô la Singapore chi phí bổ sung cho các đánh giá bên ngoài về các trái phiếu xanh, xã hội, bền vững và liên kết bền vững đủ điều kiện và thúc đẩy việc áp dụng các tiêu chuẩn được quốc tế chấp nhận. Chương trình Tài trợ Trái phiếu Bền vững có giá trị đến ngày 31 tháng 5 năm 2023. Đánh giá độc lập hoặc xếp hạng độc lập trước khi phát hành trái phiếu nhằm chứng tỏ sự phù hợp với bất kỳ nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn trái phiếu xanh, xã hội, bền vững và liên kết bền vững nào được quốc tế công nhận sẽ có thể tham gia Chương trình Tài trợ Trái phiếu Bền vững. Cụ thể là các chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá hoặc xếp hạng độc lập từ bên ngoài

được thực hiện dựa trên bất kỳ khuôn khổ hoặc nguyên tắc trái phiếu xanh/xã hội/bền vững nào được quốc tế công nhận:

+ Đánh giá hoặc xếp hạng bên ngoài trước khi phát hành được thực hiện chứng tỏ sự phù hợp với bất kỳ nguyên tắc hoặc tiêu chuẩn trái phiếu xanh, xã hội, bền vững và liên kết bền vững nào được quốc tế công nhận.

+ Đánh giá hoặc báo cáo ra bên ngoài sau phát hành để phân bổ và báo cáo được thực hiện hàng năm trong 3 năm đầu tiên hoặc cho đến khi trái phiếu đến hạn, tùy theo thời điểm nào sớm hơn.

2.4. Các quy định và điều kiện hoạt động đối với hình thức đánh giá độc lập

2.4.1. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá độc lập theo Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA²⁷

Tổ chức đánh giá độc lập cần đảm bảo:

- Có cơ cấu tổ chức, quy trình làm việc phù hợp
- Có nhân sự có kinh nghiệm và năng lực phù hợp
- Bảo hiểm bồi thường nghề nghiệp/trách nhiệm nghề nghiệp thích hợp (nếu có).

Đối với đánh giá ý kiến của bên thứ 2, chuyên gia đánh giá độc lập phải có chuyên môn về: các loại trái phiếu xã hội và trái phiếu xanh, các KPI (Key Performance Indicator), SPT (Sustainability Performance targets), điểm chuẩn, đường cơ sở và chiến lược liên quan đến hiệu suất bền vững cho các trái phiếu

Ngoài ra, tổ chức đánh giá độc lập có thể cần tuân theo các tiêu chuẩn nghề nghiệp, quy tắc ứng xử, Chuẩn mực kế toán, kiểm toán; Các tiêu chuẩn của ISO 17021 và ISO 14065, cũng như chứng nhận của Hiệp hội Dịch vụ Đầu tư Có Trách nhiệm (ARISE) cũng có thể áp dụng.

2.4.2. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá độc lập theo CBI²⁸

Tổ chức đánh giá độc lập về trái phiếu khí hậu phải có được sự đồng ý của Ban tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu (Climate Bonds Standard Board).

Các quy định về các tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá độc lập bao gồm:

- 1 - Đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định theo Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA
- 2 - Có năng lực chuyên môn (kinh nghiệm) về Phát hành công cụ nợ trên thị trường vốn và quản lý quỹ trong các tổ chức phát hành;
- 3 - Có năng lực chuyên môn (kinh nghiệm) về các Dự án và tài sản có đặc tính kỹ thuật và hiệu suất các-bon thấp trong khu vực, đáp ứng các tiêu chí hiện hành trong Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu;
- 4 - Có năng lực chuyên môn (kinh nghiệm) về Cung cấp các dịch vụ đảm bảo phù hợp với Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo số 3000 (ISAE 3000)

Ngoài các tiêu chí trên, Ban Tiêu chuẩn Trái phiếu Khí hậu còn dựa trên phạm vi địa lý và lĩnh vực năng lực chuyên môn của Tổ chức đánh giá độc lập, cụ thể:

²⁷ <https://www.icmagroup.org/assets/documents/Sustainable-finance/Guidelines-for-GreenSocialSustainability-and-Sustainability-Linked-Bonds-External-Reviews-February-2021-170221.pdf>

²⁸ <https://www.climatebonds.net/files/files/cbs-guidance-for-verifiers-v2.pdf>

+ Phạm vi địa lý phải phù hợp với phạm vi quy định trong chính sách bảo hiểm về bồi thường nghề nghiệp/trách nhiệm nghề nghiệp;

+ Phạm vi kỹ thuật được xác định bằng trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong các lĩnh vực kỹ thuật khác nhau được đề cập trong Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu.

2.4.3. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá theo Quy định trái phiếu xanh của EU

Tổ chức đánh giá trái phiếu xanh châu Âu phải đăng ký với Cơ quan Thị trường và Chứng khoán châu Âu (European Securities and Markets Authority – ESMA) trước khi tiến hành đánh giá.

Một số điều kiện đối với tổ chức đánh giá trái phiếu xanh:

- Tiêu chuẩn về quản lý cấp cao
- Có uy tín tốt
- Có đủ năng lực cần thiết để đảm bảo cho các hoạt động đánh giá
- Có đủ trình độ chuyên môn
- Có kinh nghiệm trong kiểm soát, đảm bảo chất lượng thực hiện các đánh giá trước và sau khi phát hành và các dịch vụ tài chính
- Số lượng các cán bộ phân tích, nhân viên và những người khác trực tiếp tham gia vào các hoạt động đánh giá, và mức độ kinh nghiệm và đào tạo của họ, đủ để thực hiện các nhiệm vụ được yêu cầu từ các chuyên gia đánh giá bên ngoài theo Quy định này.
- Có các quy trình nội bộ.

Kết quả đánh giá trước và sau phát hành trái phiếu xanh phải được công bố công khai, miễn phí trên website. Trường hợp tổ chức đánh giá ngừng thực hiện đánh giá trước và/hoặc sau phát hành trái phiếu xanh, phải cung cấp lý do và không được trì hoãn sau khi quyết định ngừng đánh giá.

2.4.4. Tiêu chuẩn đối với Tổ chức đánh giá theo Quy định trái phiếu xanh của Trung Quốc

Các Tổ chức đánh giá độc lập phải đăng ký với Ủy ban Tiêu chuẩn trái phiếu xanh trước khi tiến hành đánh giá độc lập. Tổ chức đánh giá và chứng nhận phải đáp ứng các điều kiện cơ bản sau:

- Thiết lập cơ cấu tổ chức cần thiết, quy trình làm việc, phương pháp kỹ thuật, tiêu chuẩn tính phí, kiểm soát chất lượng, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và các hệ thống liên quan khác để phát triển hoạt động kinh doanh đánh giá và chứng nhận trái phiếu xanh;
- Có đủ năng lực hành nghề trong các lĩnh vực đánh giá, chứng nhận, xác thực, năng lượng, khí hậu, môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp;
- Có chuyên gia tương ứng trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, năng lượng, khí hậu hoặc môi trường;
- Không có vi phạm pháp luật và quy định hoặc hồ sơ liên chính xấu trong 3 năm qua hoặc kể từ khi thành lập;
- Có trang web để duy trì trật tự của thị trường đánh giá và chứng nhận trái phiếu xanh.

2.4.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam từ việc xác nhận các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật kinh nghiệm quốc tế liên quan đến tài chính xanh, phân loại xanh, kinh nghiệm trong ban hành, tổ chức thực hiện Danh mục phân loại xanh, một số bài học về tiêu chí môi trường, xây dựng Danh mục phân loại xanh và việc xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh cho thấy:

a) Về tiêu chí môi trường và Danh mục phân loại xanh

Nhiều tổ chức của một số khu vực, quốc gia đã và đang xây dựng, ban hành Danh mục phân loại xanh, trong đó bao gồm các loại hình dự án hoặc hoạt động đầu tư kèm theo tiêu chí về môi trường để giúp nhà đầu tư trái phiếu, tổ chức tài chính, ngân hàng nhận diện được mức độ đáp ứng yêu cầu, góp phần vận hành thị trường tài chính xanh minh bạch, công bằng và hiệu quả. Thống kê đến nay, có 35 tổ chức quốc tế, khu vực, quốc gia đã ban hành danh mục phân loại xanh. Một số tổ chức đã ban hành danh mục phân loại xanh như: Ủy ban Châu Âu, Tổ chức Sáng kiến Khí hậu (CBI), Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB),... Một số khu vực, quốc gia khác đang xây dựng danh mục phân loại xanh, điển hình như: ASEAN (dự thảo 1 ban hành tháng 11/2021), Trung Quốc (cập nhật và ban hành ngày 21/4/2021), Hàn Quốc (tháng 4/2021), Mông Cổ (ngày 17/12/2019), Bangladesh, Nam Phi, Nga, Nhật Bản, Malaysia, Indonesia, Sri Lanka, Kazakhstan (tháng 3/2021), Colombia (tháng 9/2021), Ấn Độ, Philipin, Singapore, Thái Lan, Chile, Mexico, Anh, Donomica, New Zealand, Úc, Canada...

Các tổ chức khu vực như Liên minh Châu Âu (EU), ASEAN, Tổ chức Sáng kiến Khí hậu (CBI), các quốc gia như Trung Quốc, Nhật bản, Hàn quốc, Kazakstan, ... xây dựng quy định về Danh mục phân loại xanh gồm có hai nội dung chính: (i) Mục tiêu môi trường và các tiêu chí, chỉ tiêu môi trường để phân loại danh mục phân ngành, hoạt động, dự án được cấp tài chính xanh, tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; (ii) Xác nhận cho trái phiếu xanh hoặc chương trình tín dụng xanh. Hầu hết các tổ chức quốc tế, khu vực và quốc gia khuyến khích việc xác nhận trái phiếu xanh, tín dụng xanh thông qua tổ chức đánh giá độc lập.

Trên cơ sở các mục tiêu môi trường, tiêu chí môi trường, các danh mục phân loại xanh đang được áp dụng phổ biến của Liên minh Châu Âu (EU), Trung Quốc, Tổ chức Sáng kiến Khí hậu (CBI)...thường bao gồm danh mục các dự án phân theo các nhóm ngành, lĩnh vực chính như: Năng lượng; Giao thông; Xây dựng; Nông nghiệp; Sinh thái, rừng và môi trường; Tài nguyên nước; Công nghiệp chế biến, chế tạo; ...

b) Về việc xác nhận các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh

Một là, về đối tượng xác nhận: một số quốc gia trên thế giới yêu cầu việc xác nhận gói trái phiếu xanh, khoản vay xanh, bao gồm: (i) xác nhận tiêu chí và phương thức xác định các dự án sử dụng tiền vốn huy động từ trái phiếu xanh hoặc tín dụng xanh đáp ứng tiêu chí môi trường, chỉ tiêu môi trường và thuộc danh mục phân loại xanh; (ii) xác thực phương thức quản lý dòng tiền từ trái phiếu xanh, tín dụng xanh phù hợp với quy định hoặc tiêu chuẩn liên quan.

Hai là, về quy định bắt buộc hoặc không bắt buộc: Liên minh Châu Âu, Trung Quốc, Indonesia và Phillipin...quy định việc xác nhận trái phiếu xanh là bắt buộc; hầu hết các tổ chức quốc tế, khu vực và quốc gia khuyến khích việc xác nhận trái phiếu xanh, chương trình tín dụng xanh thông qua tổ chức đánh giá độc lập để tăng mức độ tin cậy.

Ba là, về mục đích xác nhận: mục đích chính của việc yêu cầu xác nhận nhằm ngăn chặn, giảm thiểu rủi ro về các hành vi tẩy xanh của tổ chức phát hành trái phiếu xanh, thực hiện các khoản vay xanh²⁹; nghiên cứu kinh nghiệm của quốc tế cũng cho thấy, đến nay chưa có quốc gia nào yêu cầu bắt buộc xác nhận để hưởng ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước.

Bốn là, về hình thức xác nhận: việc xác nhận chủ yếu được thực hiện đối với trái phiếu xanh, còn đối với tín dụng xanh thường do các ngân hàng, tổ chức tài chính xác nhận gắn với quá trình quản lý rủi ro tín dụng. Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và theo khuyến nghị về nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội Thị trường vốn Quốc tế (ICMA) và Tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN cho thấy có 04 phương thức xác nhận phổ biến với các ưu điểm, nhược điểm như sau:

(1) Phương thức 1: Lấy ý kiến của bên thứ hai

Theo phương thức này, việc xác định, xác nhận, đánh giá trái phiếu xanh dựa trên báo cáo của tư vấn chuyên ngành, đưa ra ý kiến về thiết kế, hoạt động của dự án phù hợp với nguyên tắc phát hành trái phiếu xanh; phương pháp dán nhãn trái phiếu xanh của tổ chức phát hành cũng như cách thức xây dựng tính bền vững, tính xanh của tổ chức phát hành. Hình thức này thường được áp dụng ở giai đoạn trước khi phát hành, các tổ chức cung cấp ý kiến sẽ không có ý kiến gì thêm sau khi phát hành và phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành. Ngoài ra, hình thức này cũng có thể thay đổi khá nhiều tùy thuộc vào phương pháp tiếp cận mà tổ chức cung cấp ý kiến sử dụng.

Đây là hình thức đánh giá bên ngoài phổ biến nhất trên thị trường trái phiếu xanh. Ước tính có khoảng 70% trái phiếu được đánh giá độc lập có ý kiến tham vấn bởi bên thứ hai.

+ Ưu điểm: linh hoạt, thuận tiện, dễ áp dụng và được chấp thuận rộng rãi trong các hoạt động đầu tư liên quan đến trái phiếu xanh.

+ Nhược điểm: chỉ đánh giá được tính hợp lệ và tình trạng của trái phiếu xanh trước thời điểm phát hành. Tổ chức tư vấn chuyên ngành không theo dõi thông tin sau phát hành và khi phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh.

(2) Phương thức 2: Thông qua xác minh, xác thực hoặc đảm bảo

Các tổ chức phát hành trái phiếu xanh có thể thu thập ý kiến xác minh độc lập dựa trên một bộ tiêu chí về các quy trình kinh doanh hoặc tiêu chí môi trường đạt chuẩn dưới dạng báo cáo của tổ chức cung cấp dịch vụ đảm bảo, xác thực. Các báo cáo sẽ đưa ra tuyên bố chính thức về sự phù hợp của trái phiếu xanh với phương pháp tiếp cận đã xác định của tổ chức phát hành. Quy trình đánh giá của tổ chức cung cấp dịch vụ đảm bảo, xác thực thường được thực hiện theo Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo số 3000 (ISAE 3000). Phương thức này, thường được cung cấp bởi các tổ chức kiểm toán được công nhận như Deloitte, Pricewaterhouse Coopers (PwC), Ernst & Young (E&Y) và Klynveld Peat Goerdeler (KPMG) và một số tổ chức của Trung Quốc cung cấp cho thị trường nội địa Trung Quốc.

+ Ưu điểm: Phương pháp này tiếp cận chính thức hơn trong việc đánh giá khung trái phiếu xanh so với hình thức “Ý kiến của bên thứ hai” do bên cung cấp dịch vụ đảm bảo

²⁹ Tẩy xanh là việc các tổ chức tuyên bố hoạt động đầu tư, dự án của họ là xanh, mang lại lợi ích cho môi trường, khí hậu nhưng trên thực tế hoạt động lại có nhiều gây hại cho môi trường hoặc không tạo ra lợi ích về môi trường như cam kết ban đầu.

thường áp dụng Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo số 3000 (ISAE 3000) hoặc có quy trình xác nhận theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17029:2019. Ngoài ra, còn phát huy được vai trò của các đơn vị kiểm toán hiện có của các tổ chức phát hành. Với phương thức này, bên cung cấp dịch vụ đảm bảo sẽ cung cấp ý kiến về mức độ phù hợp của khung trái phiếu xanh, quy trình nội bộ của tổ chức phát hành trái phiếu xanh và phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh.

+ Nhược điểm: Các tiêu chí sử dụng cho việc đánh giá khung trái phiếu xanh được tổ chức phát hành tự xác định mà không phải là tiêu chí của bên thứ ba độc lập hoặc tiêu chí do Chính phủ các nước, khu vực công bố. Báo cáo của tổ chức cung cấp dịch vụ đảm bảo thường cung cấp thông tin giới hạn, ít chi tiết.

(3) Phương thức 3: Chứng nhận

Theo phương thức này, các tổ chức được chứng nhận hoặc công bố bởi các cơ quan có thẩm quyền như Ủy ban Tiêu chuẩn trái phiếu xanh của Trung Quốc, Ủy ban giám sát thị trường và chứng khoán Châu Âu (ESMA); Bộ Môi trường của Indonesia...; hoặc các tổ chức xác thực được ủy quyền bởi Tổ chức sáng kiến khí hậu (CBI) sẽ tiến hành xác nhận chính thức về thông tin xác thực của trái phiếu xanh và tính nhất quán với các quy định của quốc gia/khu vực hoặc tiêu chuẩn được chấp nhận rộng rãi như của CBI.

+ Ưu điểm: Bao gồm các công tác kiểm tra chính thức trước và sau khi phát hành, cũng như phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh. Phương thức này xác nhận sự phù hợp dựa trên một tiêu chuẩn minh bạch, rõ ràng và được nhà đầu tư nhìn nhận là thông lệ tốt nhất trên thị trường.

+ Nhược điểm: Phương thức này kém linh hoạt do phải được xác nhận bởi các tổ chức đáp ứng điều kiện về quy trình, chuẩn mực, nhân lực, kinh nghiệm,... được chứng nhận hoặc công bố bởi các cơ quan có thẩm quyền. Ngoài ra phương thức này có thể không được sử dụng cho một số loại hình dự án/tài sản xanh nhất định do chưa có tiêu chuẩn xanh cho những loại hình này.

(4) Phương thức 4: Xếp hạng trái phiếu xanh

Các tổ chức phát hành trái phiếu xanh có thể được một tổ chức chuyên ngành xếp hạng tín nhiệm thông qua hình thức chấm điểm. Các tổ chức chuyên ngành tự xây dựng các thang điểm xếp hạng riêng về việc áp dụng các nguyên tắc xanh, mục đích sử dụng vốn,... Một số thang đánh giá phổ biến hiện nay là CICERO's Shades of Green, Oekom's Sustainability Bond rating, Moody's Green Bond Assessment, S&P's Green Bond Evaluation.

+ Ưu điểm: Đánh giá sự phù hợp với nguyên tắc trái phiếu xanh trên thang điểm rõ ràng (thường do tổ chức chuyên ngành đó tự xây dựng).

+ Nhược điểm: Thang điểm được xây dựng dựa trên phương pháp và bộ dữ liệu riêng của tổ chức chuyên ngành, do đó chưa đảm bảo tính khách quan, toàn diện. Kết quả chấm điểm/xếp hạng thường được đưa ra tại thời điểm trước khi phát hành, xác nhận sự phù hợp của trái phiếu với các nguyên tắc trái phiếu xanh và không có chấm điểm/xếp hạng sau khi phát hành và phân bổ nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu. Phương pháp chấm điểm thường không được công khai chi tiết.

Năm là, về tổ chức tham gia xác nhận:

Hầu hết tổ chức quốc tế, khu vực và quốc gia khuyến khích việc xác nhận trái phiếu xanh, chương trình tín dụng xanh thông qua tổ chức đánh giá độc lập đáp ứng tiêu chuẩn

và được công bố. Ngoài ra, một số quốc gia, khu vực quy định việc xác nhận trái phiếu xanh là bắt buộc như Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Indonesia và Phillipin. Để tham gia được vào việc đánh giá, các tổ chức đánh giá độc lập phải đăng ký hoặc được cấp phép, giám sát bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, điển hình như Ủy ban giám sát thị trường và chứng khoán Châu Âu (ESMA); Bộ Môi trường Indonesia, Ủy ban Tiêu chuẩn trái phiếu xanh của Trung Quốc.

Sáu là, về phương thức quản lý:

Phần lớn các quốc gia, khu vực ban hành danh mục phân loại xanh trước để cung cấp công cụ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân có liên quan xác định dự án thuộc danh mục phân loại xanh. Trên cơ sở thực tiễn áp dụng sẽ kiện toàn hệ thống tổ chức và ban hành các quy định pháp luật phù hợp để quản lý trái phiếu xanh, xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh, điển hình như: Ủy ban châu Âu sau khi ban hành luật về Danh mục phân loại xanh (EU Taxonomy) tiếp tục ban hành quy định về trái phiếu xanh, báo cáo tài chính xanh, trong đó quy định phát hành trái phiếu xanh, tài chính xanh phải dựa trên Danh mục phân loại xanh được ban hành, đồng thời giao Ủy ban giám sát thị trường và chứng khoán Châu Âu (ESMA) làm cơ quan quản lý việc xác nhận trái phiếu xanh, tài chính xanh, tín dụng xanh của các tổ chức xác nhận độc lập; Trung Quốc sau khi ban hành Danh mục phân loại xanh vào tháng 4 năm 2021, đến tháng 7 năm 2023 tiếp tục ban hành quy định về nguyên tắc trái phiếu xanh, trong đó quy định trái phiếu xanh phải phù hợp với Danh mục phân loại xanh; quy định về xác nhận độc lập và công bố thông tin, đồng thời Trung Quốc đã thành lập Ủy ban Tiêu chuẩn trái phiếu xanh làm cơ quan liên ngành thực hiện quản lý về trái phiếu xanh.

III. THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA CHO VIỆC BAN HÀNH TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG CHO CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH VÀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH

3.1. Hệ thống các chủ trương, chính sách và quy định pháp luật của Đảng và Nhà nước về thúc đẩy nguồn vốn xanh trong công tác BVMT

3.1.1. Chủ trương, chính sách về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững đã được các cấp Chính phủ Việt Nam quan tâm, thể hiện trong các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, cụ thể:

Luật BVMT năm 2020 đã hoàn thiện thể chế, chính sách, quy định pháp luật về BVMT, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, thống nhất nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVMT. Luật BVMT năm 2020 đã bổ sung chính sách về tín dụng xanh, trái phiếu xanh để huy động đa dạng các nguồn lực xã hội cho BVMT (Điều 149 và 150).

- Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ban hành ngày 07 tháng 01 năm 2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trong đó xác định 17 mục tiêu phát triển bền vững và 115 mục tiêu cụ thể đến năm 2030 của Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường;

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 về việc ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 lấy trọng tâm phát triển kinh tế phải đi cùng với BVMT, phát triển bền vững;

- Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 Phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 – 2020;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg năm 2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, theo đó, các Bộ ngành sẽ ban hành các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh;

- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030;

- Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (Hội nghị COP26);

- Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

3.1.2. Các quy định về phát hành trái phiếu xanh

Bên cạnh quy định chung tại Luật BVMT và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, khung pháp lý về phát hành trái phiếu xanh đã được quy định tại các Nghị định chuyên ngành hướng dẫn về phát hành trái phiếu, cụ thể như sau:

- *Đối với phát hành trái phiếu chính phủ xanh:* Điều 21 Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán đã quy định về quy trình phát hành trái phiếu chính phủ xanh, nội dung của Đề án phát hành trái phiếu chính phủ xanh; việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu chính phủ xanh thực hiện như đối với công cụ nợ của Chính phủ.

- *Đối với phát hành trái phiếu cơ quan địa phương xanh:* Điều 8 Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương đã quy định việc phát hành trái phiếu cơ quan địa phương xanh phải tuân thủ các quy định như đối với phát hành trái phiếu chính quyền địa phương thông thường và Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh phải báo cáo danh mục dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Theo đó, việc tổ chức phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh thực hiện theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- *Đối với phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh:* Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, và Nghị định 65/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Nghị định 08/2023/NĐ-CP ngày 05/3/2023 sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế quy định nguyên tắc phát hành và sử dụng vốn, công bố thông tin đối với phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh, cụ thể:

+ Điều 5 Nghị định 153/2020/NĐ-CP quy định nguồn vốn từ phát hành trái phiếu phải được hạch toán, quản lý theo dõi riêng và giải ngân cho các dự án thuộc lĩnh vực BVMT, dự án mang lại lợi ích về môi trường.

+ Điều 19, Điều 21 Nghị định 153/2020/NĐ-CP và Nghị định 65/2022/NĐ-CP quy định về công bố thông tin hạch toán, quản lý, giải ngân, đánh giá tác động môi trường cùng với Thông tư 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế

+ Việc tổ chức phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp xanh thực hiện như đối với trái phiếu doanh nghiệp thông thường.

Căn cứ theo hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nói trên về phát hành trái phiếu xanh³⁰, Bộ Tài chính đang triển khai một số hoạt động sau:

- Đối với trái phiếu chính phủ xanh: Bộ Tài chính đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Đề án phát hành thí điểm trái phiếu Chính phủ xanh tại thị trường trong nước, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước khi triển khai để đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư, góp phần đa dạng hóa các sản phẩm trái phiếu chính phủ trên thị trường.

- Đối với trái phiếu cơ quan địa phương xanh: Bộ Tài chính đang phối hợp với chính quyền địa phương của một số tỉnh, thành phố xây dựng khung khổ, quy trình phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh theo quy định của pháp luật; khuyến khích lựa chọn các dự án xanh để triển khai phát hành trái phiếu chính quyền địa phương xanh.

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp xanh: Bộ Tài chính tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh để huy động vốn đầu tư cho các dự án có tính chất BVMT. Trong năm 2022, Bộ Tài chính sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức tư vấn nước ngoài để hỗ trợ một số doanh nghiệp triển khai phát hành trái phiếu doanh nghiệp xanh theo thông lệ quốc tế, làm tiền đề để phát triển thị trường trái phiếu xanh trong thời gian tới.

3.1.3. Một số chính sách điều chỉnh hoạt động tín dụng xanh của NHNN

Quyết định số 1604/QĐ-NHNN ngày 7/8/2018 của NHNN về việc phê duyệt đề án phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam có mục tiêu tổng quát: “Tăng cường nhận thức và trách nhiệm xã hội của hệ thống ngân hàng đối với việc BVMT, chống biến đổi khí hậu, từng bước xanh hóa hoạt động ngân hàng, hướng dòng vốn tín dụng vào việc tài trợ dự án thân thiện với môi trường, thúc đẩy các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững”. Triển khai hoạt động ngân hàng xanh thông qua việc gia tăng nhận thức và trách nhiệm đối với môi trường xã hội của ngành Ngân hàng trong kinh doanh; tăng cường năng lực các TCTD để phát triển sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào các ngành sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng xanh, năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Ngày 8/8/2018, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 986/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 có thể hiện rõ mục tiêu cụ thể phân đầu đến cuối năm 2025 là:

³⁰ Nghị định số 95/2018/NĐ-CP, Nghị định số 93/2018/NĐ-CP, Nghị định số 163/2018/NĐ-CP

“Tăng hiệu quả phân bổ nguồn vốn tín dụng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển “tín dụng xanh”, “ngân hàng xanh” để góp phần chuyển đổi nền kinh tế sang hướng tăng trưởng xanh, phát thải các-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng đầu tư vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon. Lồng ghép các nội dung về phát triển bền vững, biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh trong các chương trình, dự án vay vốn tín dụng”.

Theo Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 7/1/2019 của NHNN về việc ban hành Chương trình hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 thì việc “triển khai hoạt động ngân hàng xanh thông qua việc gia tăng nhận thức và trách nhiệm đối với môi trường xã hội của ngành Ngân hàng trong kinh doanh; tăng cường năng lực các TCTD để phát triển sản phẩm huy động và cho vay vốn tín dụng vào năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các bon để góp phần BVMT, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng”. Đây là một trong 11 nhiệm vụ trọng tâm và được thực hiện thường xuyên của ngành ngân hàng và được các TCTD, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cục Công nghệ thông tin, Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng, Vụ Truyền thông, Viện Chiến lược ngân hàng và các đơn vị liên quan cùng phối hợp triển khai thực hiện.

3.1.4. Một số danh mục dự án được ban hành trước đó và tồn tại, hạn chế

Trong những năm qua, khái niệm “Danh mục xanh”, “Dự án xanh” đã được sử dụng khá rộng rãi ở nước ta trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp, năng lượng, giao thông, xây dựng... nhằm thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh của các ngành, lĩnh vực. Việc quan tâm đầu tư, triển khai các dự án xanh với nội hàm chung là loại dự án đem lại lợi ích về môi trường đã tạo nên những hiệu ứng tích cực với một số thành công nhất định; góp phần thu hút và nâng cao trách nhiệm, vai trò của các tổ chức, cá nhân, các ngành, lĩnh vực trong hoạt động BVMT. Trong giai đoạn từ 2017 đến 2020, đã có nhiều nỗ lực từ các Bộ, ngành và các bên liên quan để xây dựng danh mục dự án, như sau:

- Công văn số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017 của NHNN về việc báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng. Để thu thập thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, nắm bắt tình hình triển khai tín dụng xanh và đánh giá rủi ro môi trường của các TCTD, từ cuối năm 2017, NHNN đã hướng dẫn thống kê các dự án, phương án xanh, BVMT, giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu cho 12 lĩnh vực xanh, bao gồm: 1) nông nghiệp xanh; 2) lâm nghiệp xanh; 3) công nghiệp xanh; 4) năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; 5) tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên; 6) xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm; 7) BVMT thiên nhiên, phục hồi sinh thái và phòng chống thiên tai; 8) quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn; 9) công trình xây dựng xanh; 10) giao thông bền vững; 11) cung cấp các dịch vụ BVMT, tiết kiệm tài nguyên và 12) các lĩnh vực xanh khác³¹. *Danh mục này chỉ dừng lại ở mức độ phân loại các dự án theo tiêu chí ngành, kèm theo tên dự án để tham khảo.*

- Danh mục dự án xanh ban hành theo Công văn ngày 24/4/2017 áp dụng trong khuôn khổ Dự án tài trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của JICA do Ban Quản lý các dự án

³¹ Hiện nay, về cơ bản các TCTD đều đang thực hiện cấp tín dụng xanh trên cơ sở văn bản hướng dẫn của NHNN. Ngoài ra, một số ngân hàng thương mại (BIDV, VPBank, TPBank,...) còn tuân thủ danh mục dự án xanh theo quy định/hướng dẫn của các Nhà tài trợ quốc tế trong trường hợp cấp tín dụng xanh, cho vay các dự án xanh từ nguồn vốn ủy thác hoặc khoản đầu tư từ các tổ chức quốc tế.

tín dụng quốc tế ODA thuộc NHNN quản lý thực hiện. *Danh mục này chỉ liệt kê các loại hình dự án và không bao gồm tiêu chí kỹ thuật. Danh mục này cũng chỉ được sử dụng trong khuôn khổ của dự án.*

- Quyết định số 1085/QĐ-BKHĐT ngày 16/7/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn phân loại đầu tư công cho biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh bao gồm 28 loại hình lĩnh vực nhằm giúp các Bộ, ngành và địa phương có công cụ để đánh giá việc phân bổ ngân sách đầu tư công cho ứng phó với biến đổi khí hậu và thúc đẩy tăng trưởng xanh ở cấp quốc gia, ngành và địa phương. Quyết định này cũng nhằm hỗ trợ cho việc triển khai Nghị định số 95/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán, theo đó quy định “Trái phiếu xanh là một loại trái phiếu Chính phủ được phát hành để đầu tư cho các dự án liên quan đến hoạt động BVMT theo quy định tại Luật BVMT (dự án xanh) và nằm trong danh mục dự án được phân bổ vốn đầu tư công theo quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước. *Quyết định số 1085/QĐ-BKHĐT là văn bản hướng dẫn ngành, trong đó việc phân loại các dự án (đầu tư công) chủ yếu trên cơ sở gắn với mục tiêu về BDKH-tăng trưởng xanh, gồm thích ứng (A), hoặc giảm nhẹ (M) hoặc vừa thích ứng, vừa giảm nhẹ (AM). Hướng dẫn được sử dụng với mục tiêu chính nhằm tạo cơ sở theo dõi và báo cáo định kỳ về phân bổ vốn đầu tư công cho BDKH-tăng trưởng xanh; việc phân loại dự án không gắn với các tiêu chí môi trường cụ thể.*

- Sổ tay Hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho 15 ngành kinh tế, do NHNN ban hành trong giai đoạn 2018-2019 là công cụ để các TCTD xác định các rủi ro môi trường khi thẩm định tín dụng cho các dự án, phương án sản xuất kinh doanh cho những ngành nghề có rủi ro cao về môi trường, xã hội. *Sổ tay không quy định áp dụng bắt buộc trong cấp tín dụng, và hướng dẫn tham chiếu đến các quy định của ngành/lĩnh vực liên quan đến tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, chưa có các tiêu chí môi trường cụ thể để phân loại dự án.*

- Tiêu chí đánh giá về môi trường cho dự án xanh, dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường - tài liệu tham khảo do Bộ Tài nguyên và Môi trường phát hành năm 2019 trong khuôn khổ hợp tác thúc đẩy tăng trưởng xanh với Tổ chức Tài chính Quốc tế (IFC). Tài liệu đưa ra bảng tiêu chí định tính để xem xét, đánh giá dự án xanh và đề xuất Danh mục dự án xanh với 14 lĩnh vực, 65 nhóm loại hình dự án (kèm theo tên các loại dự án để tham khảo). Tuy nhiên, *với tính chất là tài liệu tham khảo và các tiêu chí mang tính định tính, danh mục này trên thực tế chưa được các TCTD, đơn vị phát hành trái phiếu, các Bộ, ngành quản lý, các nhà đầu tư... sử dụng rộng rãi trong quá trình triển khai các hoạt động tài chính xanh.*

- Dựa trên các hướng dẫn và tài liệu tham khảo trên, một số TCTD đã phát triển danh mục phân loại xanh với sự hỗ trợ của các tổ chức, tư vấn quốc tế. Tuy nhiên những sổ tay này chỉ được áp dụng ở quy mô nhỏ, nội bộ trong tổ chức, phục vụ cho các khoản tín dụng nhận được từ các tổ chức tài chính quốc tế.

Nghiên cứu các văn bản, danh mục trên cho thấy *cách hiểu, cách phân loại các dự án xanh đối với từng ngành, từng lĩnh vực và giữa các chủ thể của các hoạt động có liên quan còn có những khác biệt, không thống nhất. Tất cả các danh mục đã được ban hành đều chỉ dừng lại ở việc liệt kê các loại hình dự án mà chưa được phân loại theo các mục tiêu, lợi ích môi trường và chưa có các tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu môi trường cụ thể theo thông lệ quốc tế. Không danh mục phân loại nào tính đến việc gắn kết với Hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam (VSIC - được ban hành theo Quyết*

định 27/2018/QĐ-TTg)³². Phạm vi áp dụng hạn chế, phần lớn mới chỉ được sử dụng để tham khảo và mục đích thống kê nội bộ. Với tất cả những hạn chế trên, việc thiếu một danh mục phân loại xanh ở cấp quốc gia làm hạn chế việc áp dụng đồng bộ ở ngành tài chính để huy động nguồn tài chính định hướng xanh **theo quy định mới trong Điều 149 và Điều 150 Luật BVMT 2020**.

3.2. Hiện trạng, xu hướng và rào cản trong cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh

Theo ước tính của Ngân hàng thế giới, để thực hiện được mục tiêu phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP 26, Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD Mỹ cho giai đoạn 2022 - 2040, tương đương khoảng 6,8% GDP mỗi năm, trong đó 65% nhu cầu này sẽ phải được huy động ngoài khu vực công³³. Thực tế, theo Báo cáo về công tác BVMT năm 2017 của Chính phủ, để triển khai các hoạt động BVMT, các bộ, ngành cần 853 tỷ đồng, nhưng do điều kiện ngân sách có hạn nên chỉ phân bổ khoảng 469 tỷ đồng (mới đáp ứng được 55% nhu cầu). Theo Báo cáo về công tác BVMT năm 2020 của Chính phủ, nguồn vốn đầu tư cho BVMT vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu, không đủ kinh phí để triển khai một số dự án có vốn đầu tư lớn về hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải rắn; xử lý ô nhiễm, phục hồi môi trường tại các lưu vực sông, khu vực bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Những thống kê này cho thấy tính cấp thiết của việc huy động vốn, đặc biệt dòng vốn tài chính xanh, để thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, hỗ trợ quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang nền kinh tế xanh, hướng đến nền kinh tế các-bon thấp, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.2.1. Tín dụng xanh

Tín dụng xanh có thể được cung cấp bởi các TCTD thuộc Chính phủ, các công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động trong lĩnh vực tài chính, quỹ đầu tư xanh. Tuy nhiên, hệ thống ngân hàng thương mại vẫn giữ vai trò quan trọng trong việc cung cấp tín dụng xanh ra thị trường. Năm 2018, NHNN đã phê duyệt chương trình phát triển ngân hàng xanh và kế hoạch hành động để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam đến năm 2030, nhưng kinh phí tài trợ cho các chương trình khí hậu chỉ chiếm khoảng 5% tổng vốn tài trợ của các ngân hàng Việt Nam (khoảng 0,2% GDP) năm 2020. Các tổ chức tài chính trong nước đang trong giai đoạn đầu tìm hiểu về trái phiếu xanh và các công cụ khác trên thị trường vốn. Dựa trên hướng dẫn của NHNN về các lĩnh vực đủ điều kiện được nhận cấp vốn từ các khoản vay xanh, tín dụng xanh đã tăng gần gấp 5 lần kể từ năm 2017, tổng dư nợ cấp tín dụng đối với lĩnh vực xanh có mức tăng trưởng bình quân đạt khoảng hơn 25%/năm³⁴ (Hình 4), và chiếm khoảng 4% tổng dư nợ của nền kinh tế³⁵. **Điều này có nghĩa là Việt Nam có tiềm năng đáng kể để tăng cường tài chính xanh và sử dụng khu vực tài chính ngân hàng làm đòn bẩy nhằm tái phân bổ vốn cho các khoản đầu tư bền vững hơn.**

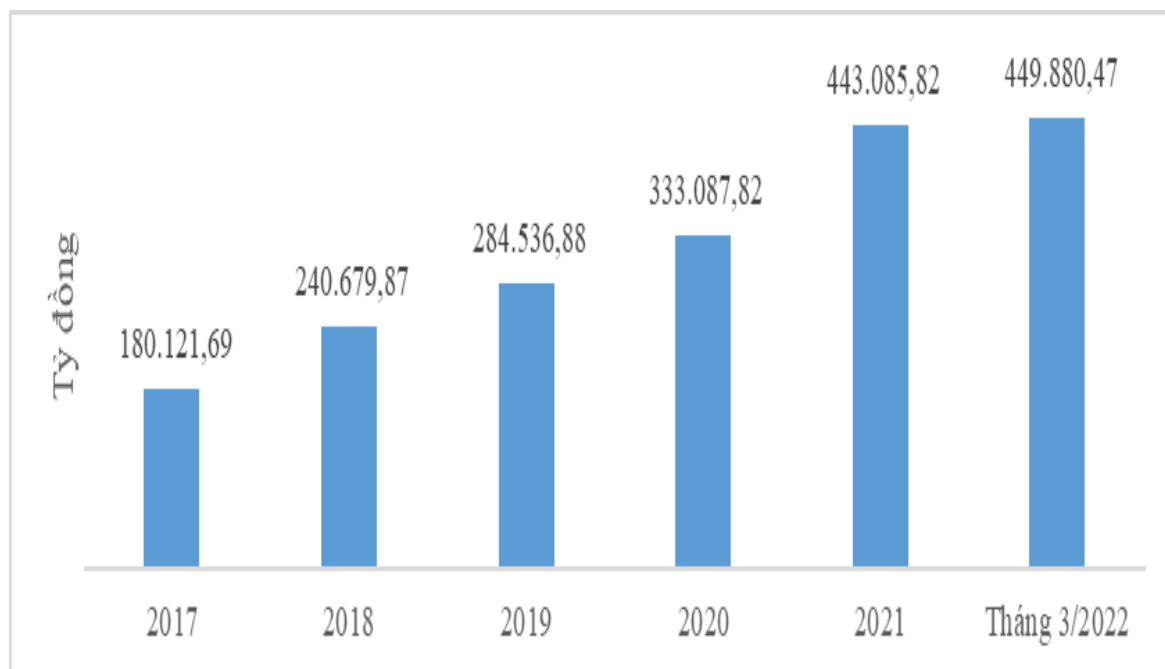
³² Báo cáo đánh giá về báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại Việt Nam. Dự án hợp tác GIZ/Đức tại Việt Nam, tháng 8/2019.

³³ Ngân hàng thế giới, Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển, tháng 7/2022. https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/37618/CCDR%20Full%20report%20VIE_11.07.pdf?sequence=17&isAllowed=y

³⁴ Công văn số 3497/NHNN-TD ngày 25/5/2022 của Ngân hàng Nhà nước.

³⁵ Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021. Báo cáo kết quả triển khai Đề án Ngân hàng xanh tại Việt Nam giai đoạn 2018-2020.

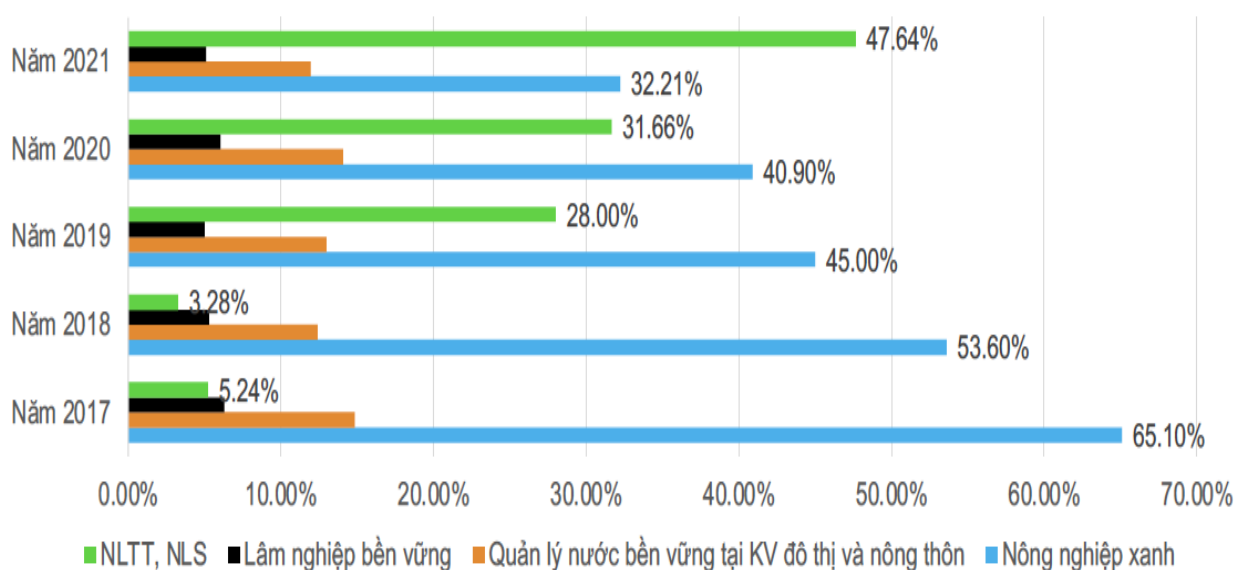
Hình 4. Diễn biến tổng dư nợ tín dụng xanh giai đoạn 2021 – 2022



Nguồn: CV số 3497/NHNN-TD ngày 25/5/2022 của NHNN

Tuy nhiên, những lĩnh vực hưởng lợi chính trong thời gian qua tập trung chủ yếu vào các loại hình năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, lâm nghiệp, nông nghiệp sạch (Hình 5), **chưa phủ hết các loại hình dự án xanh có mục tiêu, lợi ích BVMT, phát triển bền vững** như tinh thần Luật BVMT 2020 quy định (ví dụ các dự án về hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải, nhằm bảo vệ đa dạng sinh học, phục hồi môi trường bị ô nhiễm, thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất..).

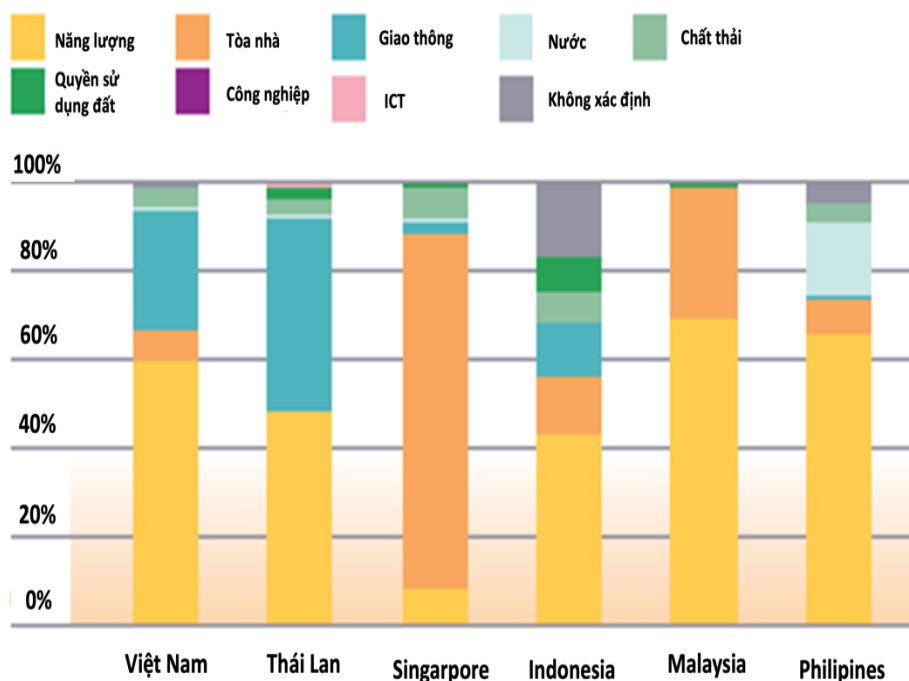
Hình 5. Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh của Việt Nam trong các năm 2017-2021



Nguồn: NHNN, tháng 5/2022

Báo cáo CBI (2022) cũng cho thấy dư nợ tín dụng xanh của Việt Nam cơ bản tập trung cho các lĩnh vực năng lượng và giao thông (Hình 6).

Hình 6. Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh của một số quốc gia trong khu vực ASEAN giai đoạn 2016-2021



Nguồn: Báo cáo thị trường tài chính bền vững ASEAN, CBI, tháng 6/2022

Báo cáo kết quả triển khai Đề án Ngân hàng xanh tại Việt Nam giai đoạn 2018-2020 đã nhấn mạnh một trong những khó khăn, vướng mắc chính đối với việc phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh là “*Các quy định pháp luật về các ngành, lĩnh vực xanh hiện nay còn dàn trải và chưa đầy đủ, chưa có các định nghĩa/khái niệm, tiêu chuẩn/điều kiện về các danh mục, các ngành/lĩnh vực xanh để có thể áp dụng chung, thống nhất, dẫn tới việc thiếu cơ sở để các TCTD có căn cứ lựa chọn, thẩm định, đánh giá và giám sát thực hiện cấp tín dụng xanh.*”³⁶ Điều này đã dẫn đến **sự thiếu hụt các quy trình nội bộ và chuyên môn để đánh giá dự án, phương án sản xuất kinh doanh đủ điều kiện để nhận tài chính xanh là một thách thức chính đối với nhiều ngân hàng.** Trong số 85 tổ chức tín dụng do NHNN quản lý, 72 tổ chức chưa có đơn vị kinh doanh chuyên trách về tài chính xanh và 74 tổ chức thiếu quy trình cụ thể về thẩm định tín dụng xanh.³⁷ Nguồn lực chuyên môn về tài chính xanh và tích hợp các quy trình tài chính xanh vào các hoạt động hiện có khá mỏng và yếu ở hầu hết các TCTD. (Xem thêm phân tích tại mục 3.3.2 thực tế xác nhận dự án xanh tại các TCTD.)

Một trở ngại khác cũng được nêu ra trong các cuộc tham vấn là vấn đề **chênh lệch thời gian khi hầu hết các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn trong khi đa phần các dự án xanh thường có thời gian triển khai dài hơn và có nhu cầu vốn trung dài hạn.** Tình trạng này làm tăng rủi ro thanh khoản cho các ngân hàng thương mại, làm suy yếu mong muốn và động lực tài trợ cho các dự án xanh. Các tổ chức tài chính cũng cần được cung cấp thông tin rõ ràng hơn về các yêu cầu khi kết hợp đánh giá rủi ro môi trường và

³⁶ Viện Chiến lược Ngân hàng, 2021. Báo cáo kết quả triển khai Đề án Ngân hàng xanh tại Việt Nam giai đoạn 2018-2020.

³⁷ WB, Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển, tháng 7/2022. Trang 68. https://openknowledge.worldbank.org/bitstream/handle/10986/37618/CCDR%20Full%20report%20VIE_11.07.pdf?sequence=17&isAllowed=y

xã hội cũng như các lợi ích môi trường của các dự án xin cấp vốn vào các chính sách và hoạt động bảo lãnh tín dụng.

3.2.2. Trái phiếu xanh

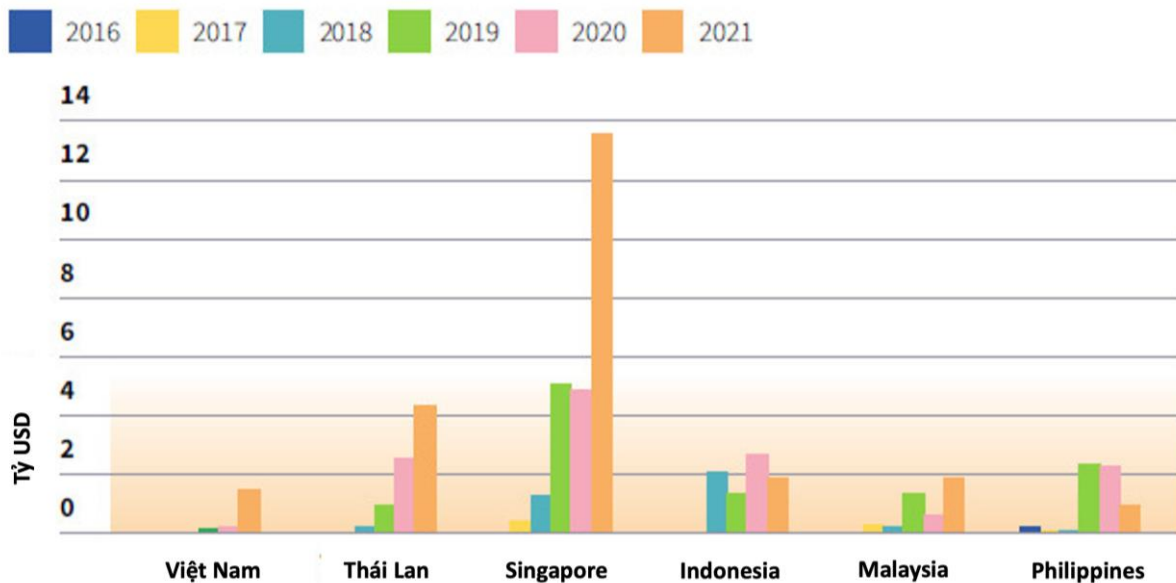
Theo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trái phiếu xanh, trái phiếu xã hội hay trái phiếu bền vững là những khái niệm tương đối mới ở Việt Nam. Từ năm 2016, trên cơ sở nhu cầu huy động vốn cho các dự án có tính chất BVMT thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã phát hành thí điểm trái phiếu xanh, theo quy định về phát hành trái phiếu chính quyền địa phương. Trong đó:

- Thành phố Hồ Chí Minh phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu xanh kỳ hạn 15 năm để huy động vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có 11 dự án mang tính chất BVMT;

- Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát hành 500 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 5 năm huy động vốn cho các dự án thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, trong đó có 01 dự án mang tính chất BVMT³⁸.

Theo báo cáo của CBI (2021)³⁹ về thị trường tài chính bền vững ASEAN (bao gồm trái phiếu xanh và các khoản vay xanh), Việt Nam có sự tăng trưởng mạnh mẽ và đạt giá trị là 1,5 tỷ USD vào năm 2021, gần gấp 5 lần so với 0,3 tỷ USD vào năm 2020 và duy trì mức tăng trưởng ổn định trong năm thứ ba liên tiếp. Tính riêng thị trường trái phiếu Việt Nam đã tăng trưởng lên hơn 5 tỷ USD vào năm 2021 với hơn 80% trái phiếu được phát hành là trái phiếu chính phủ. Tương tự như tín dụng xanh, trái phiếu xanh cũng đến từ các lĩnh vực giao thông và năng lượng là chính.

Hình 7. Tổng giá trị trái phiếu xanh và tín dụng xanh hàng năm của 6 nước ASEAN



Nguồn: CBI, Báo cáo thị trường tài chính bền vững ASEAN 2021

³⁸ Theo CV số 5122/BTC-TCNH về việc cung cấp thông tin, số liệu về trái phiếu xanh của Bộ Tài chính

³⁹ <https://www.climatebonds.net/2022/06/asean-sustainable-debt-market-hits-record-issuance-volume-2021>

Ngoài ra, trong năm 2021, có 2 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp bền vững tại thị trường quốc tế là của BIM Land trái phiếu xanh (200 triệu USD) và 425 triệu USD trái phiếu bền vững có quyền chọn của Tập đoàn Vingroup. Tháng 7/2022, Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (EVNFinance) đã phát hành thành công trái phiếu xanh tại thị trường trong nước với hơn 1.725 tỷ đồng được bảo lãnh một phần bởi GuarantCo, áp dụng nguyên tắc phát hành trái phiếu xanh của ICMA⁴⁰ và tự nguyện tuân thủ theo tiêu chuẩn Trái phiếu xanh ASEAN. EVNFinance là một trong những tổ chức tài chính đầu tiên tại Việt Nam thực hiện phát hành trái phiếu xanh ra thị trường.

Những con số khiêm tốn về phát hành trái phiếu xanh như trên cho thấy tiềm năng lớn của thị trường trái phiếu xanh tại Việt Nam. Tuy vậy, một trong những rào cản với thị trường trái phiếu xanh Việt Nam là *chưa có một hệ sinh thái trái phiếu xanh đồng bộ với sự tham gia của cả Chính phủ, nhà phát hành, nhà đầu tư, các bên hỗ trợ vận hành thị trường, các đơn vị thiết lập tiêu chuẩn thị trường/cung cấp dịch vụ xác minh thuộc bên thứ ba.*

3.3. Hiện trạng trong việc xác nhận dự án được cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh

3.3.1. Theo các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật

Theo quy định pháp luật hiện hành trong lĩnh vực tài chính, chủ thể phát hành và nhà đầu tư trái phiếu xanh được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ như sau:

- Được hưởng ưu đãi giảm 50% mức giá các dịch vụ: Đăng ký niêm yết, Quản lý niêm yết, Giao dịch, Đăng ký chứng khoán, Hủy đăng ký chứng khoán một phần, Lưu ký chứng khoán (Thông tư số 101/2021/TT-BTC);

- Dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành được ưu tiên bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

- Ưu đãi về thuế: Bộ Tài chính dự kiến trình các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với các nguồn thu nhập phát sinh từ trái phiếu xanh trong quá trình sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn.

Và để nhận được các ưu đãi và hỗ trợ trên, việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh là cần thiết, với các quy định hiện hành như sau:

- Khoản 3 Điều 154 Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định “Việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu xác nhận để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh theo quy định tại Nghị định này.”

- Đối với tín dụng xanh, khoản 5 Điều 133 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định “Ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất trực tiếp cho dự án được cấp tín dụng xanh tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Việt Nam. Chủ đầu tư cung cấp đầy đủ hồ sơ chứng minh dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hiệu quả, chính xác về đối tượng được hưởng hỗ trợ lãi suất.”

⁴⁰ Tham luận của Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam tại Hội thảo Hồ Chí Minh 29/7/2022.

- Đối với trái phiếu xanh, khoản 8 Điều 157 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định “Chủ thể phát hành trái phiếu xanh, nhà đầu tư trái phiếu xanh được hưởng các chính sách ưu đãi sau: a) Được hưởng các ưu đãi giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán và chính sách hỗ trợ, ưu đãi khác theo quy định của pháp luật; b) Dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành được ưu tiên bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.”

Ngoài các quy định trên, ***hiện chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc xác nhận dự án thuộc danh mục phân loại xanh theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu xác nhận*** (sau đây viết tắt là xác nhận dự án xanh) để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước. Do đó, việc ban hành quy định xác nhận dự án xanh để được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước là rất cần thiết, đặc biệt khi thị trường tài chính xanh ngày càng phát triển mạnh và nhu cầu tham gia, được hưởng các quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khi tham gia vào thị trường tín dụng xanh, trái phiếu xanh ngày càng cao. Việc quy định xác nhận dự án xanh để được hưởng chính sách ưu đãi hỗ trợ của nhà nước cần có cơ sở pháp lý, cụ thể là hệ thống danh mục phân loại xanh với các mục tiêu, lợi ích môi trường, tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu môi trường theo pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế.

3.3.2. Thực tế xác nhận dự án xanh tại các tổ chức tín dụng

a) Về nguồn lực

Thực tế hiện nay ở nước ta các TCTD tự thẩm định (hoặc thuê đơn vị/chuyên gia hỗ trợ thẩm định) dự án xanh để xem xét cấp tín dụng xanh. Việc thẩm định, đánh giá dự án xanh hầu hết được giao trực tiếp cho cán bộ tín dụng, và các chuyên gia môi trường thuê ngoài nếu cần. Tùy theo quy mô hoạt động mà các TCTD có thể thành lập bộ phận riêng về tín dụng xanh, hoặc sử dụng bộ phận Tái thẩm định tại Hội sở chính để thẩm định và phê duyệt cuối cùng về cấp tín dụng xanh. Theo nghiên cứu “Báo cáo đánh giá thực tiễn về môi trường, xã hội và quản trị ở các doanh nghiệp tư nhân tại Việt Nam” tháng 7/2021 của IFC chỉ có khoảng 20% ngân hàng thương mại được khảo sát thành lập bộ phận chuyên trách để triển khai thực hiện hệ thống quản trị các vấn đề môi trường xã hội, trong đó bao gồm các hoạt động về cấp tín dụng xanh. Bộ phận này chỉ bao gồm 1-3 cán bộ, có trách nhiệm soạn thảo chính sách, thủ tục và giám sát việc thực hiện các chính sách và thủ tục đó. Pháp chế và Tuân thủ là bộ phận chịu trách nhiệm xem xét các cam kết của khách hàng vay vốn liên quan đến môi trường xã hội, như một phần của thỏa thuận tín dụng. Tùy theo quy mô hoạt động mà các TCTD có thể thành lập bộ phận riêng về tín dụng xanh, hoặc sử dụng bộ phận Tái thẩm định tại Hội sở chính để thẩm định và phê duyệt cuối cùng về cấp tín dụng xanh. Nhận định này cũng được khẳng định qua kết quả tham vấn với các ngân hàng của nhóm chuyên gia (*Xem thêm Phụ lục 1 Kết quả tham vấn hiện trạng cấp tín dụng xanh*). Để bù đắp cho những hạn chế về nguồn lực chuyên môn, nhiều TCTD đã sử dụng chuyên gia bên ngoài tổ chức để hỗ trợ kỹ thuật phân tích, đánh giá, thẩm định các rủi ro và tác động phức tạp đến môi trường ở các dự án lớn và quan trọng có nguy cơ gây ô nhiễm nghiêm trọng.

b) Căn cứ/ tài liệu hướng dẫn sử dụng để đánh giá

Tham vấn các TCTD cho thấy trong bối cảnh thiếu các hướng dẫn pháp lý thống nhất, một số ngân hàng thương mại đã tự xây dựng các quy trình nội bộ dựa trên sự tham khảo các văn bản của HNNN và Bộ TNMT như Sổ tay Hướng dẫn đánh giá rủi ro môi trường và xã hội cho 15 ngành kinh tế do NHNN ban hành trong giai đoạn 2018-2019,

và Tài liệu tham khảo về Tiêu chí đánh giá về môi trường cho dự án xanh, dự án có nguy cơ ô nhiễm môi trường năm 2019 của Bộ TNMT. Với các dòng tín dụng xanh quốc tế, các tài liệu như Nguyên tắc Tín dụng xanh 2020 của Hiệp hội thị trường tín dụng (Loan Market Association - LMA) và Hiệp hội thị trường Tín dụng Châu Á Thái Bình Dương (Asia Pacific Loan Market Association - APLMA) đồng ban hành cũng được áp dụng. Đặc điểm chung của các hướng dẫn này là tuân thủ theo quy định của NHNN và các tổ chức quốc tế tài trợ nguồn vốn xanh, cụ thể điều kiện và hồ sơ bao gồm:

- Các điều kiện hồ sơ như tín dụng thông thường:
 - + Hồ sơ pháp lý của khách hàng (Đăng ký kinh doanh, Giấy phép đầu tư dự án..)
 - + Hồ sơ năng lực tài chính (Báo cáo tài chính..)
 - + Hồ sơ vay vốn (Danh mục đầu tư dự án/hợp đồng/hóa đơn mua bán/hợp đồng thi công, Hợp đồng/hóa đơn hoặc phiếu mua hàng;....)
 - + Hồ sơ tài sản bảo đảm nếu có thể chấp tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng
 - + Hồ sơ dự án (Thuyết minh dự án, Kế hoạch sử dụng vốn, Giấy phép môi trường, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy (đối với những dự án có yêu cầu)...phù hợp với phương án/dự án sản xuất kinh doanh của khách hàng)
- Các điều kiện hồ sơ yêu cầu thêm với tín dụng xanh:
 - + Chứng từ thể hiện nhu cầu và mục đích sử dụng vốn phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và đáp ứng các điều kiện liên quan.

c) Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án và phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý

Giám sát sau giải ngân được các TCTD thực hiện nghiêm ngặt theo định kỳ và/hoặc đột xuất với mọi khoản vay để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng và đánh giá các rủi ro tín dụng. Tuy nhiên những giám sát này chủ yếu được thực hiện ở khía cạnh khả năng tài chính.

Về báo cáo tín dụng xanh, chế độ báo cáo định kỳ hàng quý cho NHNN theo quy định và mẫu biểu tại công văn số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017 là chế độ báo cáo chính đối với các ngân hàng về tín dụng xanh. Trong số các ngân hàng tham gia tham vấn, chỉ có một ngân hàng cho biết đã thiết lập và triển khai từng phần và/hoặc kết hợp các hệ thống báo cáo về tín dụng xanh cho cơ quan nhà nước.

3.3.3. Một số cơ sở pháp lý cho hoạt động xác nhận dự án xanh độc lập

Trên cơ sở các thông lệ quốc tế về xác nhận trái phiếu xanh, tín dụng xanh như đã trình bày tại mục 2.4, và đối chiếu với các quy định hiện hành của Việt Nam về hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm toán, dịch vụ đánh giá sự phù hợp, và dịch vụ xếp hạng tín nhiệm cho thấy đã có một số quy định pháp lý để các tổ chức này có thể thực hiện hoặc có tiềm năng thực hiện thủ tục xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

a) Hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm toán: được quy định tại mục số 19 Phụ lục IV Luật Đầu tư

- **Hình thức tổ chức và định nghĩa:** Tổ chức kiểm toán bao gồm:
 - + Doanh nghiệp kiểm toán là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, có đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy

định và đã được Bộ Tài chính Việt Nam cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán (khoản 1 Điều 3 Nghị định 17/2012/NĐ-CP hướng dẫn Luật kiểm toán độc lập)

+ Chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, không có tư cách pháp nhân, được doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Việt Nam (theo khoản 13 Điều 5 Luật Kiểm toán độc lập 2011)

+ Tổ chức kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng, là các đơn vị được quy định tại Điều 53 Luật Kiểm toán độc lập, bao gồm đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán và đơn vị có lợi ích công chúng khác (Điều 1 Nghị định 134/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 84 kiểm toán viên kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng).

- **Phạm vi hoạt động, các dịch vụ liên quan đến xác nhận** dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và **dịch vụ bảo đảm khác** (điểm b khoản 1 Điều 40 Luật Kiểm toán độc lập 2011). Trong đó tại mục 10 và 11 của Khuôn khổ Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo ban hành tại Thông tư 69/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015, nêu rõ:

*“10. Dịch vụ đảm bảo là dịch vụ mà kiểm toán viên thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đưa ra kết luận nhằm tăng mức độ tin cậy của đối tượng sử dụng, không chỉ là bên chịu trách nhiệm, về kết quả đo lường hoặc đánh giá dựa trên các tiêu chí đối với đối tượng **dịch vụ đảm bảo**.*

11. Kết quả đo lường hoặc đánh giá một đối tượng dịch vụ đảm bảo là các thông tin thu được từ việc áp dụng các tiêu chí đối với đối tượng dịch vụ đảm bảo. Ví dụ:

(1) Báo cáo tài chính (kết quả) là kết quả của việc đo lường tình hình tài chính, tình hình hoạt động và dòng tiền của một đơn vị (đối tượng dịch vụ đảm bảo) bằng cách áp dụng một khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính (tiêu chí);

(2) Báo cáo về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ (kết quả) là kết quả của việc đánh giá tính hiệu quả của quy trình kiểm soát nội bộ của một đơn vị (đối tượng dịch vụ đảm bảo) bằng cách áp dụng các tiêu chí có liên quan;

(3) Báo cáo về hoạt động cụ thể của một đơn vị (kết quả) là kết quả của việc đo lường các khía cạnh của hoạt động đó (đối tượng dịch vụ đảm bảo), bằng cách áp dụng các phương thức đo lường có liên quan (tiêu chí);

(4) Báo cáo khí thải nhà kính (kết quả) là kết quả của việc đo lường mức độ xả khí thải nhà kính của một đơn vị (đối tượng dịch vụ đảm bảo) bằng cách áp dụng các nguyên tắc về ghi nhận, đo lường và trình bày (tiêu chí);

(5) Báo cáo về tính tuân thủ (kết quả) là kết quả của việc đánh giá tính tuân thủ của một đơn vị (đối tượng dịch vụ đảm bảo) với một tiêu chí, ví dụ pháp luật và các quy định khác có liên quan (tiêu chí).

Thuật ngữ “thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo” được sử dụng để chỉ kết quả của việc đo lường hoặc đánh giá một đối tượng dịch vụ đảm bảo dựa trên các tiêu chí. Kiểm toán viên cần thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo để có cơ sở hợp lý cho việc đưa ra kết luận của mình”

- **Tiêu chuẩn về dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:** Bộ Tài chính đã ban hành Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 - Hợp đồng dịch vụ đảm bảo ngoài dịch vụ kiểm toán và soát xét thông tin tài chính quá khứ, theo khoản 1 Điều 1 Thông tư 66/2015/TT-BTC ngày 8/5/2016 về ban hành các chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo khác. Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ đảm bảo số 3000 tương đương với Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo 3000 (International Standard on Assurance Engagements - ISAE 3000) là chuẩn mực cũng được CBI áp dụng đối với các Tổ chức đánh giá độc lập. ISAE 3000 sẽ được thay thế bằng ISSA 5000 (International Standard on Sustainability Assurance ISSA-5000) và các hướng dẫn của ISSA 5000 sẽ được ban hành trong năm 2025.

Các quy định và hướng dẫn tại Chuẩn mực số 3000 có liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh, thể hiện ở các mục 10 trong mục tiêu của chuẩn mực, và mục A44 hướng dẫn áp dụng chuẩn mực được trích dẫn dưới đây:

“Mục tiêu của chuẩn mực 3000

10. Khi thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo, mục tiêu của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán là:

(a) Để có sự đảm bảo hợp lý và đảm bảo có giới hạn, trong phạm vi phù hợp, về việc liệu thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo có còn sai sót trọng yếu hay không;

(b) Đưa ra kết luận về kết quả của việc đo lường hoặc đánh giá đối tượng dịch vụ đảm bảo bằng văn bản, trong đó đưa ra sự đảm bảo hợp lý hoặc đảm bảo có giới hạn và cơ sở đưa ra kết luận (xem hướng dẫn tại đoạn A2 Chuẩn mực này);

Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực 3000:

A44. Trong một số trường hợp, một hợp đồng dịch vụ đảm bảo có thể chỉ liên quan đến một phần của đối tượng dịch vụ đảm bảo lớn hơn. Ví dụ, kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán có thể chỉ được yêu cầu báo cáo về một khía cạnh của việc đóng góp vào chương trình phát triển bền vững của một đơn vị, ví dụ: một chương trình được đơn vị thực hiện có tác động tích cực đến môi trường. Khi xác định xem liệu hợp đồng dịch vụ có đối tượng dịch vụ đảm bảo phù hợp hay không, kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán cần xem xét các thông tin mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán được yêu cầu phải báo cáo có đáp ứng được nhu cầu của đối tượng sử dụng báo cáo dịch vụ đảm bảo hay không và thông tin về đối tượng dịch vụ đảm bảo sẽ được trình bày và cung cấp như thế nào. Ví dụ, liệu có các hoạt động lớn hơn có tác động không hiệu quả đến môi trường mà đơn vị không trình bày hay không.”

Như vậy, với hệ thống các quy định sẵn sàng và khá đầy đủ theo thông lệ quốc tế về hoạt động dịch vụ đảm bảo theo Chuẩn mực số 3000 (và từ 2025 chuẩn mực ISSA 5000), các tổ chức kiểm toán tại Việt Nam hoàn toàn có khả năng và cơ sở pháp lý để cung cấp bất kỳ một dịch vụ xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

b) Hoạt động kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp: được quy định tại mục số 118 Phụ lục IV Luật Đầu tư

- **Hình thức tổ chức và định nghĩa:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp là tổ chức tiến hành hoạt động thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, môi trường phù hợp với tiêu

chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (khoản 1 Điều 3 Nghị định 107/2016/NĐ-CP)

- **Phạm vi hoạt động, các dịch vụ liên quan đến xác nhận** dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh: Trong số 5 hoạt động được quy định tại khoản 1 Điều 2 và chi tiết ở các Chương từ II đến IV của Nghị định 107/2016/NĐ-CP, các dịch vụ về thử nghiệm, kiểm định, giám định chỉ áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa. Chỉ có ***hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý là hoạt động có tiềm năng nhất để thực hiện dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh do các tổ chức này có thể cung cấp.***

Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 17 Nghị định 107/2016/NĐ-CP, tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng nhận hệ thống quản lý cần đáp ứng các yêu cầu quy định của “*Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1:2015 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1:2015 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý*”

- **Tiêu chuẩn về dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:** Theo thông lệ quốc tế, dịch vụ xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh trên cơ sở áp dụng bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 14030-1:2021 về trái phiếu xanh: đánh giá các dự án được phát hành trái phiếu xanh, ISO 14030-2:2021 về tín dụng xanh: đánh giá các dự án được cấp tín dụng xanh. Tuy nhiên các bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 14030-1:2021 và ISO 14030-4:2021 chưa được ban hành chính thức tại Việt Nam.

Như vậy, với các quy định hiện hành ***chưa đủ cơ sở pháp lý vững chắc để các tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp có thể cung cấp dịch vụ xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh*** trên cơ sở áp dụng bộ tiêu chuẩn quốc tế ISO 14030-1:2021 về trái phiếu xanh: đánh giá các dự án được phát hành trái phiếu xanh, ISO 14030-2:2021 về tín dụng xanh: đánh giá các dự án được cấp tín dụng xanh.

c) Hoạt động kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm: được quy định tại mục số 34 Phụ lục IV Luật Đầu tư

- **Hình thức tổ chức và định nghĩa:** Dịch vụ xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức là *dịch vụ được cung cấp bởi doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm để phân tích, nhận định và xếp hạng về khả năng thực hiện đầy đủ, đúng hạn nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp, tổ chức* (khoản 5 Điều 4 Nghị định 88/2014/NĐ-CP quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm).

- **Phạm vi hoạt động, các dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:** Không có quy định. Các quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm mới chỉ hạn chế ở phạm vi nghĩa vụ nợ của doanh nghiệp, tổ chức, hoặc chủ thể phát hành đối với công cụ nợ.

- **Tiêu chuẩn về dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh:** Không có quy định.

Tuy nhiên theo thông lệ quốc tế, các doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm nếu đủ điều kiện thực hiện hợp đồng dịch vụ đảm bảo theo chuẩn mực số 3000 thì được phép thực hiện hoạt động xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

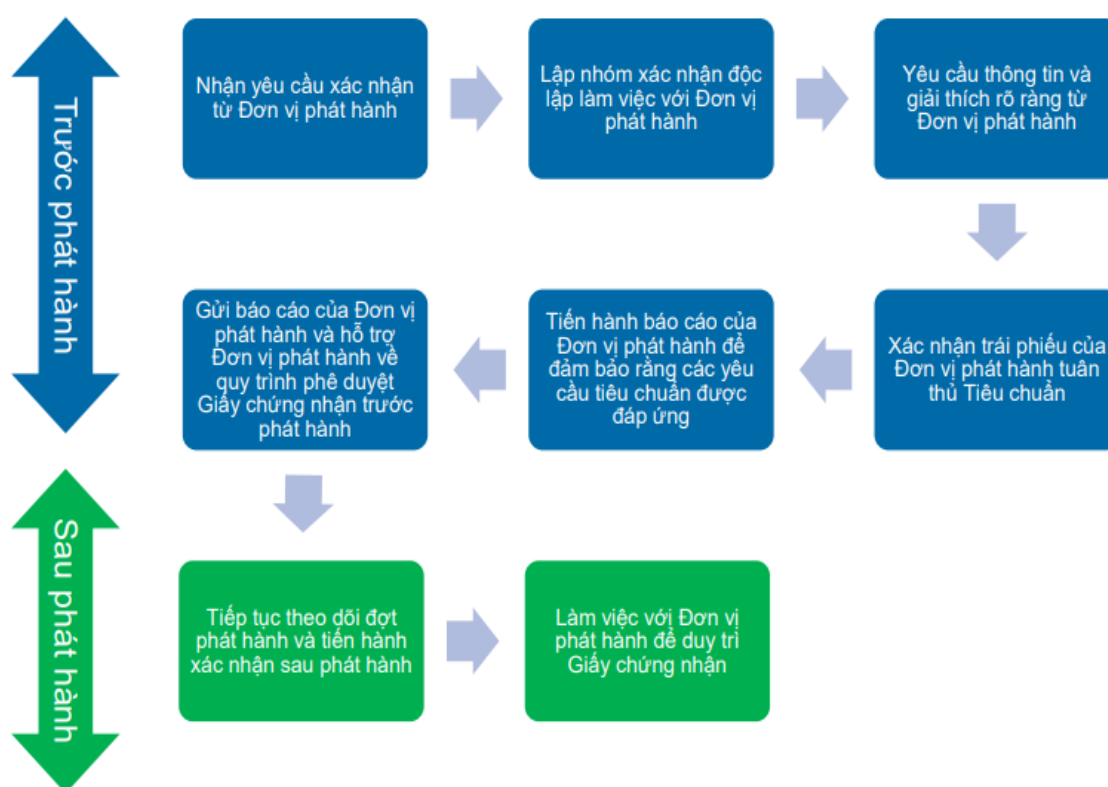
Như vậy, với các quy định hiện hành các *tổ chức xếp hạng tín nhiệm tại Việt Nam chưa đủ cơ sở pháp lý để thực hiện dịch vụ liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh*. Do vậy đây là một loại tổ chức có tiềm năng thực hiện hoạt động xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh khi các văn bản pháp luật về xếp hạng tín nhiệm được sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động của doanh nghiệp xếp hạng tín nhiệm.

3.3.4. Dịch vụ xác nhận phát hành trái phiếu xanh

Mặc dù chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về việc xác nhận dự án theo đề nghị của chủ dự án đầu tư, chủ thể phát hành trái phiếu xanh có nhu cầu xác nhận để được hưởng chính sách, ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước nhưng trên thực tế, thị trường Việt Nam vẫn có các tổ chức đánh giá độc lập được ủy quyền xác nhận trái phiếu xanh từ tổ chức CBI là Fiin Group (là đơn vị xếp hạng tín nhiệm được cấp phép thứ hai tại Việt Nam). Đây là tổ chức duy nhất ở Việt Nam hiện nay được CBI ủy quyền cho việc xác nhận trái phiếu khí hậu theo tiêu chuẩn của CBI kể từ tháng 3 năm 2021.

Hình 8 dưới đây mô tả quy trình xác nhận trái phiếu khí hậu của Fiin Group

Hình 8. Quy trình xác nhận trái phiếu khí hậu của Fiin group



Nguồn: Fiin group

Về hồ sơ, doanh nghiệp tham gia và xin xác nhận từ Fiin group cần chuẩn bị những hồ sơ bao gồm:

- Khung chính sách trái phiếu xanh (Đây là thông tin do tổ chức phát hành cung cấp nhằm mô tả cách thức để trái phiếu, khoản vay hoặc các công cụ nợ khác của tổ chức phát hành đáp ứng yêu cầu theo Tiêu chí Phân loại Trái phiếu Khí hậu của CBI),
- Tài liệu hồ sơ (gồm Cáo bạch, Thỏa thuận không ràng buộc, Hồ sơ chào bán, Hợp đồng cam kết, Điều khoản trái phiếu, Giấy tờ pháp lý)

- Báo cáo kỹ thuật (gồm Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, Báo cáo tài sản đủ điều kiện, Báo cáo đánh giá tác động môi trường)

- Các biểu mẫu thông tin trái phiếu khí hậu và thỏa thuận chứng nhận với CBI.

IV. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG VÀ VIỆC XÁC NHẬN ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG XANH, PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU XANH

4.1. Xác định yêu cầu, nguyên tắc xây dựng Danh mục phân loại xanh và việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh

a) Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, minh bạch và thống nhất giữa các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Đảng, Nhà nước; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đặc biệt là đảm bảo tính khả thi, hiệu quả, dễ thực hiện và đồng bộ giữa các quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường và hệ thống pháp luật về tín dụng, trái phiếu và pháp luật khác có liên quan.

b) Danh mục phân loại xanh được xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành đảm bảo các yêu cầu sau:

- Phù hợp với chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước và đồng bộ với các văn bản pháp luật khác trong hệ thống quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, các-bon thấp.

- Đảm bảo tính khoa học, thuận tiện, dễ hiểu và dễ áp dụng vào hoạt động cấp tín dụng xanh và phát hành trái phiếu xanh.

- Tạo thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, đánh giá và điều hành chính sách vĩ mô của Đảng và Nhà nước.

- Phù hợp với thông lệ và xu hướng quốc tế, khu vực; kế thừa và phát triển từ kinh nghiệm của các quốc gia, tổ chức khu vực, tổ chức quốc tế uy tín.

- Thống nhất chung trong cùng 01 Danh mục phân loại xanh bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 149 và khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Bảo đảm khoa học, khách quan, công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Phù hợp với thông lệ chung của thị trường đồng thời phù hợp với chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, thực tiễn về hệ thống tổ chức, cơ chế vận hành có liên quan đến xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh.

- Đảm bảo đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính, hạn chế phát sinh thủ tục hành chính nhưng phải rõ ràng, chặt chẽ để xác định đúng dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh, ngăn ngừa, sàng lọc các dự án thâm dụng tài nguyên, tiềm ẩn nguy cơ mang lại các tác động xấu đến môi trường, phát sinh khí thải nhà kính đáng kể. Ưu

tiên việc huy động sự tham gia của các tổ chức độc lập vào việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh nhằm đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa.

4.2. Đề xuất quan điểm

a) Việc xây dựng, soạn thảo, trình ký ban hành Quyết định bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.

b) Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.

c) Kế thừa, phát triển từ kinh nghiệm quốc tế về xác định các tiêu chí môi trường đối với các dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh đã và đang được các quốc gia, tổ chức quốc tế có uy tín sử dụng.

d) Đơn giản hóa quy trình thực hiện thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh.

đ) Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

e) Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật.

g) Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng chuyển đổi từ kinh tế nâu sang kinh tế xanh, từ kinh tế tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn.

h) Bảo đảm khoa học, khách quan, công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4.3. Các nguyên tắc xây dựng

a) Đảm bảo tính khoa học, thuận tiện, dễ hiểu và dễ áp dụng để các tổ chức, cá nhân có liên quan áp dụng vào thực tiễn hoạt động cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

b) Phù hợp với hệ thống phân ngành kinh tế của Việt Nam, tạo thuận lợi cho việc thống kê, theo dõi, đánh giá và điều hành chính sách.

c) Phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và định hướng của Đảng, Nhà nước về phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các bon thấp.

d) Phù hợp với xu hướng quốc tế, kế thừa và phát triển từ kinh nghiệm quốc tế về xác định các tiêu chí môi trường đối với các dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh đã và đang được các quốc gia, tổ chức quốc tế có uy tín sử dụng.

e) Xây dựng chung 01 danh mục phân loại xanh phù hợp và áp dụng chung với quy định tại khoản 1 Điều 149 và khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường.

f) Mỗi loại hình dự án đầu tư hoặc hạng mục của dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh có thể tạo ra nhiều lợi ích môi trường nhưng chỉ xác định 01 lợi ích môi trường chính và đồng thời phải tuân thủ nguyên tắc không gây hại đáng kể cho các mục tiêu môi trường khác.

g) Các tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu của từng tiêu chí được xác định dựa trên các định hướng chiến lược có liên quan của Việt Nam, hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được các cấp có thẩm quyền ban hành.

h) Hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đồng thời đảm bảo rõ ràng, chặt chẽ để xác định đúng dự án được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; ngăn ngừa, sàng lọc các dự án tiềm ẩn nguy cơ mang lại các tác động môi trường đáng kể (dự án nâu).

4.4. Phương pháp xây dựng các tiêu chí môi trường, danh mục phân loại xanh

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để xây dựng Danh mục phân loại xanh và đề xuất việc xác nhận đối với dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh được thực hiện với phương pháp, quy trình các nội dung như sau:

1. Phương pháp, quy trình xây dựng Danh mục phân loại xanh

Phương pháp, quy trình xây dựng Danh mục phân loại xanh được thực hiện theo các bước sau:

* Bước 1. Xác định cấu trúc của Danh mục phân loại xanh và phân nhóm các lợi ích môi trường.

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 149 và khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường; đối chiếu giữa kinh nghiệm quốc tế, đặc trưng hệ thống pháp luật của Việt Nam có liên quan, dự thảo đã xác định các nhóm mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường chính đối với mỗi loại hình dự án đầu tư để được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

Trên góc độ khoa học và thực tiễn, mỗi loại hình dự án đầu tư có thể tạo ra nhiều mục tiêu môi trường và đồng thời sẽ mang lại nhiều lợi ích môi trường nhưng chỉ xác định 01 nhóm mục tiêu, lợi ích môi trường chính và đồng thời phải tuân thủ yêu cầu không gây hại đáng kể đến các mục tiêu môi trường khác.

* Bước 2. Xác định, phân nhóm và mã ngành kinh tế của loại hình dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh.

Căn cứ vào hệ thống phân ngành kinh tế, phân ngành sản phẩm của Việt Nam; tham khảo danh mục đang được hướng dẫn bởi Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường; tham khảo kinh nghiệm tốt của các Tổ chức khu vực như Liên minh Châu Âu, ASEAN, Trung Quốc, Ấn Độ, Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI); tham vấn các nhà khoa học thuộc các lĩnh vực chuyên ngành có liên quan để xác định các nhóm dự án đầu tư, loại hình dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh, xác định mã ngành kinh tế phù hợp để gắn mã thống kê phục vụ công tác thống kê, đánh giá và thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh và các hoạt động có liên quan.

* Bước 3. Xác định các tiêu chí môi trường đối với mỗi loại hình dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh.

Nghiên cứu hầu hết các danh mục phân loại xanh của các quốc gia tiêu biểu cho thấy, hầu hết đều đặt ra các mục tiêu môi trường, các tiêu chí sàng lọc, chỉ tiêu ngưỡng cần đạt được và các cơ sở pháp lý quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cần tham chiếu. Các loại hình dự án, hoạt động trong các danh mục phân loại xanh quốc tế đã được rà soát thường được phân loại theo các nhóm ngành kinh tế khác nhau theo hệ thống phân ngành kinh tế quốc tế (ISIC) hoặc theo hệ thống phân ngành của khu vực, quốc gia. Đặc biệt, để đảm bảo giảm thiểu rủi ro về môi trường, một số danh mục phân

loại xanh được xây dựng gần đây như phân loại của EU, ASEAN, Mông Cổ, Kazakhstan, Colombia... đưa ra yêu cầu “không gây hại đáng kể cho các mục tiêu môi trường khác” để đảm bảo nguyên tắc một loại hình dự án hoặc hoạt động kinh tế có thể tạo ra lợi ích môi trường này nhưng không gây hại cho các mục tiêu/lợi ích môi trường khác. Ngoài ra, do tính chất thay đổi về công nghệ, kỹ thuật và điều kiện của mỗi quốc gia, khu vực, một số tổ chức quốc tế, khu vực, quốc gia thường xuyên hoặc định kỳ rà soát, bổ sung và sửa đổi danh mục phân loại xanh của mình, điển hình như: (i) Châu Âu sau hai năm đã bổ sung thêm khí thiên nhiên và hạt nhân; (ii) Tổ chức Sáng kiến Trái phiếu Khí hậu (CBI) định kỳ hai năm cập nhật danh mục phân loại và bổ sung các dự án chuyển đổi xanh như xi măng, sắt thép, hóa chất vào danh mục; (iii) Trung Quốc sửa đổi danh mục sau 6 năm ban hành.

Sau khi đối chiếu kinh nghiệm quốc tế với quy định pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến yêu cầu không gây hại đáng kể đến mục tiêu bảo vệ môi trường khác và các tiêu chí, chỉ tiêu để giúp sàng lọc các loại hình dự án đầu tư, tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh được xác định bao gồm:

- Các tiêu chí kỹ thuật hoặc các yêu cầu đối với công nghệ, quy trình sản xuất, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm hoặc dịch vụ để bảo đảm dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích môi trường, bao gồm tiêu chí sàng lọc và chỉ tiêu. Các tiêu chí sàng lọc, chỉ tiêu của từng tiêu chí được xác định dựa trên các định hướng chiến lược có liên quan của Việt Nam, hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được các cấp có thẩm quyền ban hành. Trường hợp Việt Nam chưa có các tiêu chí, chỉ tiêu thì học tập kinh nghiệm của các nước có trình độ công nghệ cao.

- Yêu cầu không gây hại đáng kể đến các mục tiêu bảo vệ môi trường khác. Căn cứ vào phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường, yêu cầu không gây hại đáng kể đến các mục tiêu môi trường khác đối với mỗi loại hình dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh bao gồm:

+ Đối với dự án đầu tư nhóm I, nhóm II hoặc nhóm III theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường hoặc văn bản tương đương (nếu có);

+ Đối với dự án đầu tư nhóm IV theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch khác có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương (nếu có).

* Kết quả thực hiện: Quyết định đề xuất tổng số có 48 dự án đầu tư trong Danh mục phân loại xanh, bảo đảm bao quát khá toàn diện các hoạt động kinh tế có liên quan, hài hòa với danh mục của Châu Âu, ASEAN, CBI, Trung Quốc ... và phân thành 07 nhóm tương ứng như sau: năng lượng (09 dự án); giao thông, vận tải (02 dự án); xây dựng (03 dự án); tài nguyên nước (04 dự án); nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và bảo tồn đa dạng sinh học (12 dự án); công nghiệp chế biến, chế tạo (08 dự án); Dịch vụ môi trường (08 dự án). Các tiêu chí được xây dựng đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 149, khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường và hệ thống phân loại của thế giới (Chi tiết đối trình bày tại Phụ lục 1 và 2 kèm theo bản tóm tắt này).

4.5. Phương pháp xây dựng quy định về xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh

Các bước, phương pháp được sử dụng để xây dựng quy định về xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được thực hiện như sau:

Bước 1. Rà soát hiện trạng các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh.

Bước 2. Nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới như Châu Âu, Trung Quốc, Singapore; kinh nghiệm của một số tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới, IFC, CBI trong việc xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh; tổ chức khảo sát thực tiễn với các ngân hàng thương mại và TCTD (*xem tóm tắt kết quả tham vấn tại Phụ lục 4*), tham vấn các tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua gửi công văn đến các tổ chức đã và đang cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; tổ chức tham vấn trực tiếp, tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo tham vấn rộng rãi các đối tượng bị tác động.

Bước 3: Tổ chức rà soát hệ thống văn bản pháp lý hiện hành khảo sát thực tiễn, tham vấn các tổ chức, cá nhân có liên quan thông qua gửi công văn đến các tổ chức đã và đang cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; tổ chức tham vấn trực tiếp, tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo tham vấn rộng rãi các đối tượng bị tác động như các Ngân hàng thương mại; các nhà đầu tư trái phiếu, tổ chức đã, đang và có tiềm năng tham gia vào xác nhận.

Bước 4: Xây dựng quy định xác nhận gắn với các chính sách và quy định ưu đãi cụ thể.

V. ĐỀ XUẤT VỀ DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH VIỆT NAM VÀ CÁC PHƯƠNG ÁN XÁC NHẬN ĐỐI VỚI DỰ ÁN THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

5.1. Đề xuất tiêu chí môi trường và Danh mục phân loại xanh Việt Nam

a) Về tiêu chí môi trường (Điều 3 của dự thảo Quyết định):

Dự thảo Quyết định quy định chi tiết tiêu chí môi trường đối với 02 nhóm đối tượng, bao gồm: (i) các dự án đầu tư được xem xét cấp tín dụng xanh; (ii) các dự án đầu tư được xem xét phát hành trái phiếu xanh. Theo đó, mỗi một loại hình dự án đầu tư được xem xét cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh cần đáp ứng 02 nhóm tiêu chí, cụ thể như sau:

- Nhóm tiêu chí 1: Dự án đầu tư phải có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, trừ các dự án đầu tư được miễn thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật.

Nhóm tiêu chí này nhằm đảm bảo yêu cầu chung trong việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, giảm thiểu rủi ro gây hại cho các mục tiêu bảo vệ môi trường khác và phù hợp với nguyên tắc “không gây hại đến các mục tiêu bảo vệ môi trường khác”, phù hợp với các danh mục phân loại xanh được áp dụng phổ biến của Liên minh châu Âu, ASEAN, Tổ chức sáng kiến khí hậu (CBI)...

- Nhóm tiêu chí 2: Dự án đầu tư phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Quyết định.

Nhóm tiêu chí này nhằm chứng minh dự án đầu tư có mục tiêu bảo vệ môi trường hoặc mang lại lợi ích môi trường và thuộc đối tượng được cấp tín dụng xanh theo quy định tại khoản 1 Điều 149 của Luật Bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng cấp tín dụng xanh; hoặc chứng minh dự án đầu tư thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích về môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phát hành trái phiếu xanh. Các yêu cầu, chỉ tiêu sàng lọc đối với các dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh được xây dựng đảm bảo phản ánh các mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường, kế thừa từ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật có liên quan do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Về danh mục phân loại xanh (Phụ lục I của dự thảo Quyết định):

Dự thảo Quyết định đề xuất Danh mục phân loại xanh là danh mục các lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư có mục tiêu bảo vệ môi trường, mang lại lợi ích về môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 149, khoản 2 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường và đáp ứng tiêu chí môi trường được quy định tại dự thảo Quyết định, bao gồm 47 loại hình dự án đầu tư thuộc 07 nhóm như sau:

- (1) Năng lượng gồm 09 loại hình dự án đầu tư;
- (2) Giao thông vận tải gồm 02 loại hình dự án đầu tư;
- (3) Xây dựng gồm 03 loại hình dự án đầu tư;
- (4) Tài nguyên nước gồm 04 loại hình dự án đầu tư;
- (5) Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy sản và Bảo tồn đa dạng sinh học gồm 12 loại hình dự án đầu tư;
- (6) Công nghiệp chế biến, chế tạo gồm 08 loại hình dự án đầu tư;
- (7) Dịch vụ môi trường gồm 9 loại hình dự án đầu tư.

Các Tiêu chí kỹ thuật (cột 6) quy định tại Danh mục phân loại xanh được xây dựng dựa theo quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và các tài liệu được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp các văn bản, quy định viện dẫn được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản, quy định mới.

Danh mục phân loại xanh đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 149, khoản 2 Điều 150 Luật Bảo vệ môi trường; phù hợp với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ và Hệ thống phân ngành quốc tế (viết tắt là ISIC). Hầu hết các loại hình dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh thuộc đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan và phù hợp với các ưu tiên, khuyến khích trong chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển của Việt Nam. Danh mục phân loại xanh được đề xuất trong dự thảo Quyết định tương thích với các danh mục phân loại xanh phổ biến hiện đang được áp dụng trên thế giới.

Bảng 12. Danh mục phân loại xanh Việt Nam

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A	NĂNG LƯỢNG					
1	Sản xuất điện mặt trời	35116. Điện mặt trời	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<ol style="list-style-type: none"> Hiệu suất của tế bào quang điện hoặc module quang điện phải đáp ứng quy định đối với hệ thống điện mặt trời nối lưới, điện mặt trời mái nhà được hưởng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển điện mặt trời Không giới hạn hiệu suất chuyển đổi quang điện đối với các dự án điện năng lượng mặt trời tập trung Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện mặt trời phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp 	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[4] Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế</p>

⁴¹ Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư được xác định dựa trên Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam. Khi cơ quan có thẩm quyền cập nhật, bổ sung, thay thế thì Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư sẽ áp dụng theo quy định mới.

⁴² Bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác được sử dụng để tham chiếu cho các tiêu chí sàng lọc, chỉ tiêu tương ứng. Trường hợp các văn bản được sửa đổi, cập nhật, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định mới.

⁴³ Theo quy định tại khoản 1 Điều 149 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14

⁴⁴ Theo quy định tại khoản 2 Điều 150 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p> <p>4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của nhà sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam</p> <p>[5] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[6] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[7] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[8] Quyết định số 2023/2019/QĐ-BCT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>duyet Chương trình Thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà tại Việt Nam giai đoạn 2019-2025</p> <p>[9] Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xây dựng khung giá phát triển nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp</p> <p>[10] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)</p>
2	Sản xuất điện gió	35115. Điện gió	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Sản xuất điện gió từ một trong các loại hình sau:</p> <p>1.1. Điện gió ngoài khơi</p> <p>1.2. Điện gió trong đất liền</p> <p>2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện gió phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy,</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật	<p>phù quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật [4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam</p> <p>[7] Văn bản hợp nhất số 05/2019/VBHN-BCT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ Công Thương về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam</p> <p>[8] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)</p> <p>[9] Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp</p> <p>[10] Thông tư số 02/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió</p>
3	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng bền vững khác	35119. Điện khác	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Sản xuất điện từ một trong các nguồn năng lượng sau:</p> <p>1.1. Địa nhiệt</p> <p>1.2. Sinh khối</p> <p>1.3. Thủy triều</p> <p>1.4. Sóng biển</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>1.5. Hải lưu</p> <p>1.6. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường</p> <p>1.7. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Ammoniac xanh)</p> <p>2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất điện từ các nguồn năng lượng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>	<p>tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật [4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 [7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án phát điện sử dụng chất thải rắn tại Việt Nam</p> <p>[10] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)</p> <p>[11] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 22/2009/BTNMT về khí thải công nghiệp nhiệt điện</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
4	Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới	35301. Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng và điều hoà không khí	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Sản xuất nhiệt hoặc làm mát từ một trong các nguồn năng lượng sau:</p> <p>1.1. Điện mặt trời</p> <p>1.2. Điện gió</p> <p>1.3. Địa nhiệt</p> <p>1.4. Sinh khối</p> <p>1.5. Thủy triều</p> <p>1.6. Sóng biển</p> <p>1.7. Hải lưu</p> <p>1.8. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường</p> <p>1.9. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Ammoniac xanh)</p> <p>2. Môi chất lạnh sử dụng trong thiết bị làm mát có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>3. Thiết bị được sử dụng để sản xuất nhiệt hoặc làm mát phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do cơ quan quản lý có chức năng cấp theo quy định pháp luật</p>	<p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)</p> <p>[10] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu
5	Sản xuất khí đốt từ các nguồn sinh khối	35201. Sản xuất khí đốt	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Sản xuất khí đốt từ một trong các nguồn năng lượng sau: Phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp</p> <p>2. Thiết bị được sử dụng để sản xuất, chế biến, khí sinh học phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 06 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Văn bản hợp nhất số 51/2020/VBHN-BCT ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Bộ Công Thương hợp nhất quyết định về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện sinh khối tại Việt Nam</p> <p>[10] Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc phê duyệt Quy</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII)
6	Xây dựng, lắp đặt công trình điện phục vụ phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới	42210. Xây dựng công trình điện 43210. Lắp đặt hệ thống điện	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Xây dựng, lắp đặt hệ thống điện để truyền tải, giải tỏa công suất năng lượng tái tạo cho một trong các loại công trình sau:</p> <p>1.1. Điện mặt trời</p> <p>1.2. Điện gió</p> <p>1.3. Địa nhiệt</p> <p>1.4. Sinh khối</p> <p>1.5. Thủy triều</p> <p>1.6. Sóng biển</p> <p>1.7. Hải lưu</p> <p>1.8. Điện từ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường</p> <p>1.9. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Ammoniac xanh)</p> <p>2. Tỷ lệ năng lượng tái tạo được giải tỏa phù hợp với quy</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Điện lực sửa đổi ngày 20 tháng 11 năm 2012</p> <p>[3] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[4] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[5] Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật điện lực và Luật điện lực sửa đổi</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01: 2020/BCT về An toàn điện</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>hoạch phát triển điện lực quốc gia và pháp luật</p> <p>3. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD) theo quy định</p> <p>4. Thiết bị được sử dụng để xây dựng hệ thống đường dây, trạm biến áp để truyền tải, giải toả công suất năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do cơ quan quản lý có chức năng cấp theo quy định pháp luật</p>	<p>[7] Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7447 (IEC 60364) về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp</p> <p>[8] Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6306 (IEC 60076) về Máy biến áp điện lực</p> <p>[9] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5847:2016 về Cột điện bê tông cốt thép ly tâm</p> <p>[10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12230:2018 (IEC TS 62910:2015) về Bộ nghịch lưu quang điện nối lưới</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12231-1:2019 (IEC 62910-1:2010) An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống quang điện- Phần 1: Yêu cầu chung</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12231-2:2019 (IEC 62910-2:2010) An toàn của bộ chuyển đổi điện dùng trong hệ thống quang điện- Phần 2: Yêu cầu cụ thể đối với bộ nghịch lưu</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8095-466:2009 (IEC 60050-466: 1990) về Từ vựng kỹ thuật điện quốc tế - Phần 466: Đường dây tải điện trên không</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7998-1:2009 (IEC 60383-1: 1993) về Cách thức điện dùng cho đường dây trên không có điện áp danh nghĩa lớn hơn 1000V</p> <p>[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8096-202:2017 (IEC 62271-202:2014) về Cụm đóng cắt và điều khiển cao áp</p> <p>[16] Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải</p> <p>[17] Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư số 25/2016/TT-BCT quy định về hệ thống điện truyền tải và</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						Thông tư số 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối [18] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật
7	Xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống phân phối điện	35121. Truyền tải điện 35122. Phân phối điện	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Tiết kiệm năng lượng, phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Đảm bảo tiết kiệm năng lượng không thấp hơn 10% so với trước khi sửa chữa, nâng cấp hệ thống phân phối điện</p> <p>2. Sử dụng các công nghệ, trang thiết bị tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>2.1. Đáp ứng nhãn năng lượng theo quy định về danh mục phương tiện, thiết bị phải dán nhãn năng lượng, áp dụng mức hiệu suất năng lượng tối thiểu và lộ trình thực hiện</p> <p>2.2. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Điện lực sửa đổi ngày 20 tháng 11 năm 2012</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[4] Nghị định số 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật điện lực và Luật điện lực sửa đổi</p> <p>[5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>tổ chức quốc tế chứng nhận nhãn sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)</p> <p>3. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện (QCVN QDT 2008)</p> <p>4. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (QCVN 01:2020/BCT)</p> <p>5. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD) theo quy định</p> <p>6. Ứng dụng lưới điện thông minh (smart grids) phù hợp với định hướng phát triển lưới điện thông minh tại Việt Nam (nếu có)</p>	<p>2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01: 2020/BCT về An toàn điện</p> <p>[7] Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7447 (IEC 60364) về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp - Bộ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6306 (IEC 60076) về Máy biến áp điện lực</p> <p>[8] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8095-466:2009 (IEC 60050-466: 1990) về Từ vựng kỹ thuật điện quốc tế - Phần 466: Đường dây tải điện trên không</p> <p>[9] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7998-1:2009 (IEC 60383-1: 1993) về Cách điện dùng cho đường dây trên không có điện áp danh nghĩa lớn hơn 1000V</p> <p>[10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5847:2016 về Cột điện bê tông cốt thép ly tâm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8096-202:2017 (IEC 62271-202:2014) về Cụm đóng cắt và điều khiển cao áp</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7447-4-44:2010 (IEC 60364-4-44:2007) về Hệ thống lắp đặt điện hạ áp</p> <p>[13] Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải</p> <p>[14] Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối</p> <p>[15] Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 25/2016/TT-BCT quy định về hệ thống điện truyền tải và Thông tư 39/2015/TT-BCT quy định hệ thống điện phân phối</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[16] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật
8	Sản xuất pin-ắc quy công nghệ cao, thân thiện với môi trường	27200. Sản xuất pin và ắc quy	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Tiết kiệm năng lượng; phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế chứng nhận nhân sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)</p> <p>2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
9	Lắp đặt hệ thống lưu trữ điện từ năng lượng tái tạo	43210. Lắp đặt hệ thống điện	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Tiết kiệm năng lượng; phát triển nguồn năng lượng tái tạo	<p>1. Hệ thống lưu trữ điện được lắp đặt cho các nguồn năng lượng sau:</p> <p>1.1. Điện gió</p> <p>1.2. Điện mặt trời</p> <p>1.3. Điện địa nhiệt</p> <p>1.4. Điện thủy triều</p> <p>1.5. Điện sinh khối</p> <p>1.6. Điện khí biogas</p> <p>1.7. Điện từ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường</p> <p>1.8. Nguồn năng lượng mới (Hydrogen xanh, Ammoniac xanh)</p> <p>2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p> <p>3. Thiết bị được sử dụng để lắp đặt, vận hành hệ thống lưu trữ</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					điện từ năng lượng tái tạo phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật	
B	GIAO THÔNG VẬN TẢI					
10	Vận tải hàng hóa và hành khách bằng phương tiện giao thông các bon thấp	4921: Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành 4922: Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh 4929: Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác 4931: Vận tải hành khách đường bộ	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	1. Phương tiện, thiết bị được sử dụng hoặc mua sắm để vận tải hành khách và hàng hóa đáp ứng các tiêu chí sau: 1.1. Là phương tiện, thiết bị sử dụng điện, xăng nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu năng lượng khác không hoặc ít gây phát thải khí nhà kính 1.2. Sử dụng các môi chất lạnh (nếu có) có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của	[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [4] Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất lắp ráp và nhập khẩu mới

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		<p>trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)</p> <p>4932: Vận tải hành khách đường bộ khác</p> <p>4911: Vận tải hành khách đường sắt</p> <p>5011: Vận tải hành khách ven biển</p> <p>5021: Vận tải hành khách đường thủy nội địa</p> <p>5110: Vận tải hành khách hàng không</p> <p>4933: Vận tải hàng hóa</p>			<p>Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>1.3. Được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do cơ quan có chức năng cấp theo quy định của pháp luật</p> <p>1.4. Lượng khí thải trực tiếp (nếu có) thấp hơn mức tiêu chuẩn khí thải qui định</p> <p>1.5. Sử dụng nhiên liệu hàng không bền vững (SAF), nhiên liệu hàng không các-bon thấp (LCAF) và các năng lượng sạch hàng không khác (áp dụng đối với tàu bay)</p>	<p>[5] Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải của xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu</p> <p>[6] Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		bằng đường bộ 4912: Vận tải hàng hóa đường sắt 5012: Vận tải hàng hóa ven biển 5022: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa 5120: Vận tải hàng hóa hàng không				kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu [9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 [10] Thông tư số 33/2020/TT-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giao thông vận tải ban hành sửa đổi 01:2020/QCVN 86:2015/BGTVT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới [11] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu [12] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 77:2014/BGTVT

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>về khí thải mức 3 đối với xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới</p> <p>[13] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN86:2015/BGTVT về khí thải mức 4 đối với xe ô tô sản xuất; lắp ráp và nhập khẩu mới</p> <p>[14] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 109:2021/BGTVT về khí thải mức 5 đối với xe ô tô sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới</p> <p>[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6438:2018 về phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải</p>
11	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông vận tải các-bon thấp	4212. Xây dựng công trình đường bộ 4211. Xây dựng công trình đường sắt	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	1. Cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông vận tải cho một hoặc một số loại hình phương tiện giao thông sau: 1.1. Sử dụng điện 1.2. Sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu	[1] Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017 [2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		4291. Xây dựng công trình thủy			<p>năng lượng khác ít phát thải khí nhà kính</p> <p>2. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 07:2023/BXD) về hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy định.</p>	<p>giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 876/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050-</p> <p>[9] Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025</p> <p>[10] Thông tư số 11/2018/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Công trình tàu điện ngầm</p> <p>[11] Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						gia về Các công trình hạ tầng kỹ thuật [12] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10:2014/BXD về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng [13] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng [14] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 108:2021/BGTVT về cảng cạn [15] Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 05:2008/BXD Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe [16] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 12772:2020 (ISO 17409:2015) về Phương tiện giao thông đường bộ chạy điện - Đầu nối với nguồn cung cấp điện từ bên ngoài - Yêu cầu an toàn

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[17] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật
C	XÂY DỰNG					
12	Cải tạo, sửa chữa nhà để ở đạt mục tiêu công trình xanh, sử dụng năng lượng hiệu quả	41010. Xây dựng nhà để ở	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu	Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>1. Nhà để ở sau khi cải tạo, sửa chữa đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Đáp ứng yêu cầu hoặc được chứng nhận công trình xanh được tổ chức quốc tế⁴⁵, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>1.2. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; sử dụng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; thoát nước, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các</p>	<p>[1] Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định quản lý vật liệu xây dựng</p> <p>[4] Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>[5] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-đôn</p>

⁴⁵ Như LOTUS, LEED, Green Mark

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu khác ít gây phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật</p> <p>4. Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng, nhà ở, hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo quy định của pháp luật</p>	<p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 ngày 7 tháng 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[10] Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2017/BXD cho các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả</p> <p>[11] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>[12] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13256:2021 về hiệu suất năng lượng điều hòa VRV/VRF</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6104:2015 về Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu về an toàn và môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7830:2021 về Máy điều hòa không khí không ống gió – hiệu suất năng lượng
13	Xây dựng nhà để ở đạt mục tiêu công trình xanh, sử dụng năng lượng hiệu quả	41010. Xây dựng nhà để ở	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu	Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>1. Nhà để ở được thiết kế, xây dựng đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Đáp ứng yêu cầu hoặc được chứng nhận công trình xanh do tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>1.2. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; sử dụng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; thoát nước, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Công trình sử dụng năng lượng tái tạo hoặc các nguồn nhiên liệu khác ít gây phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>[1] Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý vật liệu xây dựng</p> <p>[4] Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>[5] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>3. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD)</p> <p>4. Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng</p> <p>[10] Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>gia QCVN 09:2017/BXD cho các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả</p> <p>[11] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>[12] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13256:2021 về hiệu suất năng lượng điều hòa VRV/VRF</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6104:2015 về Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu về an toàn và môi trường</p> <p>[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7830:2021 về Máy</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						điều hòa không khí không ống gió – hiệu suất năng lượng
14	Xây dựng, cải tạo công trình công ích thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng	41020. Xây dựng nhà không để ở 42290. Xây dựng công trình công ích khác	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu	Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng; áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>1. Các công trình công ích được sửa chữa, thiết kế, xây dựng đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Đáp ứng yêu cầu hoặc được chứng nhận công trình xanh do tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>1.2. Sử dụng vật liệu thân thiện với môi trường; sử dụng thiết bị sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; thoát nước, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả (QCVN 09:2017/BXD)</p> <p>3. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng</p>	<p>[1] Luật Xây dựng sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2020</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý vật liệu xây dựng</p> <p>[4] Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng</p> <p>[5] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[6] Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05:2008/BXD cho nhà</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD)</p> <p>4. Đáp ứng yêu cầu giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>ở và công trình công cộng – sinh mạng và sức khỏe</p> <p>[7] Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-3:2016/BXD cho các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình hào và tuyến kỹ thuật</p> <p>[8] Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu xây không nung trong các công trình xây dựng</p> <p>[9] Thông tư số 15/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09:2017/BXD cho các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả</p> <p>[10] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 05 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>QCVN 01:2021/BXD cho quy hoạch xây dựng</p> <p>[11] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>[12] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật</p>
D	TÀI NGUYÊN NƯỚC					
15	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	42220. Xây dựng công trình cấp, thoát nước	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải	<p>1. Công trình xây dựng cấp, thoát nước có lắp đặt, vận hành thuộc một trong các loại hình sau:</p> <p>1.1. Hệ thống khử mặn nước biển và nước lợ</p> <p>1.2. Hệ thống tiết kiệm tài nguyên nước</p> <p>1.3. Hệ thống thoát nước chống ngập úng</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012</p> <p>[4] Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017</p> <p>[5] Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>1.4. Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>1.5. Hệ thống tưới tiêu thông minh</p> <p>2. Đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống hạ tầng kỹ thuật (QCVN 07:2023/BXD)</p> <p>3. Thiết bị được sử dụng phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>	<p>[6] Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>[7] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[8] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật</p> <p>[9] Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[10] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[11] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[12] Thông tư số 01/2018/TT-BXD ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Bộ Xây dựng quy định về chỉ tiêu xây dựng đô thị tăng trưởng xanh</p> <p>[13] Thông tư số 12/2019/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định về tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm</p> <p>[14] Thông tư số 12/2019/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chí</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm</p> <p>[15] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật</p> <p>- Công trình thoát nước</p> <p>[16] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4118:2012 về Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu thiết kế</p> <p>[17] Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7957:2008 Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế</p> <p>[18] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8213:2009 về tính toán và đánh giá hiệu quả kinh tế dự án thủy lợi phục vụ tưới tiêu</p> <p>[19] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9164:2012 về Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật vận hành hệ thống kênh</p> <p>[20] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9169:2012 Công trình thủy lợi - Hệ thống tưới tiêu - Quy trình tưới nhỏ giọt</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[21] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9170:2012 về Hệ thống tưới tiêu - Yêu cầu kỹ thuật tưới bằng phương pháp phun mưa</p> <p>[22] Thông tư 15/2023/TT-BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2023/BXD về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật</p>
16	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch	36000. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải .	<p>1. Chất lượng nước sạch cung cấp đáp ứng các thông số kỹ thuật trong giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt</p> <p>2. Tỷ lệ thất thoát nước sạch quy định như sau:</p> <p>2.1. Đối với dự án xây dựng mới hệ thống cấp nước: tỷ lệ thất thoát nước $\leq 15\%$ và có kế hoạch chống thất thoát, thất thu nước</p> <p>2.2. Đối với dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước hiện tại:</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023</p> <p>[3] Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch</p> <p>[4] Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>tỷ lệ thất thoát nước sạch <18% và có chứng minh tỷ lệ giảm so với trước khi lắp đặt hoặc vận hành</p> <p>3. Chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT)</p>	<p>phù về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch</p> <p>[5] Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước</p> <p>[6] Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025</p> <p>[7] Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước</p> <p>[8] Quyết định số 2068/QĐ-TTg ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[9] Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch</p> <p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2018/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt</p>
17	Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn nước	39000. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải	<p>1. Loại hình dự án đầu tư thuộc một trong các hoạt động được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước sau đây:</p> <p>1.1. Tham gia phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm</p> <p>1.2. Tìm kiếm, thăm dò, khai thác nước để cấp nước sinh hoạt, sản xuất cho người dân ở các vùng khan hiếm nước ngọt, vùng đồng bào dân tộc</p>	<p>[1] Luật Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006</p> <p>[2] Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023</p> <p>[3] Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015</p> <p>[4] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[5] Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>thiếu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cho người nghèo, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương khác</p> <p>1.3. Sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước; thu gom, sử dụng nước mưa; xử lý nước biển thành nước ngọt; đầu tư sản phẩm, thiết bị, công nghệ tiết kiệm nước có cấp hiệu quả sử dụng nước phù hợp với quy định tại các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố áp dụng hoặc được dán nhãn tiết kiệm nước theo quy định của pháp luật</p> <p>1.4. Xây dựng các công trình điều tiết, tích trữ nước ở vùng khan hiếm nước, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa bàn có</p>	<p>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật [6] Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước</p> <p>[7] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[8] Thông tư số 12/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước mặt</p> <p>[9] Thông tư số 13/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn</p> <p>1.5. Phát triển công nghệ, thiết bị và sản phẩm phục vụ bảo vệ, phát triển và phục hồi nguồn nước</p> <p>1.6. Xây dựng, vận hành công trình bổ sung nhân tạo nước dưới đất</p> <p>2. Thiết bị được sử dụng để phục vụ việc dự báo, giám sát, kiểm soát chất lượng nguồn nước, bảo vệ nguồn nước, phòng chống ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>	<p>[10] Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển</p> <p>[11] Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước</p> <p>[12] Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường</p> <p>[13] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[14] Thông tư 12/2019/TT-BKHCN quy định về tiêu chí xác định sản phẩm, thiết bị sử dụng nước tiết kiệm do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành</p> <p>[15] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp</p> <p>[16] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt</p> <p>[17] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 09-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất</p> <p>[18] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 10-MT:2015/BTNMT về chất lượng nước biển</p> <p>[19] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 26:2018/BGTVT về các hệ thống ngăn ngừa ô nhiễm biển của tàu</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[20] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 107:2021/BGTVT về cảng biển [21] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt
18	Phát triển, lắp đặt, vận hành hệ thống tuần hoàn nước	37002. Xử lý nước thải	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	<p>1. Tỷ lệ tái sử dụng nước theo quy định về thực hiện kinh tế tuần hoàn, hoặc có thuyết minh giải trình về các biện pháp tái sử dụng nước và tỷ lệ tái sử dụng dự kiến</p> <p>2. Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sau xử lý được sử dụng vào một trong các mục đích sau đây:</p> <p>2.1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sinh hoạt (QCVN 01-1:2018/BYT)</p> <p>3. Thiết bị vận hành hệ thống tuần hoàn nước phải được chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn do</p>	<p>[1] Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 589/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Định hướng phát triển thoát nước đô thị và khu công nghiệp Việt</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>Cơ quan chức năng cấp theo quy định của pháp luật</p>	<p>Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[6] Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải và phế liệu</p> <p>[7] Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-BXD ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Bộ Xây dựng về thoát nước và xử lý nước thải</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt</p> <p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp</p>
E	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC					
19	Trồng cây hàng năm và cây lâu năm	<p>011. Trồng cây hàng năm</p> <p>012. Trồng cây lâu năm</p> <p>013. Nhân và chăm sóc cây</p>	Sử dụng hiệu quả tài nguyên đất; tạo ra lợi ích khác về môi trường	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; sử dụng hiệu quả tài nguyên đất	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1. Tiêu chuẩn quốc gia về Thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) - Phần 1: Trồng trọt (TCVN 11892-1:2017)</p>	<p>[1] Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008</p> <p>[2] Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018</p> <p>[3] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		giống nông nghiệp			<p>2. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt GLOBALGAP hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định pháp luật</p> <p>3. Tiêu chuẩn quốc gia về trồng trọt hữu cơ</p> <p>5. Tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng theo quy định của pháp luật</p> <p>6. Bảo tồn tài nguyên di truyền bản địa trong trồng trọt theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>[4] Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ bổ sung chính sách hướng tới nông nghiệp công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp cũng đặt ra chính sách khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao</p> <p>[5] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[6] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[7] Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[8] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[10] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[11] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[12] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[13] Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 về Thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) - Phần 1: Trồng trọt</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ – Phần 2: Trồng trọt hữu cơ</p> <p>[16] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p>
20	Mô hình chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt	014. Chăn nuôi	Tạo ra lợi ích khác về môi trường	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành chăn nuôi tốt VIETGAP hoặc các Tiêu chuẩn Việt Nam tương ứng (TCVN) do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật</p> <p>2. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt GLOBALGAP hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam</p>	<p>[1] Luật Công nghệ cao ngày 13 tháng 11 năm 2008</p> <p>[2] Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018</p> <p>[3] Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018</p> <p>[4] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[5] Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ bổ sung chính sách hướng tới nông nghiệp công nghệ cao, liên kết trong sản xuất nông nghiệp cũng đặt ra chính sách khuyến khích nông nghiệp công nghệ cao</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>2. Tiêu chuẩn quốc gia về chăn nuôi hữu cơ</p> <p>4. Tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp đã ban hành</p> <p>5. Bảo tồn tài nguyên di truyền bản địa trong chăn nuôi theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>[6] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[7] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[8] Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển</p> <p>[9] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[10] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[11] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[12] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[13] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[14] Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP)</p> <p>[15] Quyết định số 738/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tiêu chí xác định chương trình, dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, danh mục công nghệ cao ứng dụng trong nông nghiệp</p> <p>[16] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9593:2013 Quy phạm thực hành chăn nuôi tốt</p> <p>[17] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 về Thực hành nông nghiệp tốt</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						(VIETGAP) - Phần 1: Trồng trọt [18] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-2:2017 Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ – Phần 2: Trồng trọt hữu cơ [19] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11041-3:2017 Tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ – Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ [20] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường
21	Trồng rừng mới nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và rừng trồng, quản lý rừng bền vững; áp dụng phương thức	0210. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; đầu tư phát triển vốn tự nhiên	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Đáp ứng tiêu chuẩn Quản lý rừng bền vững của quốc gia hoặc quốc tế 3. Thực hiện bảo tồn nguồn tài nguyên di truyền bản địa trong lâm nghiệp theo quy định của pháp luật	[1] Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017 [2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
	canh tác nông lâm kết hợp				4. Thực hiện mục tiêu, yêu cầu về bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của pháp luật	<p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[10] Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng FSC Quốc gia của Việt Nam (FSC-STD-VN-01-2018)</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p>
22	Nuôi trồng thủy sản nội địa bền vững	0322. Nuôi trồng thủy sản nội địa	Quản lý chất thải; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Quy phạm thực hành nuôi trong thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP)	<p>[1] Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
				thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên	<p>2. Tiêu chuẩn Việt Nam về Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP) (TCVN 13528-1:2022)</p> <p>3. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt quốc tế (GLOBALGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>4. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định pháp luật</p> <p>6. Bảo tồn tài nguyên di truyền bản địa trong thủy sản theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.</p> <p>[5] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP)</p> <p>[10] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p> <p>[13] Hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) trong ngành thủy sản Việt Nam, Chương trình Sản xuất và Tiêu dùng bền vững của SWITCH-Asia, 2022</p>
23	Nuôi trồng thủy sản bền vững	0321. Nuôi trồng thủy sản biển	Quản lý chất thải; Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon; ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên	Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Quy phạm thực hành nuôi trong thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP) 2. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành nuôi trồng thủy sản tốt quốc tế (GLOBALGAP, BAP) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lần	<p>[1] Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>3. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định pháp luật</p> <p>5. Bảo tồn tài nguyên di truyền bản địa trong thủy sản theo quy định của pháp luật hiện hành</p>	<p>2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP)</p> <p>[10] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015 về Hệ thống quản lý môi trường –</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p> <p>[13] Hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) trong ngành thủy sản Việt Nam, Chương trình Sản xuất và Tiêu dùng bền vững của SWITCH-Asia, 2022</p>
24	Sản xuất, chế biến thực phẩm	<p>1010. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt</p> <p>1020. Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản</p>	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1. Chứng chỉ tiêu chuẩn chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, GLOBALGAP, ISO 22000, HACCP, GMP, SQF, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam</p> <p>2. Chứng chỉ tiêu chuẩn thực hành chế biến sản phẩm thủy</p>	<p>[1] Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21 tháng 11 năm 2007</p> <p>[2] Luật An toàn thực phẩm ngày 28 tháng 6 năm 2010</p> <p>[3] Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017</p> <p>[4] Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017</p> <p>[5] Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018</p> <p>[6] Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		<p>1030. Chế biến và bảo quản rau quả</p> <p>1040. Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật</p> <p>1050. Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa</p> <p>106. Xây xát và sản xuất bột</p> <p>107. Sản xuất thực phẩm khác</p>			<p>sản tốt trong nước hoặc quốc tế (VIETGAP, VIETGAHP, GLOBALGAP, BAP, HACCP, ISO 22000, GMP, FSSC 22000, BRC, IFS) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>3. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001) hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>5. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[7] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 (Khoản 2, Điều 145)</p> <p>[8] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[9] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Điều 146)</p> <p>[10] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[11] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[12] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[13] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[14] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[15] Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10 tháng 11</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VIETGAHP)</p> <p>[16] Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Hướng dẫn xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn</p> <p>[17] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4378:2001 (soát xét lần 2) Cơ sở chế biến thủy sản – Điều kiện đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm</p> <p>[18] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9593:2013 Quy phạm thực hành chăn nuôi tốt</p> <p>[19] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7265:2015 Quy phạm thực hành đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản</p> <p>[20] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001:2015 về Hệ thống quản lý môi trường –</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[21] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11892-1:2017 Thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) – Phần 1: Trồng trọt</p> <p>[22] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p> <p>[23] TCVN ISO 22000:2018 Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – Yêu cầu đối với các tổ chức trong chuỗi thực phẩm</p> <p>[24] Hướng dẫn sản xuất và tiêu dùng bền vững (SCP) trong ngành thủy sản Việt Nam, Chương trình Sản xuất và Tiêu dùng bền vững của SWITCH-Asia, 2022</p>
25	Du lịch sinh thái	79. Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Đầu tư phát triển vốn tự nhiên; áp dụng kinh tế xanh	1. Đáp ứng được được mục đích hoạt động gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân	<p>[1] Luật Đa dạng sinh học ngày 28 tháng 11 năm 2008</p> <p>[2] Luật Du lịch ngày 19 tháng 06 năm 2017</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		dịch vụ hỗ trợ, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch 55. Dịch vụ lưu trú 56. Dịch vụ ăn uống			cư, và có sự kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường 2. Chứng minh có khả năng góp phần bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên, dựa vào thiên nhiên. 3. Trường hợp có hoạt động dịch vụ lưu trú và dịch vụ ăn uống phục vụ cho du lịch sinh thái cần đáp ứng thêm một trong các tiêu chí sau: 3.1. Quy trình đạt chứng chỉ hoặc nhãn dịch vụ lưu trú, ăn uống du lịch bền vững do các tổ chức quốc gia/quốc tế công nhận (Tiêu chuẩn ISO 21401, tiêu chuẩn của Hội đồng Du lịch bền vững toàn cầu (GSTC)) hoặc tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật	[3] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. [7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>3.2. Đáp ứng yêu cầu hoặc được chứng nhận công trình xanh được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[10] Quyết định số 1355/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành Bộ tiêu chí Nhân du lịch bền vững Bông Sen Xanh áp dụng cho các cơ sở lưu trú du lịch tại Việt Nam</p> <p>[11] Tiêu chuẩn ISO 21401:2018 – Hệ thống quản lý bền vững cho các cơ sở lưu trú, du lịch và các dịch vụ liên quan</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[12] Tiêu chuẩn của Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu GSTC (Global Sustainable Tourism Council)
26	Bảo tồn nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam	91030. Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; phục hồi hệ sinh thái tự nhiên	Đầu tư phát triển vốn tự nhiên	Đáp ứng được yêu cầu bảo tồn nguồn gen và các loài động, thực vật quý hiếm, nguy cấp của Việt Nam thuộc danh mục được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật hiện hành	[1] Luật Đa dạng sinh học ngày 28 tháng 11 năm 2008 [2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [3] Nghị định số 64/2019/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi Điều 7 Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ [4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050
27	Phát triển công trình kỹ thuật phục vụ giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai	42990. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Xây dựng hạ tầng đa mục tiêu, thân thiện môi trường	<p>1. Công trình kỹ thuật dân dụng phục vụ mục tiêu, yêu cầu giảm nhẹ rủi ro và phòng chống thiên tai theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Cơ sở hạ tầng công trình phòng chống thiên tai, cứu hộ cứu nạn đáp ứng các quy định hiện hành của pháp luật</p>	<p>[1] Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013</p> <p>[2] Luật Đê điều ngày 11 tháng 12 năm 2006</p> <p>[3] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p>
28	Canh tác bền vững trên vùng	011. Trồng cây hàng năm	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; sử dụng hiệu quả tài	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên đất;	1. Dự án đầu tư được thực hiện tại các vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven	[1] Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
	đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển, đất thoái hóa, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa	012. Trồng cây lâu năm 013. Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp 0210. Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	nguyên thiên nhiên; Ứng phó với biến đổi khí hậu	thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư phát triển vốn tự nhiên	biển, đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố 2. Áp dụng biện pháp quản lý và quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 3. Đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 3.1. Chống xói mòn, sạt lở, bồi lấp và thoái hóa đất, bảo đảm phát triển bền vững 3.2. Áp dụng biện pháp quản lý và quy trình sản xuất trên vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển và đất có nguy cơ sa mạc hóa, hoang mạc hóa 3.3. Áp dụng giải pháp kỹ thuật và quy trình phục hồi đất thoái hóa khi sản xuất trên	[2] Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018 [3] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [4] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [5] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 [7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					vùng đất dốc, đất trũng, đất phèn, đất mặn, đất cát ven biển	động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 [8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu [9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050
29	Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và bảo vệ tài nguyên đất	39000. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên; xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	1. Chất lượng đất sau xử lý đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất (QCVN 03:2023/BTNMT) 2. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm nguồn nước và không khí theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường	[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [3] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[4] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 15:2008/BTNMT về dư lượng hóa chất bảo vệ thực vật trong đất</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 45:2012/BTNMT về giới hạn cho phép của dioxin trong một số loại đất</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 54:2013/BTNMT về ngưỡng xử lý hóa chất bảo vệ thực vật hữu cơ khó phân hủy tồn lưu theo mục đích sử dụng đất</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03-MT:2015/BTNMT về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất</p> <p>[8] Quyết định số 819/QĐ-BNN-KHCN ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						nông thôn ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2050
30	Thu gom, xử lý, tái chế, sản xuất các sản phẩm hữu ích từ phụ phẩm, chất thải phát sinh từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp	38210. Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	Quản lý chất thải	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	<p>1. Thu gom, xử lý, tái sử dụng, sản xuất các sản phẩm, vật liệu hữu ích từ phụ phẩm, chất thải tạo ra từ hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</p> <p>2. Chất lượng sản phẩm, vật liệu sau xử lý, sản xuất đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan chức năng có thẩm quyền ban hành theo quy định pháp luật</p> <p>3. Quá trình xử lý không gây ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 62-MT: 2016/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi</p> <p>[6] Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN 11041-3:2017 về Nông nghiệp hữu cơ - Phần 3: Chăn nuôi hữu cơ</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-189-2019 BNNPTNT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng phân bón</p> <p>[8] Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác</p> <p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19:2014/BNNPTNT về cơ sở nuôi tôm nước lợ</p> <p>[11] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22:2015/BNNPTNT về điều kiện nuôi thủy sản</p> <p>[12] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT về sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản</p>
F	CÔNG NGHIỆP CHẾ BIẾN, CHẾ TẠO					
31	Sản xuất thiết bị điện và máy móc, thiết bị tiết kiệm và hiệu quả năng lượng	<p>2710. Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện</p> <p>2740. Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng</p>	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; tạo ra lợi ích khác về môi trường	Tiết kiệm năng lượng	<p>1. Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý năng lượng - các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (TCVN ISO 50001:2019) hoặc chứng chỉ tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>[1] Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		<p>2750. Đồ điện dân dụng</p> <p>2790. Thiết bị điện khác</p> <p>28. Máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu</p> <p>29200. Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc</p>			<p>1.2. Tiêu chuẩn quốc gia về Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ (TCVN ISO 14040:2009)</p> <p>1.3. Tiêu chuẩn quốc gia về Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Yêu cầu và hướng dẫn định lượng (TCVN ISO 14067:2020)</p> <p>1.4. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001:2015)</p> <p>1.5. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường</p> <p>3. Thiết bị điện và máy móc, thiết bị khác được sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sử dụng hiệu quả năng lượng,</p>	<p>2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030</p> <p>[6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn sau:</p> <p>3.1. Được chứng nhận Nhân sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế chứng nhận nhân sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)</p> <p>3.2. Sử dụng các môi chất lạnh có giá trị tiềm năng làm nóng lên toàn cầu (GWP), tiềm năng làm suy giảm tầng ô-dôn (ODP) tương đương hoặc thấp hơn lộ trình quản lý, loại trừ các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát của Việt Nam</p> <p>3.3. Nhận năng lượng cấp bởi Bộ Công thương, bao gồm nhận năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhận năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam</p>	<p>phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhân môi trường và công bố nhân môi trường</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm</p> <p>[15] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>[16] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7830:2021 về Máy điều hòa không khí không ống gió – hiệu suất năng lượng</p> <p>[17] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13256:2021 về hiệu suất năng lượng điều hòa VRV/VRF</p> <p>[18] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7828:2016 về Tủ mát, tủ lạnh, tủ đông – hiệu suất năng lượng</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[19] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6104:2015 về Hệ thống lạnh và bơm nhiệt – Yêu cầu về an toàn và môi trường</p> <p>[20] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 10289:2014 về Tủ giữ lạnh thương mại - hiệu suất năng lượng</p>
32	Sản xuất linh kiện, thiết bị điện tử phục vụ phát triển công nghệ các-bon thấp ⁴⁶	26100. Sản xuất linh kiện điện tử	Ứng phó với biến đổi khí hậu ; tạo ra lợi ích khác về môi trường	Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>1. Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (TCVN ISO 50001:2009)</p> <p>1.2. Tiêu chuẩn quốc gia về Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ (TCVN ISO 14040:2009)</p> <p>1.3. Tiêu chuẩn quốc gia về Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Yêu cầu và</p>	<p>[1] Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

⁴⁶ Công nghệ carbon thấp là các công nghệ ứng dụng giúp giảm bớt phát thải khí nhà kính trong quá trình vận hành và sử dụng các thiết bị và sản phẩm ứng dụng công nghệ đó.

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>hướng dẫn định lượng (TCVN ISO 14067:2020)</p> <p>1.4. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001:2015)</p> <p>1.5. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định trong pháp luật bảo vệ môi trường</p> <p>3. Linh kiện, thiết bị điện tử đáp ứng một trong các Nhãn sau:</p> <p>3.1. Nhãn xác nhận đối với linh kiện, thiết bị có hiệu suất năng lượng cao nhất so với phương tiện, thiết bị khác cùng loại theo quy định của pháp luật về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả</p> <p>3.2. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được</p>	<p>[5] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030</p> <p>[6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050.</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>tổ chức quốc tế chứng nhận nhãn sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)</p> <p>3.3. Nhân năng lượng cấp bởi Bộ Công thương, bao gồm nhân năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhân năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam</p> <p>4. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng</p> <p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm
33	Sản xuất phương tiện giao thông vận tải ứng dụng công nghệ các-bon thấp ⁴⁷	30990. Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đầu 30110. Đóng tàu và cấu kiện nổi	Ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo ra lợi ích khác về môi trường	Thay đổi công nghệ theo hướng áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất; áp dụng kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	1. Quy trình sản xuất đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1.1. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (TCVN ISO 50001:2009) 1.2. Tiêu chuẩn quốc gia về Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ (TCVN ISO 14040:2009) 1.3. Tiêu chuẩn quốc gia về Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Yêu cầu và hướng dẫn định lượng (TCVN ISO 14067:2020)	[1] Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010 [2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường [5] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

⁴⁷ Phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện, năng lượng xanh (carbon thấp) là các phương tiện giao thông vận tải trong quá trình vận hành không và ít gây phát thải khí nhà kính hoặc phát thải ít hơn so với các phương tiện giao thông vận tải thông thường sử dụng nhiên liệu hoá thạch, bao gồm phương tiện giao thông vận tải sử dụng điện, xăng sinh học, và các nhiên liệu khác không và ít gây phát thải.

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>1.4. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001:2015)</p> <p>1.5. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Phương tiện giao thông vận tải ứng dụng công nghệ các-bon thấp đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>2.1. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế chứng nhận nhãn sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thoả thuận công nhận lẫn nhau)</p> <p>2.2. Sử dụng điện, xăng sinh học và các nhiên liệu khác ít gây phát thải khí nhà kính được sản xuất đáp ứng yêu cầu về chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật</p>	<p>quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030</p> <p>[6] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[7] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[8] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>2.3. Nhân năng lượng cấp bởi Bộ Công thương, bao gồm nhân năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhân năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt Nam</p> <p>3. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[9] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[10] Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14040:2009 (ISO 14040:2006) về Quản lý môi trường - Đánh giá vòng đời của sản phẩm - Nguyên tắc và khuôn khổ</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/T 14027:2018 Nhân môi trường và công bố môi trường – Xây dựng các quy tắc phân loại sản phẩm</p> <p>[15] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 Khí nhà kính - Dấu chân carbon của sản phẩm - Yêu cầu và hướng dẫn định lượng</p>
34	Sản xuất bao bì thân thiện với môi trường	16230. Sản xuất bao bì bằng gỗ 17021. Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa 22201. Sản xuất bao bì từ plastic	Quản lý chất thải	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	<p>Quy trình sản xuất đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Sản xuất sản phẩm bao bì thân thiện môi trường, bao gồm bao bì nhựa thân thiện với môi trường, túi giấy, hộp giấy, túi vải không dệt, các sản phẩm bao bì từ bã mía, tinh bột và các nguyên liệu tự nhiên, thân thiện với môi trường khác theo quy định của pháp luật Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì theo quy định của pháp luật 	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[4] Thông tư số 34/2018/TT-BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					3. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế chứng nhận nhãn sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)	<p>với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</p> <p>[5] QCVN 12-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</p> <p>[6] QCVN 12-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</p> <p>[7] QCVN 12-3:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng kim loại</p> <p>[8] QCVN 12-4:2015/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ làm bằng thủy tinh, gốm sứ và tráng men tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</p> <p>[9] QCVN 46:2007/BYT – Kiểm nghiệm sản phẩm gỗ</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia qcvn 12-2:2011/BYT về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng cao su tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm</p> <p>[11] Quyết định số 3257/QĐ-BTNMT, ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành tiêu chí nhãn sinh thái việt nam đối với bao bì nhựa thân thiện với môi trường (NSTVN 01:2023)</p>
35	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất có nguồn gốc từ thiên nhiên, thân thiện với môi trường	20210. Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp 2023. Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh	<p>1. Sản xuất một trong các loại loại hóa chất thân thiện với môi trường sau:</p> <p>1.1. Hóa chất phòng trừ sâu bệnh thân thiện với môi trường như hoạt chất gốc cacbamat, hoạt chất họ azole và dẫn xuất, hoạt chất nhóm pyrethroide, validamycin</p> <p>1.2. Các chủng loại mực in thân thiện với môi trường như các sản phẩm đi từ gốc nước, thay thế hoặc loại bỏ thành</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007</p> <p>[3] Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013.</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		bóng và chế phẩm vệ sinh 20222. Sản xuất mực in			<p>phần dung môi toluene, MEK bằng alcohol</p> <p>1.3. Sản phẩm chất tẩy rửa, mỹ phẩm sử dụng nguyên liệu, các hoạt chất có nguồn gốc thiên nhiên, thân thiện môi trường, an toàn cho người sử dụng</p> <p>2. Được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam hoặc được tổ chức quốc tế chứng nhận nhãn sinh thái (đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau)</p>	<p>[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quyết định số 726/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040</p> <p>[7] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[8] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng</p> <p>[9] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm</p> <p>[10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ [11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ
36	Sản xuất, phát triển công nghệ, thiết bị, sản phẩm phục vụ các yêu cầu bảo vệ môi trường	20290. Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đầu 26510. Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển 27900. Sản xuất thiết bị điện khác	Tạo ra lợi ích khác về môi trường	Dự án đầu tư khác theo quy định	Công nghệ, thiết bị, sản phẩm được sản xuất, phát triển đáp ứng một trong các tiêu chí sau: 1. Thuộc Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường ⁴⁸ 2. 3. Nhân năng lượng cấp bởi Bộ Công thương, bao gồm nhân năng lượng so sánh (cấp 4-5 sao) hoặc nhân năng lượng xác nhận Ngôi sao năng lượng Việt	[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 [2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn [3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (Phụ lục XXXI danh mục nhóm công nghệ, thiết bị và

⁴⁸ Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường.

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		<p>28150. Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung</p> <p>2829. Sản xuất máy chuyên dụng khác</p> <p>30990. Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu</p> <p>32900: Sản xuất khác chưa được phân vào đâu</p> <p>72120. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ</p>			<p>Nam theo quy định của pháp luật</p>	<p>sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường)</p> <p>[4] Quyết định số 192/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ngành công nghiệp môi trường Việt Nam đến năm 2025</p> <p>[5] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[6] Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030</p> <p>[7] Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
		thuật và công nghệ				<p>kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 22 tháng 08 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường</p> <p>[10] Quyết định 3257/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về tiêu chí Nhân sinh thái Việt Nam đối với Bao bì nhựa thân thiện với môi trường</p> <p>[11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường –</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng</p> <p>[12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng</p> <p>[13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm</p> <p>[14] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ</p>
37	Sản xuất sắt, thép, gang sử dụng hiệu quả năng lượng	24100. Sản xuất sắt, thép, gang	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phát thải ít các-bon; tiết kiệm năng lượng	<p>1. Công nghệ sản xuất phải giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng hoặc có hệ thống quản lý môi trường đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (TCVN ISO 50001:2009)</p>	<p>[1] Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>1.2. Tiêu chuẩn quốc gia về Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ (TCVN ISO 14040:2009)</p> <p>1.3. Tiêu chuẩn quốc gia về Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Yêu cầu và hướng dẫn định lượng (TCVN ISO 14067:2020)</p> <p>1.4. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001:2015)</p> <p>1.5. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</p>	<p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021 - 2030</p> <p>[6] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030</p> <p>[7] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn</p>
			Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Việc sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đáp ứng các tiêu chí về tiết kiệm, hiệu quả sau:	

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường	<p>1. Tuân thủ các quy định về xử lý nguồn thải gây ô nhiễm nước, không khí, đất từ hoạt động sản xuất sắt, thép</p> <p>2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố, phục hồi môi trường (ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường; trường hợp để xảy ra sự cố môi trường phải thực hiện các giải pháp phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;...)</p>				

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
			Quản lý chất thải	<p>Áp dụng kinh tế tuần hoàn</p> <p>Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải</p>		

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
38	Sản xuất xi măng sử dụng hiệu quả năng lượng	23941. Sản xuất xi măng	Ứng phó với biến đổi khí hậu	Phát thải ít các-bon; tiết kiệm năng lượng	<p>1. Công nghệ sản xuất phải giảm thiểu phát thải khí nhà kính trực tiếp hoặc tiết kiệm năng lượng hoặc có hệ thống quản lý môi trường đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý năng lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng (TCVN ISO 50001:2009)</p> <p>1.2. Tiêu chuẩn quốc gia về Quản lý môi trường – Đánh giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ (TCVN ISO 14040:2009)</p> <p>1.3. Tiêu chuẩn quốc gia về Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Yêu cầu và hướng dẫn định lượng (TCVN ISO 14067:2020)</p>	<p>[17] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm</p> <p>[1] Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010</p> <p>[2] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[3] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[4] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>1.4. Tiêu chuẩn quốc gia về Hệ thống quản lý môi trường (TCVN ISO 14001:2015)</p> <p>1.5. Tiêu chuẩn tương đương được tổ chức quốc tế, quốc gia ký thoả thuận công nhận lẫn nhau với Việt Nam theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường</p>	<p>[6] Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030</p> <p>[7] Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050</p> <p>[8] Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050</p> <p>[9] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14040:2009 (ISO 14040:2006) về quản lý môi trường – Đánh</p>
			Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	Sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên	<p>Việc sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu đáp ứng các tiêu chí về tiết kiệm, hiệu quả sau:</p> <p>1. Áp dụng kỹ thuật, quy trình sản xuất để tối ưu hoá sử dụng nguyên, nhiên liệu, năng lượng đầu vào; sử dụng phế thải của ngành khác làm nguyên, nhiên liệu đầu vào; có hệ thống kiểm tra giám sát thất thoát nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng của quá trình sản xuất xi măng</p>	

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					2. Giảm 10% mức tiêu hao nguyên liệu, nhiên vật liệu trong sản xuất xi măng	giá vòng đời sản phẩm – Nguyên tắc và khuôn khổ [10] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001: 2015 về Hệ thống quản lý môi trường – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng [11] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 50001:2018 về Hệ thống quản lý năng lượng [12] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/TS 14027:2018 Nhãn môi trường và công bố nhãn môi trường [13] Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14067:2020 về Khí nhà kính- Dấu vết carbon của sản phẩm
			Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường	1. Tuân thủ các quy định về xử lý nguồn thải gây ô nhiễm nước, không khí, đất từ hoạt động sản xuất xi măng 2. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố, phục hồi môi trường từ hoạt động sản xuất xi măng	
			Quản lý chất thải	Áp dụng kinh tế tuần hoàn	1. Sử dụng tối đa phế thải của ngành khác làm nguyên, nhiên liệu đầu vào và hạn chế tối đa việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất xi măng theo hướng dẫn về thực hiện kinh tế tuần hoàn hoặc yêu cầu thực hiện kinh tế tuần hoàn đối với xi măng của một trong các nước thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển 2. Tuân thủ các quy định về quản lý chất thải, tái sử dụng, tận thu, tuần hoàn các chất thải	

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
				Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải	<ol style="list-style-type: none"> 1. Áp dụng hệ thống kiểm soát thất thoát nguồn nước 2. Áp dụng biện pháp quản lý, tuần hoàn, tái sử dụng nước thải hiệu quả và tuân thủ các quy định về xử lý nước thải từ sản xuất xi măng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường 	
G	DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG					
39	Thu gom, phân loại, trung chuyển, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc chất thải rắn công nghiệp thường	38110. Thu gom rác thải không độc hại	Quản lý chất thải	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; áp dụng kinh tế tuần hoàn	<ol style="list-style-type: none"> 1. Số lượng, chất lượng phân loại đáp ứng các tiêu chí sau: <ol style="list-style-type: none"> 1.1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được phân theo quy định của pháp luật 1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại theo quy định của pháp luật 2. Áp dụng các giải pháp phân loại phù hợp và đảm bảo 	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>không gây ô nhiễm môi trường trong quá trình phân loại</p> <p>3. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt hoặc lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường theo pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p> <p>4. Phương tiện vận chuyển chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn</p>	<p>[4] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 76:2023/BTNMT về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát</p>
40	Tái chế chất thải	3830. Tái chế phế liệu 39000. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Quản lý chất thải	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; áp dụng kinh tế tuần hoàn	1. Đạt tối thiểu tỷ lệ tái chế theo quy định về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu trong pháp luật bảo vệ môi trường.	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>2. Công nghệ, kỹ thuật tái chế đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>2.1. Đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật tái chế chất thải theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và xây dựng</p> <p>2.2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[4] Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp Chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn đến 2050</p> <p>[5] Thông tư 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng</p> <p>[6] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[7] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 76:2023/BTNMT về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát</p>
41	Xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường	38210. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	Quản lý chất thải	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; áp dụng kinh tế tuần hoàn	<p>1. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt không thể tái sử dụng, tái chế phải chôn lấp theo quy định của pháp luật</p> <p>2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>2.1. Yêu cầu, tiêu chí công nghệ xử lý chất thải theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p> <p>2.2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn</p> <p>[3] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Chiến lược Quốc gia về quản lý tổng hợp</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>chất thải rắn đến 2025, tầm nhìn đến 2050</p> <p>[4] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[5] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[6] Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia TCVN 526:2002 về phân hữu cơ vi sinh từ rác thải sinh hoạt</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25:2009/BTNMT về nước thải bãi chôn lấp chất thải rắn</p> <p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp</p> <p>[11] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 30:2012/BTNMT về lò đốt chất thải công nghiệp</p> <p>[12] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 61:MT-2016/BTNMT về lò đốt Chất thải rắn sinh hoạt</p> <p>[13] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 76:2023/BTNMT về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát</p>
42	Thu gom, phân loại, xử lý chất thải nguy hại	38220. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	Quản lý chất thải	Áp dụng kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, phát thải ít các-bon	<p>1. Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật môi trường về xử lý chất thải nguy hại</p> <p>2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng các tiêu chí sau:</p> <p>2.1. Yêu cầu, tiêu chí quản lý, công nghệ xử lý chất thải nguy</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
					<p>hại theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p> <p>2.2. Áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p>	<p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng chất thải nguy hại</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 30:2012/BTNMT về lò đốt chất thải công nghiệp</p> <p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 50:2013/BTNMT về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước</p>
43	Thu gom nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	37002. Xử lý nước thải	Quản lý chất thải	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; áp dụng kinh tế tuần hoàn	<p>1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom nước thải theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p> <p>2. Công trình hạ tầng, kỹ thuật thu gom đáp ứng yêu cầu về thoát nước theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
44	Xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung	37002. Xử lý nước thải	Quản lý chất thải	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải; cải tạo, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường; cải tạo, nâng cấp công trình bảo vệ môi trường	<p>1. Chất lượng xử lý đáp ứng cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT)</p> <p>2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải theo pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 14:2008/BTNMT về nước thải sinh hoạt</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
45	Thu gom, xử lý nước thải y tế	37002. Xử lý nước thải	Quản lý chất thải	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải	<p>1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải y tế theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan, đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT)</p> <p>2. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 28:2010/BTNMT về nước thải y tế</p>
46	Thu gom, xử lý nước thải từ hoạt	37002. Xử lý nước thải	Quản lý chất thải	Quản lý hiệu quả nguồn nước và xử lý nước thải	<p>1. Đáp ứng yêu cầu về thu gom và xử lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
	động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ				<p>theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường</p> <p>2. Chất lượng nước xử lý đáp ứng cột A Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT)</p> <p>3. Công nghệ, kỹ thuật xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý chất thải theo pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p>	<p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 ban hành Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 35:2010/BTNMT về nước khai thác thải từ các công trình dầu khí trên biển</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 40:2011/BTNMT về nước thải công nghiệp</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp chế biến cao su thiên nhiên</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 11-MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp chế biến thủy sản</p> <p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 12-MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy</p> <p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 13-MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp dệt nhuộm</p> <p>[11] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 60-MT:2015/BTNMT về nước thải công nghiệp sản xuất cồn nhiên liệu</p> <p>[12] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 31/2017/TT-BTNMT về nước thải chế biến tinh bột sắn</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						[13] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 52:2017/BTNMT về nước thải công nghiệp sản xuất thép
47	Xử lý khí thải	39000. Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường	Ngăn chặn và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	<p>1. Chất lượng xử lý khí thải đáp ứng tiêu chí sau:</p> <p>1.1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp cột B với bụi và chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT)</p> <p>1.2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT)</p> <p>1.3. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác về khí thải do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công nghệ, kỹ thuật, thiết bị, sản phẩm xử lý đáp ứng yêu cầu về công nghệ, kỹ thuật xử lý khí thải theo pháp luật bảo vệ môi trường và xây dựng</p>	<p>[1] Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020</p> <p>[2] Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[3] Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ Xây dựng về Quy chuẩn Quốc gia QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng</p> <p>[4] Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường</p> <p>[5] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2009/BTNMT</p>

STT	Lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế của dự án đầu tư ⁴¹	Mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư		Tiêu chí kỹ thuật	Văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và tài liệu khác để tham chiếu khi sử dụng Danh mục phân loại xanh ⁴²
			Tín dụng xanh ⁴³	Trái phiếu xanh ⁴⁴		
						<p>về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ</p> <p>[6] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 20:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ</p> <p>[7] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 21: 2009/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất phân hoá học</p> <p>[8] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 22:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp nhiệt điện</p> <p>[9] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 23:2009/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất xi măng</p> <p>[10] Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - QCVN 51:2017/BTNMT về khí thải công nghiệp sản xuất thép</p>

5.2. Đề xuất việc xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh để hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh

Trên cơ sở phân tích, đánh giá kinh nghiệm quốc tế, hiện trạng pháp luật, thực tiễn hoạt động cấp tín dụng, phát hành trái phiếu, tiếp thu ý kiến Hội đồng thẩm định của Bộ Tư pháp, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, dự thảo Quyết định quy định các dự án đầu tư có nhu cầu được hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh thì mới phải thực hiện việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh (Điều 5 Dự thảo Quyết định). Cụ thể:

Chủ dự án đầu tư có nhu cầu được cấp tín dụng xanh, chủ thể phát hành trái phiếu xanh gửi văn bản đề nghị xác nhận và hồ sơ thuyết minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh đến cơ quan, tổ chức cấp ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước để thực hiện việc xác nhận. Việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh do cơ quan cấp ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh tự tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức độc lập (trái phiếu xanh do Chính phủ, chính quyền địa phương phát hành không phải thực hiện việc xác nhận). Tổ chức tổ chức độc lập được thuê để xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh để hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phải có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.
- Phải thuộc một trong các loại hình kinh doanh như: (i) kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; (ii) kinh doanh dịch vụ kiểm toán; (iii) kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm.
- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO/IEC 17029:2020 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029:2019 hoặc Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo (ISAE 3000) hoặc Chuẩn mực quốc tế về dịch vụ đảm bảo bền vững (ISSA 5000). Đồng thời, có quy trình, chính sách và hệ thống kiểm soát nội bộ về hoạt động xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh đảm bảo tính độc lập, khách quan theo tiêu chuẩn hoặc chuẩn mực trên.
- Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia đủ năng lực, chuyên môn trong lĩnh vực môi trường hoặc các lĩnh vực thuộc Danh mục phân loại xanh.

Trường hợp dự án đầu tư đã được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh nhưng không duy trì được tiêu chí môi trường thì cơ quan, tổ chức cấp tín dụng, quản lý trái phiếu, cấp ưu đãi, hỗ trợ về tín dụng xanh, trái phiếu xanh thực hiện việc xử lý các khoản vay, tiền thu được từ phát hành trái phiếu, khoản ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp không có nhu cầu được hưởng ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh thì không phải thực hiện việc xác nhận mà cơ quan quản lý nhà nước về trái phiếu, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ vào quy định Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh (Điều 3 dự thảo Quyết định) và kết quả xem xét hồ sơ chứng minh (Điều 4 Dự thảo Quyết định) làm cơ sở thực hiện cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật. Hồ sơ chứng minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh (điều 4 Dự thảo Quyết định) bao gồm: (i) Văn bản đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh (theo mẫu quy định tại Phụ lục II Dự thảo Quyết định), (ii) Báo cáo thuyết minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh (theo mẫu quy định tại Phụ lục III Dự thảo Quyết định), (iii) Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường hoặc văn bản tương đương (nếu có) và các tài liệu kỹ thuật của dự án đầu tư quy định tại Phụ lục III Dự thảo Quyết định.

Việc quy định như đề xuất đảm bảo phù hợp với pháp luật hiện hành, không phát sinh thủ tục hành chính cho xã hội, thống nhất với pháp luật về tín dụng, trái phiếu. Đặc biệt, phương án này phù hợp với định hướng của Đảng, Nhà nước trong phát triển kinh tế xã hội; phù hợp với hiện trạng pháp luật về tín dụng xanh, trái phiếu xanh và ưu đãi, hỗ trợ; phù hợp với kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam, cụ thể như sau:

- Đối với định hướng của Đảng và Nhà nước: định hướng về hoàn thiện thể chế Kinh tế thị trường định hướng XHCN theo Nghị quyết 11-NQ/TW và Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 13 của Đảng; Chiến lược phát triển KTXH 2021 - 2030 và các Nghị quyết khác; chỉ đạo về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh do không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính tại các Nghị quyết của Chính phủ về gỡ bỏ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

- Phù hợp với hiện trạng pháp luật: hiện nay pháp luật về tín dụng xanh, trái phiếu xanh được quy định tại một số văn bản pháp luật khác nhau. Đặc biệt, mục đích của việc xác nhận là để hưởng ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước nhưng thực tiễn hiện nay hầu hết các khoản ưu đãi, hỗ trợ này chưa được ban hành.

- Phù hợp với kinh nghiệm quốc tế: trên cơ sở nghiên cứu, cập nhật kinh nghiệm quốc tế liên quan đến tài chính xanh, phân loại xanh, kinh nghiệm trong ban hành, tổ chức thực hiện Danh mục phân loại xanh, một số bài học về việc xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh cho thấy, cách quy định như Dự thảo đề xuất là phù hợp với cách làm của Liên minh Châu Âu, Trung Quốc, Indonesia... Để tạo thuận lợi cho việc linh hoạt lựa chọn hình thức xác nhận phù hợp với từng loại hình dự án, thời điểm phát sinh, loại hình tín dụng, trái phiếu...

- Quy định như Dự thảo phù hợp với thực tiễn và kiến nghị của nhiều cơ quan, tổ chức ở Việt Nam: (1) hoạt động cấp tín dụng xanh hiện nay các tổ chức tín dụng (ngân hàng BIDV, ViettinBank, Teckcombank...) vẫn đang thực hiện và được lồng ghép vào trong quy trình cấp tín dụng hoặc quy trình quản lý rủi ro tín dụng; (2) hoạt động phát hành trái phiếu khá đa dạng và có nhiều cơ quan khác nhau tham gia vào quản lý, kiểm tra, giám sát việc phát hành trái phiếu.

5.3. Đề xuất nội dung chính của dự thảo Quyết định

5.3.1. Đề xuất cấu trúc

Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh, bao gồm: 06 điều và 01 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định, bao gồm:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Quyết định quy định về tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh; việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh.

2. Đối tượng áp dụng: Dự thảo Quyết định áp dụng đối với chủ dự án đầu tư có nhu cầu được cấp tín dụng xanh, chủ thể phát hành trái phiếu xanh, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Điều 3. Tiêu chí môi trường đối với dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

Điều 4. Hồ sơ chứng minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh

Điều 5. Xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh để hưởng chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh

Điều 6. Yêu cầu đối với tổ chức độc lập xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh

Điều 7. Tổ chức thực hiện.

Điều 8. Điều khoản thi hành.

Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định gồm: Phụ lục I quy định Danh mục phân loại xanh, bao gồm các thông tin về lĩnh vực, loại hình dự án đầu tư; mã ngành kinh tế của dự án đầu tư; mục tiêu bảo vệ môi trường, lợi ích môi trường của dự án đầu tư; và chỉ tiêu sàng lọc; Phụ lục II quy định mẫu văn bản đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh; Phụ lục III quy định mẫu báo cáo thuyết minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh

5.3.2. Tổ chức thực hiện khi Quyết định được ban hành

Các quy định về Danh mục phân loại xanh đối với các dự án đầu tư được cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh là chính sách mới trên toàn cầu và ở Việt Nam nên việc tổ chức thực hiện sau khi Quyết định được ban hành, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin đề xuất như sau:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: (i) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến việc thực hiện Quyết định này; (ii) Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét cập nhật, sửa đổi, bổ sung Quyết định này phù hợp với thực tiễn.

- Bộ Tài chính tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về trái phiếu xanh, xử lý các trường hợp vi phạm hoặc sử dụng nguồn vốn không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về tín dụng xanh, xử lý các trường hợp vi phạm hoặc sử dụng nguồn vốn không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước được giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định khi được ban hành.

Phụ lục 1 Danh mục phân loại xanh của các quốc gia và vùng lãnh thổ

TT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Tên Danh mục phân loại xanh, và tiến trình xây dựng
1	EU	Ủy ban Châu Âu thành lập Nhóm chuyên gia kỹ thuật (TEG) về tài chính bền vững (7/2018) Nghị định về Khung Danh mục phân loại - Taxonomy Regulation (12/2019) TEG công bố Báo cáo cuối cùng về Danh mục phân loại - EU Taxonomy (3/2020)
2	Mông Cổ	Danh mục phân loại xanh quốc gia (9/2019), và Dự thảo Danh mục phân loại tài chính gắn với các mục tiêu phát triển bền vững (SDG finance taxonomy) ⁴⁹ (10/2021)
3	Malaysia	Danh mục phân loại dựa trên nguyên tắc về BDKH ⁵⁰ (4/2021)
4	Trung Quốc	Danh mục dự án được phát hành trái phiếu xanh (12/2015), phiên bản cập nhật (4/2021)
5	Nhật Bản	Hướng dẫn về trái phiếu xanh 2017 (cập nhật 2020), Hướng dẫn cơ bản về chuyển đổi tài chính khí hậu (5/2021), Roadmap Taskforce to formulate sector-specific roadmaps
6	Nga	Danh mục phân loại xanh quốc gia được thông qua (11/2021) được phát triển bởi Ngân hàng phát triển nhà nước (VEB), dựa trên hệ thống phân loại của EU và Trung Quốc
7	ASEAN	Danh mục phân loại ASEAN cho tài chính bền vững ⁵¹ (11/2021)
8	Hàn Quốc	Danh mục phân loại xanh quốc gia được ban hành (K-Taxonomy) và Hướng dẫn về K-Taxonomy ⁵² (12/2021) phù hợp theo mục tiêu và cấu trúc của Danh mục phân loại EU
9	Indonesia	Danh mục phân loại xanh Indonesia ⁵³ (1/2022)
10	Philippines	Lộ trình tài chính bền vững của Philippines ⁵⁴
11	Nam Phi	Danh mục phân loại tài chính xanh Nam phi ⁵⁵ (3/2021) dựa trên Danh mục phân loại EU

⁴⁹ <https://jointsgdfund.org/article/mongolian-sdg-finance-taxonomy-development-discussed-2021-gflp-webinar-sustainable-finance>

⁵⁰ Bank Negara Malaysia (BNM), 4/2021. “Climate Change and Principle-based Taxonomy”, <https://www.bnm.gov.my/documents/20124/938039/Climate+Change+and+Principle-based+Taxonomy.pdf>

⁵¹ <https://asean.org/wp-content/uploads/2021/11/ASEAN-Taxonomy.pdf>

⁵² [The Korean Green Taxonomy \(K-Taxonomy\) Guideline and Its Implications \(shinkim.com\)](https://www.ojk.go.id/keuanganberkelanjutan/Uploads/Content/Regulasi/Regulasi_22012011321251.pdf)

⁵³ https://www.ojk.go.id/keuanganberkelanjutan/Uploads/Content/Regulasi/Regulasi_22012011321251.pdf

⁵⁴ <https://www.bsp.gov.ph/Regulations/Issuances/2022/CL-2022-011.pdf>

⁵⁵ http://www.treasury.gov.za/comm_media/press/2022/SA%20Green%20Finance%20Taxonomy%20-%201st%20Edition.pdf

TT	Quốc gia/ Vùng lãnh thổ	Tên Danh mục phân loại xanh, và tiến trình xây dựng
12	Bangladesh	Chính sách về tài trợ trái phiếu xanh cho các ngân hàng và tổ chức tài chính ⁵⁶ (9/2022) phản chiếu nội dung của Danh mục phân loại EU
13	Canada	Hội đồng Hành động tài chính bền vững ⁵⁷ (5/2021) được giao nhiệm vụ xây dựng Danh mục phân loại mới
14	Chile	Lộ trình cho Danh mục phân loại xanh Chile ⁵⁸ (5/2021)
15	Colombia	Danh mục phân loại xanh Colombia ⁵⁹ theo Danh mục phân loại của EU (4/2022)
16	Cộng hòa Dominica	Dự án xây dựng Danh mục phân loại xanh quốc gia ⁶⁰ (2/2022)
17	Ấn Độ	Danh mục phân loại, bước đầu tập trung vào giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu
18	Kazakhstan	Danh mục phân loại đang được phát triển và có thể được xuất bản vào cuối năm 2021
19	New Zealand	Danh mục phân loại dựa trên Danh mục phân loại EU
20	Singapore	Báo cáo tư vấn về Danh mục phân loại ⁶¹ (1/2021), Tham khảo Danh mục phân loại EU và Danh mục phân loại ASEAN ⁶²
21	Thái Lan	Danh mục phân loại giải quyết nhu cầu của địa phương và điều chỉnh phát triển quốc tế
22	Anh	Học viện Tài chính Xanh Thành phố Luân Đôn, phù hợp với Danh mục phân loại của EU
23	Mexico	Đang trong quá trình thảo luận Danh mục phân loại Mexico
24	Sri Lanka	Mô hình Danh mục phân loại theo Danh mục phân loại của EU và Trung Quốc

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

⁵⁶ <https://www.bb.org.bd/mediaroom/circulars/gbcrd/sep2022sfd05e.pdf>

⁵⁷ <https://www.canada.ca/en/department-finance/programs/financial-sector-policy/sustainable-finance/sustainable-finance-action-council.html>

⁵⁸ https://www.climatebonds.net/files/reports/taxonomy_chile_report_a4_en.pdf

⁵⁹ https://www.cmfchile.cl/portal/prensa/615/articles-50356_presentacion_mariana.pdf

⁶⁰ <https://dominantoday.com/dr/local/2022/02/23/dominican-republic-is-first-caribbean-country-to-launch-green-strategy/>

⁶¹ <https://www.mayerbrown.com/en/perspectives-events/blogs/2021/01/singapore-consults-on-green-taxonomy-for-financial-institutions>

⁶² <https://abs.org.sg/docs/library/second-gfit-taxonomy-consultation-paper>

Phụ lục 2 Giới thiệu một số Danh mục phân loại xanh tiêu biểu

1. Khung phân loại xanh của Liên minh Châu Âu

Khung phân loại xanh của EU là một công trình đồ sộ với sự đóng góp của hàng trăm nhà khoa học hàng đầu và được xây dựng, phát triển trong hơn 5 năm. Do đó, khi Danh mục xanh được ban hành năm 2020, các quốc gia thuộc khu vực EU này đã kế thừa một nền tảng của một cơ sở dữ liệu và nền tảng kỹ thuật phát triển đủ minh bạch và có thể kiểm chứng được, gọi là Phân loại thống kê các hoạt động kinh tế trong Cộng đồng Châu Âu (Statistical classification of economic activities in the European Community – NACE)⁶³. Do đó, cách tiếp cận của EU theo tài sản được tuân thủ khá tương đồng với Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế của Liên hợp quốc đối với tất cả các hoạt động kinh tế (International Standards Industrial Classification – ISIC). Bên cạnh đó, quan điểm xây dựng Danh mục xanh của EU có quan điểm chủ đạo là “xanh nghiêm ngặt có thể thẩm định được” với mục đích chuyển dịch đầu tư xanh đi từ dưới lên, thông qua các hoạt động rất cụ thể và chi tiết, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất hoạt động “tẩy xanh” (green washing) ở các dự án “nâu có thể kiểm soát được” trên phương diện quản lý kinh tế vĩ mô mang tính khu vực và toàn cầu.

Bảng 13. Khung phân loại danh mục xanh của EU (ban hành 2020)

1. Rừng (5)	2. Nông nghiệp (3)	3. Chế tạo (9)	4. Cung cấp điện, khí, hơi nước và điều hoà (25)	5. Nước, nước thải, chất thải và sửa chữa (12)	6. GTVT và lưu kho (10)	7. Thông tin và truyền thông (2)	8. Xây dựng và BĐS(4)
1.1. Trồng rừng	2.1. Trồng cây hàng năm	3.1. Công nghiệp các-bon thấp	4.1. Điện mặt trời 4.2. Điện MT hội tụ	5.1. Khai thác, xử lý và cung cấp nước	6.1. VT hành khách đường sắt nội vùng	7.1. Các hoạt động liên quan đến dữ liệu, lưu trữ	8.1. Xây dựng toà nhà mới
1.2. Phục hồi và bảo tồn rừng	2.2. Trồng cây không phải cây hàng năm	3.2. Xi măng	4.3. Điện gió	5.2. xử lý nước thải tập trung	6.2. VT hàng hoá đường sắt	7.2. Các giải pháp số đến giảm phát thải KNK	8.2. Cải tạo nhà cũ
1.3. Tái trồng rừng	2.3. Chăn nuôi	3.3. Nhôm	4.4. Điện đại dương	5.3. xử lý kị khí bùn thải	6.3. VT công cộng		8.3. Các dịch vụ chuyên nghiệp và giải pháp cá nhân

⁶³ NACE theo Tiếng Pháp là “Nomenclature statistique des Activités économiques dans la Communauté Européenne”. NACE bắt nguồn từ ISIC (International Standards Industrial Classification) của Liên hợp quốc

1. Rừng (5)	2. Nông nghiệp (3)	3. Chế tạo (9)	4. Cung cấp điện, khí, hơi nước và điều hoà (25)	5. Nước, nước thải, chất thải và sửa chữa (12)	6. GTVT và lưu kho (10)	7. Thông tin và truyền thông (2)	8. Xây dựng và BĐS(4)
1.4. Quản lý rừng hiện có		3.4. Sắt thép	4.5. Thủy điện	5.4. Thu gom phân loại rác thải thông thường tại nguồn	6.4. Cơ sở hạ tầng cho VT các-bon thấp		8.4. Mua lại và sở hữu toà nhà
1.5. Rừng chuyên đổi		3.5. Sản xuất H2	4.6. Điện địa nhiệt	5.5. Xử lý kĩ khí rác hữu cơ	6.5. Phương tiện thương mại và ô tô chở khách		
		3.6. Các hoá chất vô cơ bản khác	4.7. Điện khí	5.6. Ủ rác hữu cơ	6.6. Dịch vụ VT hàng hoá đường bộ		
		3.7. Các hoá chất vô cơ bản khác	4.8. Điện sinh học	5.7. Thu hồi rác thông thường	6.7-10. ...		
		3.8. Phân bón và hợp chất N	4.9. Truyền tải & phân phối	5.8. Thu hồi khí bãi rác và làm giàu			
		3.9. Nhựa nguyên sinh	4.10. Lưu trữ điện	5.9. Thu hồi CO ₂ trực tiếp			
			4.11. Lưu trữ nhiệt	5.10-12. ...			
			4.12. Lưu trữ H ₂				
			4.13-25 ...				

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

Mục tiêu chung của Khung phân loại xanh EU là đáp ứng mục tiêu về năng lượng và khí hậu 2030 theo Thỏa thuận xanh Châu Âu (European Green Deal) thông qua việc đầu tư trực tiếp vào các dự án và hoạt động bền vững. Danh mục xanh khi ban hành để

có được ngôn ngữ chung, đồng thuận và các định nghĩa rõ ràng về “sự bền vững” giữa các bên liên quan bao gồm nhà đầu tư, đơn vị quản lý nhà nước và các TCTD, các tổ chức thẩm định độc lập bên thứ ba.

Cách tiếp cận để EU xây dựng Danh mục phân loại xanh là hướng đến xây dựng một danh mục các hoạt động kinh tế bền vững thân thiện với môi trường, đồng thời cung cấp cho doanh nghiệp, nhà đầu tư, chính trị gia các định nghĩa phù hợp chung và bảo vệ các bên liên quan khỏi hoạt động “tẩy xanh” và giúp chuyển dịch đầu tư. Do có nền tảng từ Quy định về Danh mục EU (Taxonomy Regulation 2020) với sáu mục tiêu bảo vệ môi trường⁶⁴ xác định nên Phân loại danh mục xanh luôn xác định Kế hoạch hành động về tăng trưởng tài chính bền vững (Action plan on financing sustainable growth) gọi sự hình thành hệ thống phân loại chung cho các hoạt động kinh tế bền vững là Phân loại xanh của EU. Khung danh mục phân loại xanh của EU được tóm tắt tại bảng 2 với 8 ngành nghề xanh với 70 loại hình dự án xanh hoặc chuyển đổi xanh. Tại bảng 2, chi tiết các nhóm ngành và tiểu nhóm ngành với màu sắc “xanh” tương ứng với các loại dự án xanh, và màu “nâu” thể hiện các loại dự án đang chuyển đổi xanh hoặc có ý nghĩa gián tiếp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi xanh. Ví dụ như công nghiệp các bon thấp, xi măng, nhôm, sắt thép...

2. Khung phân loại xanh của Trung Quốc

a) Các chính sách tài chính xanh của Trung Quốc

Trung Quốc đã có những bước tiến dài trong việc xanh hóa hệ thống tài chính của mình trong những năm gần đây. Sự thay đổi lớn này có được nhờ sự tham gia của bộ máy chính trị bao gồm các cấp cao nhất của Chính phủ. Điều này được thể hiện rõ ràng nhất qua cam kết của Hội đồng Nhà nước trong việc xây dựng “Nền văn minh sinh thái”, một khái niệm được đưa ra lần đầu tiên vào năm 2007, chính thức được đưa vào Hiến pháp từ năm 2018 và ngày càng được nhấn mạnh trong các Kế hoạch 5 năm tiếp theo của Trung Quốc.

Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) là đơn vị chủ trì xây dựng các chính sách tài chính xanh. Năm 2014, PBOC và UNEP Inquiry đã phối hợp thành lập Lực lượng Đặc nhiệm Tài chính Xanh và đưa ra 14 khuyến nghị để thiết lập hệ thống tài chính xanh được trình bày tại hội nghị thượng đỉnh G20 năm 2016 dưới sự chủ trì của Trung Quốc. Các khuyến nghị được nhóm thành bốn lĩnh vực: (i) Các tổ chức đầu tư chuyên biệt (bao gồm các ngân hàng xanh, quỹ xanh); (ii) Hỗ trợ tài chính và tài khóa (gồm tín dụng xanh, trái phiếu xanh, IPO xanh); (iii) Cơ sở hạ tầng tài chính (thị trường carbon, xếp hạng xanh, chỉ số chứng khoán xanh, mạng lưới nhà đầu tư xanh); và (iv) Cơ sở hạ tầng pháp lý (bảo hiểm xanh, trách nhiệm của TCTD, công bố thông tin bắt buộc). Các khuyến nghị đã được chính thức thông qua cùng năm bởi 7 Bộ ngành và cơ quan quản lý hàng đầu trong bản “Hướng dẫn thiết lập hệ thống tài chính xanh”, hiện được coi là kế hoạch chi tiết quốc gia bao gồm tất cả các khía cạnh của lĩnh vực tài chính. PBOC tiếp tục giám sát phát triển tài chính xanh thông qua Ủy ban Tài chính Xanh.

Giai đoạn 2017-2018, tài chính xanh của Trung Quốc hàng năm đạt trung bình 2,25 nghìn tỷ Nhân dân tệ (tương đương 320 tỷ USD), đưa Trung Quốc trở thành một trong những nước đóng góp lớn nhất cho tài chính xanh trên toàn cầu. Trong tổng nguồn tài chính xanh, nguồn tài chính công chiếm đa số với tỷ lệ 51%, sau đó là các nguồn tư

⁶⁴ 6 mục tiêu môi trường EU là (1) Giảm nhẹ BĐKH, (2) Thích ứng BĐKH, (3) Sử dụng bền vững và bảo vệ nguồn nước và tài nguyên biển, (4) chuyển dịch sang nền KTTH, (5) quản lý ngăn chặn ô nhiễm, (6) Bảo vệ và phục hồi ĐDSH và hệ sinh thái

nhân, PPP và các ngân hàng thương mại cổ phần. Lĩnh vực có lợi ích giảm thiểu được tài trợ nhiều nhất, tương đương 60% tổng số, trong đó, 55% dành cho gió và năng lượng mặt trời. Các lĩnh vực môi trường khác hoặc các lĩnh vực có lợi ích gián tiếp về giảm thiểu và thích ứng, ước tính nhận được 37% từ nguồn tài chính xanh, bao gồm AFOLU (nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất khác), bảo tồn tài nguyên và xây dựng sinh thái. Các dự án liên quan đến thích ứng đã nhận được tương đương 4% tổng tài chính xanh, chủ yếu cho các biện pháp phòng ngừa rủi ro thiên tai và kiểm soát lũ lụt, chẳng hạn như xây dựng các thành phố bọt biển, đê và hệ thống thoát nước.

Tăng trưởng tín dụng xanh và trái phiếu xanh được coi là một trong những thành công nổi bật nhờ các chính sách cải cách tài chính xanh của Trung Quốc trong thời gian qua. Tín dụng xanh là hoạt động được can thiệp sớm nhất của chính sách tài chính xanh Trung Quốc, từ năm 1995 khi PBOC lần đầu tiên ban hành hướng dẫn về việc tích hợp các yếu tố môi trường trong các quyết định cho vay. Năm 2012 và 2013, Ủy ban Điều tiết Ngân hàng Trung Quốc (CBRC) đã ban hành hướng dẫn về việc tăng cường tín dụng xanh và thiết lập hệ thống thống kê tín dụng xanh để theo dõi tác động môi trường và hoạt động tài chính. Tính đến cuối năm 2019, dư nợ cho vay xanh từ 21 ngân hàng lớn là 10,6 nghìn tỷ NDT (1,5 nghìn tỷ USD), cao hơn gấp đôi so với cuối năm 2013. Tác động môi trường nhờ các khoản vay xanh bao gồm giảm 518 triệu tấn CO2 và giảm mức tiêu thụ năng lượng tương đương với 247 triệu tấn than tiêu chuẩn. Ngoài ra, các khoản vay xanh mang lại hiệu quả tài chính tốt hơn với tỷ lệ nợ xấu trung bình là 0,48%, thấp hơn 1,81 điểm phần trăm so với các khoản vay thông thường.

Hình 9. Những điểm nổi bật về chính sách tài chính xanh của Trung Quốc



Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

Chính thức bắt đầu vào năm 2016 sau khi PBOC ban hành Danh mục các dự án phát hành trái phiếu xanh (phiên bản năm 2015), thị trường trái phiếu xanh của Trung Quốc đã phát triển nhanh chóng, và trở thành nguồn cung trái phiếu xanh lớn nhất thế

giới với dư nợ 977 tỷ NDT (140 tỷ USD) vào cuối năm 2019, tăng trưởng trung bình 30% hằng năm. Giao thông và năng lượng là hai lĩnh vực được hỗ trợ nhiều nhất từ trái phiếu xanh, và tổng thị trường đạt mức giảm hằng năm ít nhất là 52,6 triệu tấn CO₂.

Mặc dù tài chính xanh ở Trung Quốc có tăng trưởng ấn tượng, nhưng so với thị trường chung, mức độ thâm nhập xanh hiện tại vẫn chỉ ở mức bình quân 4%. Điều này cho thấy tiềm năng tăng trưởng rất lớn trong tương lai.

Những nỗ lực gần đây của Trung Quốc trong việc thúc đẩy tài chính xanh có thể kể đến như hỗ trợ nhiều hơn cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, triển khai các nguồn vốn ưu đãi mới dành cho tài chính xanh thông qua thành lập Quỹ Phát triển xanh quốc gia thống nhất (NGDF) áp dụng mô hình PPP để hoạt động đầu tư vào các ngành công nghiệp xanh, khuyến khích hoạt động của các cơ chế sáng tạo như Quỹ Cơ chế Phát triển Xanh của Trung Quốc (Quỹ CDM), ban hành Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh (phiên bản năm 2021), ứng dụng công nghệ thanh toán di động và ngân hàng trực tuyến trong việc tiếp cận nhiều khách hàng, khuyến khích họ áp dụng các phương pháp xanh, v.v...

b) Danh mục dự án xanh của Trung Quốc

Một trong những yếu tố chính góp phần vào thành công của Trung Quốc trong phát triển tài chính xanh đó chính là thiết lập các tiêu chuẩn và phân loại hài hòa để xác định những gì được coi là xanh. Cho đến nay, Trung Quốc đã ban hành 3 danh mục phân loại xanh, cho các khoản vay xanh, trái phiếu xanh và các ngành công nghiệp xanh.

Đối với các khoản vay xanh, năm 2012-2013 CBRC đã ban hành hướng dẫn về việc tăng cường tín dụng xanh và thiết lập hệ thống thống kê tín dụng xanh để theo dõi tác động môi trường và hoạt động tài chính. Năm 2014, CBRC ban hành Chỉ số KPIs thực hiện tín dụng xanh để tăng cường giám sát và đánh giá ngân hàng xanh, và năm 2015 ban hành Hướng dẫn cho vay tiết kiệm năng lượng đối với các TCTD.

Tháng 12/2015, PBOC đã ban hành Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh năm 2015 nhằm ưu tiên các dự án có lợi ích môi trường trực tiếp và rõ ràng, và những dự án phù hợp với chính sách công nghiệp quốc gia. Danh mục được phân loại thành 6 nhóm ngành cấp I, và 31 tiểu ngành cấp II, với giải thích chi tiết và các tiêu chí xác định. 6 nhóm ngành cấp I bao gồm: (i) Tiết kiệm năng lượng; (ii) Phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm; (iii) Bảo tồn và tái chế tài nguyên; (iv) Giao thông sạch; (v) Năng lượng sạch; (vi) Bảo vệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tháng 1/2016, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC), phụ trách trái phiếu doanh nghiệp, đã ban hành Hướng dẫn về phát hành trái phiếu xanh, khuyến khích phát hành trái phiếu doanh nghiệp cho các dự án thuộc 12 lĩnh vực, như tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, chuyển đổi công nghệ và đô thị hóa xanh. Hướng dẫn này sau đó được thị trường coi là một tiêu chuẩn trái phiếu xanh khác. Ngoài ra, khi phát hành trái phiếu xanh ra nước ngoài, các công ty Trung Quốc thường sử dụng Nguyên tắc trái phiếu xanh của ICMA hoặc Tiêu chuẩn trái phiếu khí hậu của CBI, được quốc tế công nhận cao làm cơ sở tham khảo.

Sự khác biệt giữa các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về trái phiếu xanh, ví dụ, việc sử dụng than sạch và các nhà máy nhiệt điện than siêu tới hạn và siêu tới hạn từ 300MW trở lên vẫn được coi là dự án xanh theo tiêu chuẩn trong nước, nhưng lại không có thuộc tính xanh theo tiêu chuẩn quốc tế. Ngoài ra còn có sự khác biệt giữa hai tiêu

chuẩn dự án xanh trong nước, từ định dạng dòng cho đến nội dung, đôi khi gây nhầm lẫn giữa các nhà phát hành và nhà đầu tư trái phiếu.

Tháng 3/2019, NDRC ban hành Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh đầu tiên của Trung Quốc, trong đó xác định và phân loại rõ ràng các ngành công nghiệp xanh và các dự án xanh, đặt nền tảng cho việc cập nhật danh mục trái phiếu xanh. Trong đó bao gồm 6 ngành công nghiệp chủ chốt: (i) Ngành công nghiệp tiết kiệm năng lượng và BVMT; (ii) Công nghiệp sản xuất sạch hơn; (iii) Công nghiệp năng lượng sạch; (iv) Công nghiệp môi trường sinh thái; (v) Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh; (vi) Dịch vụ xanh. Điểm khác biệt so với ngành công nghiệp xanh hiện có trên thế giới là việc sản xuất và sử dụng than sạch thường được coi là không thuộc nhóm ngành công nghiệp xanh trên thế giới, nhưng than vẫn chiếm hơn 60% sản lượng năng lượng sơ cấp ở Trung Quốc. Vì vậy, sản xuất sạch hơn và sử dụng than vẫn được đưa vào Danh mục.

Tháng 4/2021, trên cơ sở Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh năm 2019, PBOC, NDRC và Ủy ban Điều tiết chứng khoán Trung Quốc (CSRC) đã phối hợp cùng ban hành Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh năm 2021, bao gồm 6 nhóm ngành cấp I, 25 ngành cấp II, 47 ngành cấp III và 202 ngành cấp IV. 6 nhóm ngành chính bao gồm: (i) Tiết kiệm năng lượng và BVMT; (ii) Công nghiệp sản xuất sạch hơn; (iii) Công nghiệp năng lượng sạch; (iv) Lĩnh vực liên quan đến sinh thái và môi trường; (v) Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh; (vi) Dịch vụ xanh. Các ngành cấp IV được phân loại theo tên dự án cụ thể, với mô tả các điều kiện và giới hạn của dự án. Ví dụ, yêu cầu đối với dự án xây dựng và vận hành cơ sở sản xuất điện từ năng lượng mặt trời là "hiệu suất chuyển đổi quang điện tối thiểu không thấp hơn 19% và 21% tương ứng đối với tế bào silicon đa tinh thể và tế bào silicon đơn tinh thể".

Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh năm 2021 đã xác định một cách khoa học và thống nhất các lĩnh vực và phạm vi của các dự án được phát hành trái phiếu xanh, thống nhất phạm vi của hai tiêu chuẩn trái phiếu xanh trong nước và từng bước hài hòa các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Bảng 14. Khung Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh năm 2021

1. Tiết kiệm năng lượng và BVMT	2. Công nghiệp sản xuất sạch hơn	3. Công nghiệp năng lượng sạch
Cải thiện hiệu quả năng lượng Xây dựng bền vững Phòng ngừa ô nhiễm Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống Sử dụng tích hợp tài nguyên Giao thông xanh	Phòng ngừa và xử lý ô nhiễm Nông nghiệp xanh Sử dụng tích hợp tài nguyên Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống	Cải thiện hiệu quả năng lượng Năng lượng sạch
4. Lĩnh vực liên quan đến sinh thái và môi trường	5. Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh	6. Dịch vụ xanh
Nông nghiệp sinh thái Xây dựng và bảo vệ hệ sinh thái	Cải thiện hiệu quả năng lượng Xây dựng bền vững	Dịch vụ tư vấn Dịch vụ quản lý vận hành

1. Tiết kiệm năng lượng và BVMT	2. Công nghiệp sản xuất sạch hơn	3. Công nghiệp năng lượng sạch
	Phòng ngừa ô nhiễm Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống Giao thông xanh Xây dựng và bảo vệ hệ sinh thái	Kiểm toán, thanh tra và đánh giá dự án Giám sát và phát hiện Quảng cáo và chứng nhận sản phẩm kỹ thuật

Nguồn: Khung Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh Trung Quốc năm 2021

c) So sánh giữa các danh mục dự án xanh của Trung Quốc

So với “Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh (2019)” và “Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh (Phiên bản 2015)” (sau đây gọi là “Danh mục năm 2015”), Danh mục dự án phát hành trái phiếu xanh (Phiên bản 2021)” (sau đây gọi là “Danh mục năm 2021”) thể hiện một số đặc điểm chính như sau:

Thứ nhất, Danh mục năm 2021 được thiết kế theo cấu trúc của Danh mục Hướng dẫn công nghiệp xanh. Số lượng và mô tả của các dự án cũng tương đồng, chỉ điều chỉnh phương pháp phân loại cấp II và cấp III.

Thứ hai, Danh mục năm 2021 là sự điều chỉnh và mở rộng của Danh mục năm 2015, trong đó các nội dung về Tiết kiệm năng lượng và Phòng ngừa ô nhiễm được tích hợp vào lĩnh vực Tiết kiệm năng lượng và BVMT năm 2021; Bảo tồn và tái chế tài nguyên phần lớn tương ứng với Sản xuất sạch hơn trong danh mục năm 2021; Giao thông sạch thì tích hợp vào lĩnh vực Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh, và Bảo vệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu tích hợp vào Lĩnh vực liên quan đến sinh thái và môi trường. Danh mục năm 2021 bổ sung lĩnh vực Dịch vụ xanh trong khuôn khổ Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh, vốn không có trong Danh mục năm 2015. Ngoài ra, Danh mục phiên bản 2021 cũng bổ sung danh mục sản xuất thiết bị xanh, sản xuất thiết bị điện hạt nhân, xây dựng và vận hành nhà máy điện hạt nhân, các dự án liên quan đến nâng cấp xanh khu công nghiệp, các dự án công nghệ mới như dự án về thu giữ, sử dụng và lưu trữ carbon dioxide (CCS).

Thứ ba, Danh mục năm 2021 loại bỏ việc sử dụng than sạch và loại bỏ một số dự án cấp III liên quan trực tiếp đến nhiên liệu hóa thạch ra khỏi Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh, như xử lý bùn thải trong các nhà máy xử lý nước thải đô thị, các nhà máy nhiệt điện than, sản xuất nhiên liệu sạch, sản xuất thiết bị thăm dò và phát triển dầu khí, các cơ sở khai thác và sử dụng khí mêtan trong than đá (khí mỏ than), dự án cải tạo và vận hành các tổ máy phát điện chạy bằng than, dự án xử lý các khu vực sụt lún khai thác than.

Thứ tư, phạm vi dự án được mở rộng rất nhiều, tạo cơ hội mở rộng thị trường trái phiếu xanh. So với Danh mục năm 2015, các danh mục cấp III được mở rộng từ 38 lên 202 trong Danh mục năm 2021, điều này cho thấy rằng nhiều dự án có thể được xác định là các dự án được phát hành trái phiếu xanh.

Thứ năm, Danh mục năm 2021 bao gồm nhiều đặc điểm kỹ thuật và do đó đặt ra các yêu cầu cao hơn đối với bên thứ ba. Với danh mục các dự án được mở rộng, Danh mục năm 2021 yêu cầu các dự án được phát hành trái phiếu xanh phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và công nghiệp liên quan đến chất lượng, an toàn, công nghệ và BVMT.

Điều này đặt ra các yêu cầu cao hơn đối với việc xác minh của bên thứ ba đối với trái phiếu xanh.

Danh mục năm 2021

Cấp I	1. Tiết kiệm năng lượng và	2. Công nghiệp sản xuất sạch hơn	3. Công nghiệp năng lượng sạch	4. Lĩnh vực liên quan đến sinh thái và môi	5. Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh	6. Dịch vụ xanh	Tổng số ngành: 6
Cấp II	6	4	2	2	6	5	Tổng: 25
Cấp III	14	8	4	5	10	6	Tổng: 47
Cấp IV	62	19	26	28	36	31	Tổng: 112111182 202

Danh mục năm 2015

Cấp I	1. Tiết kiệm năng lượng	2. Kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm	3. Tái chế và bảo tồn tài nguyên	4. Giao thông sạch	5. Năng lượng sạch	6. Bảo vệ sinh thái và thích ứng với biến đổi khí hậu	Tổng: 6
Cấp II	4	3	6	7	7	4	Tổng: 31
Cấp III	6	3	7	11	7	4	Tổng: 38

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

1.3.5. Tổng kết kinh nghiệm Trung Quốc

Cũng là một quốc gia tại châu Á và có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam trong công tác quản lý nhà nước và điều hành kinh tế vĩ mô, Trung Quốc cũng đã xây dựng và ban hành 2 phiên bản Danh mục phân loại xanh vào năm 2015 và 2021. Điều đó có thể giúp Việt Nam có được nhiều bài học kinh nghiệm không chỉ trong quá trình xây dựng Danh mục phân loại xanh của Trung Quốc mà có thể còn giảm đi được những thiếu hụt, hạn chế trong quá trình triển khai và điều chỉnh trong Danh mục xanh cập nhật ban hành sau này. Hai phiên bản Phân loại danh mục xanh của Trung Quốc đều phân chia thành 6 nhóm ngành cơ bản, tuy nhiên, số lượng các loại hình dự án có sự thay đổi lớn, từ ban đầu có 38 loại hình dự án theo ba cấp độ năm 2015 đã lên đến 202 loại hình dự án theo 4 cấp độ trong Khung danh mục năm 2021.

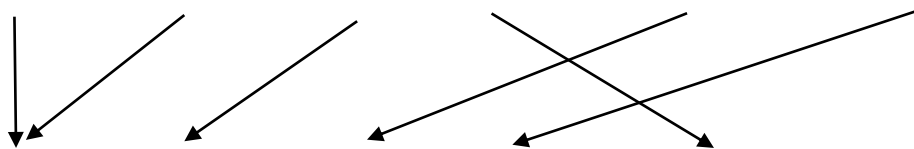
Khác với quan điểm của các quốc gia thuộc EU hay các tổ chức như CBI về khái niệm “xanh”, quan điểm của Trung Quốc tiếp cận việc xây dựng khung danh mục xanh có chút khác biệt trong cách tiếp cận, thậm chí một số quan điểm mang tính trái ngược khi coi danh mục phân loại xanh bao gồm cả những dự án chưa xanh hoặc mang nghĩa

“nâu” với đặc tính đang chuyển dịch xanh hoặc hỗ trợ gián tiếp sự chuyển dịch xanh của nền kinh tế. Ngoài ra, đó còn là vì những ngành nghề “nâu” vẫn đang là nòng cốt của sự phát triển công nghiệp quốc gia. Do đó, dù được ban hành phiên bản đầu tiên năm 2015 với nhiều “quan điểm trái chiều hoặc thiếu, hạn chế căn cứ khoa học” cho các phân loại đó, nhưng rồi Khung phân loại xanh của Trung Quốc từng bước đã được cập nhật vào năm 2021 với mức độ hợp lý hơn, tương đồng với các chuẩn mực quốc tế về tài chính xanh và phát triển bền vững.

Bảng 15. Sự phát triển của hai phiên bản phân loại xanh của Trung Quốc

Khung Danh mục phân loại xanh của Trung Quốc 2015 (6 lĩnh vực gồm 38 nhóm loại dự án)

CẤP I	1. Tiết kiệm năng lượng	2. Kiểm soát và phòng ngừa ô nhiễm	3. Tái chế và bảo tồn tài nguyên	4. Giao thông sạch	5. Năng lượng sạch	6. Bảo vệ sinh thái và thích ứng với BĐKH
CẤP II	4 loại	3 loại	6 loại	7 loại	7 loại	4 loại
CẤP III	6 loại	3 loại	7 loại	11 loại	7 loại	4 loại



Khung Danh mục phân loại xanh của Trung Quốc 2021 (6 lĩnh vực gồm 202 nhóm loại dự án)

CẤP I	1. Tiết kiệm năng lượng và BVMT	2. Công nghiệp sản xuất sạch hơn	3. Công nghiệp năng lượng sạch	4. Sinh thái & môi trường	5. Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh	6. Dịch vụ xanh
CẤP II	6 loại	4 loại	2 loại	2 loại	6 loại	5 loại
CẤP III	14 loại	8 loại	4 loại	5 loại	10 loại	6 loại
CẤP IV	62 loại	19 loại	26 loại	28 loại	36 loại	31 loại

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

Mục tiêu chung khi xây dựng Danh mục xanh của Trung Quốc là thiết lập các tiêu chuẩn và phân loại hài hòa để xác định những gì được coi là “xanh”. Trên cơ sở đó, ban hành ba danh mục phân loại xanh cho các khoản vay xanh, trái phiếu xanh và các ngành công nghiệp xanh. Cách tiếp cận để xây dựng Danh mục phân loại xanh phiên bản 2021 của Trung Quốc trên ba nguyên tắc:

1. Phát triển và sửa đổi từ Danh mục xanh 2015
2. Dựa trên cơ sở Danh mục hướng dẫn công nghiệp xanh năm 2019

3. Xác định một cách khoa học và thống nhất các lĩnh vực và phạm vi của dự án được phát hành trái phiếu xanh, thống nhất phạm vi của hai tiêu chuẩn trái phiếu xanh trong nước và từng bước hài hòa các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

Hiện nay, Danh mục phân loại xanh của Trung Quốc đang được áp dụng và triển khai theo phiên bản 2021, được tóm tắt chi tiết tại Bảng 16.

Bảng 16 Khung phân loại danh mục xanh của Trung Quốc (phiên bản 2021)

1. Tiết kiệm năng lượng & BVMT (62)	2. Công nghiệp sản xuất sạch hơn (19)	3. Công nghiệp năng lượng sạch (26)	4. Sinh thái & môi trường (26)	5. Nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh (38)	6. Dịch vụ xanh (21)
1.1. Cải thiện hiệu quả năng lượng	2.1. Phòng ngừa và xử lý ô nhiễm	3.1. Cải thiện hiệu quả năng lượng	4.1. Nông nghiệp sinh thái	5.1. Cải thiện hiệu quả năng lượng	6.1. Dịch vụ tư vấn
1.2. Xây dựng bền vững	2.2. Nông nghiệp xanh	3.2. Năng lượng sạch	4.2. Xây dựng và bảo vệ hệ sinh thái	5.2. Xây dựng bền vững	6.2. Dịch vụ quản lý vận hành
1.3. Phòng ngừa ô nhiễm	2.3. Sử dụng tích hợp tài nguyên			5.3. Phòng ngừa ô nhiễm	6.3. Kiểm toán, thanh tra và đánh giá dự án
1.4. Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống	2.4. Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống			5.4. Tiết kiệm nước và tài nguyên nước phi truyền thống	6.4. Giám sát và phát hiện
1.5. Sử dụng tích hợp tài nguyên				5.5. Giao thông xanh	6.5. Quảng cáo và chứng nhận sản phẩm kỹ thuật
1.6. Sóng biển				5.6. Xây dựng và bảo vệ hệ sinh thái	
1.7. Giao thông xanh					

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

3. Khung phân loại xanh của Tổ chức sáng kiến khí hậu toàn cầu (Climate Bonds Initiative – CBI)

a) Khái quát về tổ chức Sáng kiến Khí hậu toàn cầu

CBI là một tổ chức quốc tế hoạt động để huy động vốn toàn cầu cho các hành động khí hậu, CBI thúc đẩy đầu tư vào các dự án và tài sản cần thiết cho quá trình chuyển đổi nhanh chóng sang nền kinh tế carbon thấp và thích ứng với khí hậu⁶⁵.

⁶⁵ <https://www.climatebonds.net/about>

Chiến lược hướng đến là phát triển Thị trường trái phiếu khí hậu và xanh và có tính thanh khoản cao sẽ giúp giảm chi phí vốn cho các dự án khí hậu tại các thị trường phát triển và mới nổi; xây dựng cơ chế tổng hợp cho các lĩnh vực phân mảnh; và hỗ trợ các chính phủ tìm cách khai thác thị trường vốn nợ.

b) Khung phân loại xanh của CBI

Mục tiêu chung của CBI là xây dựng được khung phân loại để xác định rõ các tài sản, hoạt động và dự án cần thiết để hướng tới nền kinh tế các-bon thấp. Cách tiếp cận để xây dựng Danh mục phân loại xanh của CBI là đồng nhất với hai mục tiêu của Thỏa thuận Paris về khí hậu và dựa trên những hiểu biết khoa học tốt nhất của IPCC, IEA và rất nhiều nhà khoa học toàn cầu. Danh mục này có thể được sử dụng bởi bất kỳ tổ chức nào khi muốn xác định các tài sản, hoạt động, công cụ tài chính phù hợp để hướng tới phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Danh mục phân loại xanh của CBI được ban hành lần đầu vào 2013, cập nhật gần nhất vào 9/2021 và tiếp tục rà soát và hoàn thiện các tiêu chí cụ thể ngành, công nghệ mới. Theo CBI, đây được coi là quan điểm chung khách quan, trung lập không phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế-xã hội-môi trường của bất kỳ quốc gia nào, với đặc điểm là nền kinh tế phát triển hay đang phát triển, việc phân loại nhóm ngành theo đối tượng là hợp lý và dễ dàng áp dụng tại bất kỳ phạm vi nào, dù ở tầm quốc gia hay vùng lãnh thổ, cấp địa phương... Cả đối tượng công trình (mang tính giảm phát thải KNK trực tiếp) hoặc phi công trình (giảm phát thải KNK gián tiếp). Điều này là điểm khác biệt của CBI với quan điểm xây dựng của EU. Khung phân loại xanh của CBI với phiên bản cập nhật năm 2021, chia làm 8 nhóm ngành lớn và 44 nhóm tiểu ngành. Chi tiết các nhóm ngành và tiểu nhóm ngành được tóm tắt tại bảng 2 dưới đây với màu sắc “xanh” tương ứng với các loại dự án xanh, màu “cam” tương ứng với dự án xanh nhưng còn đang trong quá trình xây dựng tiêu chí sàng lọc, ngưỡng và chỉ tiêu phân loại (ví dụ như Giao thông Vận tải hàng không). Trong khi đó, màu “nâu” thể hiện các loại dự án đang chuyển đổi xanh hoặc có ý nghĩa gián tiếp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi xanh. Ví dụ như công nghiệp xi măng, công nghiệp sắt thép, hoá chất...

Bảng 17. Khung phân loại danh mục xanh của CBI (phiên bản T9/2021)

1. Năng lượng	2. GTVT	3. Tài nguyên nước	4. Công trình/toà nhà	5. Sử dụng đất và tài nguyên biển	6. Công nghiệp	7. Chất thải	8. ICT
Mặt trời	Cá nhân	Giám sát nước	Dân dụng	Nông nghiệp	Xi măng	Tiền xử lý	Hệ thống băng thông
Gió	Công cộng	Hồ chứa	Thương mại	Kinh tế rừng	Sắt thép	Tái sử dụng	Phần mềm viên thông và dịch vụ
Địa nhiệt	Hàng hoá đường sắt	Xử lý nước	Sản phẩm và hệ thống TKNL	Bào tòn và phục hồi hệ sinh thái	Thủy tinh	Tái chế	Cổng thông tin (datahubs)
Năng lượng sinh học	Hàng không	Phân phối nước	Phát triển đô thị	Nuôi trồng thủy sản	Hoá chất cơ bản	Xử lý sinh học	Quản lý năng lượng

Thủy điện	Đường thủy	Chống lũ lụt
Năng lượng đại dương		Các giải pháp dựa vào thiên nhiên
Truyền tải & Lưu trữ		
Hạt nhân		

Quản lý chuỗi cung ứng	Sản phẩm từ nhiên liệu	Năng lượng từ rác
		Chôn lấp rác
		Quản lý rác phóng xạ

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

Phụ lục 3 So sánh các ngành, lĩnh vực của Danh mục phân loại xanh Việt Nam với Hệ thống Phân loại công nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế (ISIC) và Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (VSIC)

ISIC/ VSIC		Danh mục phân loại xanh							
M m u c	Ngành	EU	CBI	Trung Quốc	Colo mbia	Nam Phi	Hàn Quốc	ASEAN	Việt Nam
A	Nông nghiệp, lâm nghiệp và đánh bắt thủy hải sản ⁶⁶	X	X	X	X	X	X	X	X
B	Khai khoáng								
C	Công nghiệp chế biến, chế tạo	X	X	X	X	X	X	X	X
D	Cung cấp điện, gas, hơi nước và điều hòa không khí	X	X	X	X	X	X	X	X
E	Cung cấp nước; thoát nước, quản lý chất thải và Các hoạt động khác phục hậu quả ⁶⁷	X	X	X	X	X	X	X	X
F	Xây dựng	X	X	X	X	X	X	X	X
G	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa xe có động cơ và xe máy ⁶⁸			X					
H	Vận tải kho bãi	X	X	X	X	X	X	X	X
I	Dịch vụ lưu trú và ăn uống								
J	Thông tin và truyền thông	X		X	X	X		X	X
K	Hoạt động tài chính và bảo hiểm								X
L	Hoạt động kinh doanh bất động sản	X				X		X	
M	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	X	X	X			X	X	X
N	Hoạt động dịch vụ hành chính và hỗ trợ	X		X					X

⁶⁶ Tên ngành trong VSIC: Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản

⁶⁷ Tên trong VSIC: Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải

⁶⁸ Tên trong VSIC: Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác

ISIC/ VSIC		Danh mục phân loại xanh							
M ụ c	Ngành	EU	CBI	Trung Quốc	Colo mbia	Nam Phi	Hàn Quốc	ASEAN	Việt Nam
O	Hành chính công và quốc phòng và trợ cấp an sinh bắt buộc ⁶⁹								
P	Giáo dục và đào tạo	X							X
Q	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	X							
R	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	X							X
S	Hoạt động dịch vụ khác					X			
T	Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình								
U	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế								

Nguồn: Tổng hợp của Tổ soạn thảo, chuyên gia, 2022

⁶⁹ Tên trong VSIC: Hoạt động của đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc

Phụ lục 4 Kết quả tham vấn hiện trạng cấp tín dụng xanh tại một số TCTD ở Việt Nam

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
1 Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)	1. Năng lượng tái tạo 2. Sử dụng năng hiệu quả 3. Giao thông sạch 4. Thân thiện với môi trường/KTTH 5. Quản lý nước bền vững và xử lý nước thải 6. Công trình xanh 7. Nông lâm nghiệp bền vững 8. Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm 9. Thích ứng với BĐKH	Dựa trên khuôn khổ Nguyên tắc TDX 2020 do Hiệp hội thị trường tín dụng và Hiệp hội thị trường Tín dụng Châu Á Thái Bình Dương đồng ban hành	Hội đồng tín dụng và Ban TDX phê duyệt, trong đó: (i) Hội đồng tín dụng: Chủ tịch ⁷⁰ , Thư ký ⁷¹ , thành viên ⁷² ; (ii) Ban tài chính xanh là cán bộ chuyên trách môi trường xã hội, chuyên gia tài chính xanh.	Tuân thủ theo quy định của NHNN và các tổ chức quốc tế tài trợ nguồn vốn xanh như IFC, Công ty tài chính Proparco thuộc Cơ quan phát triển Pháp	- Các quy định và quy trình nội bộ ⁷³ - Các văn bản tham chiếu: + IFC's definitions and metrics for climate-related activities + Hướng dẫn Môi trường - Sức khỏe - An toàn do IFC ban hành + Sổ tay hướng dẫn đánh giá rủi ro MTXH cho các ngành kinh tế do NHNN ban hành	Tuân thủ chế độ báo cáo TDX định kỳ cho NHNN theo quy định và mẫu biểu tại công văn số 9050/NHN N-TD ngày 03/11/2021 7 về Báo cáo tính hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá rủi ro môi trường, xã hội trong hoạt động cấp tín dụng.
2 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương	Thời điểm báo cáo có 98 dự án được cấp TDX	Theo quy định của NHNN	- Cán bộ thẩm định tại đơn vị kinh doanh thực hiện thẩm định	1. Hồ sơ cung cấp khi thực hiện cấp tín dụng Hồ sơ pháp		OCB đang thực hiện 1 báo cáo số liệu định kỳ hàng quý theo

⁷⁰ Là chuyên gia phê duyệt được HĐQT chỉ định

⁷¹ Là chuyên viên cao cấp thuộc phòng Tái thẩm định- Khối tín dụng

⁷² Là các chuyên gia phê duyệt khác, đại diện khối Quản trị rủi ro, Khối Kinh doanh và các phòng ban liên quan khác.

⁷³ Bao gồm: Quyết định ban hành Chương trình Tài trợ TDX số 86/2020/QĐ-TGD; quy trình tài trợ TDX số 30/2020/QT-TGD; Quyết định ban hành Khung TDX số 274/2020/QĐ-TGD; Quy định Thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại VPBank số 108/2019/QĐi-TGD; Quy trình Đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng tại VPBank số 130/2019/QT-TGD

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
Đông (OCB)			<p>dự án trước khi chuyển đến các bộ phận khác.</p> <p>- Tùy độ lớn của hồ sơ tín dụng sẽ được bộ phận tái thẩm định (Hội sở) thực hiện thẩm định lại</p> <p>- Đối với hồ sơ từ 50 tỷ đồng trở lên thì bộ phận tái thẩm định sẽ thực hiện thẩm định trực tiếp tại trụ sở của khách hàng và dự án triển khai.</p> <p>- Đối với hồ sơ dưới 50 tỷ đồng thì bộ phận tái thẩm định sẽ thực hiện thẩm định lại trên hồ sơ.</p>	<p>lý của khách hàng⁷⁴.</p> <p>2. Quy trình thẩm định do đơn vị kinh doanh tại OCB tiếp nhận nhu cầu, thẩm định thực địa và thu thập hồ sơ tín dụng của KH⁷⁵.</p> <p>3. Các điều kiện cấp tín dụng hiện nay được căn cứ vào nhu cầu cấp TDX có các điều kiện cấp tín dụng tương tự như KH thông thường như chứng từ thể hiện nhu cầu vay vốn, hoàn thiện thủ tục thế chấp trong trường hợp</p>		<p>đúng yêu cầu báo cáo của Ngân hàng nhà nước (NHNN) theo Biểu 01 theo CV9050/NHNN-TD, gửi ban cứng theo đường công văn cho NHNN.</p>

⁷⁴ Hồ sơ cho vay bao gồm: Hồ sơ tài chính, hồ sơ vay vốn, hồ sơ tài sản bảo đảm nếu có thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản cấp tín dụng, hồ sơ chứng từ khác liên quan đến khoản cấp tín dụng, hồ sơ do các đơn vị kinh doanh (ĐVKD) tại OCB lập như tờ trình cấp tín dụng, báo cáo Đánh giá rủi ro môi trường và xã hội.

⁷⁵ Trên cơ sở chứng từ KH cung cấp và thẩm định thực tế KH, Đơn vị kinh doanh đánh giá, thẩm định và xác định KH đủ điều kiện vay vốn, ĐVKD thực hiện lập tờ trình đề xuất cấp tín dụng cho KH và lập Báo cáo “Đánh giá rủi ro môi trường và xã hội” để trình cấp phê duyệt xem xét. Trường hợp hồ sơ trình cấp tín dụng có qua bộ phận thẩm định lại hồ sơ thì Bộ phận thẩm định lại chịu trách nhiệm rà soát lại thông tin ĐVKD thực hiện đánh giá và/hoặc trực tiếp thẩm định KH theo quy định tại từng thời kỳ của OCB với số tiền cấp tín dụng trên 50 tỷ. Cấp phê duyệt thực hiện kiểm tra hồ sơ, đánh giá thông tin KH và đưa ra quyết định phê duyệt tín dụng cho KH. Trên cơ sở phê duyệt của cấp phê duyệt cấp tín dụng, ĐVKD gửi thông báo cho KH về kết quả phê duyệt cấp tín dụng.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
				có thể chấp TSBĐ, điều kiện chuyển doanh thu về tài khoản của KH tại OCB để OCB quản lý dòng tiền của KH...		
3 Ngân hàng Nam Á	- Lĩnh vực tiêu dùng áp dụng đối với các khách hàng có mục đích mua sắm các thiết bị gia đình tiết kiệm điện có nhãn chứng nhận năng lượng từ 03 sao trở lên/ Phương tiện di chuyển chạy bằng điện; - Lĩnh vực năng lượng tái tạo áp dụng với khách hàng đầu tư hệ thống pin	Quy định số 862A/2018/QyĐ-NHNA-10 ngày 14/12/2018 về việc cấp TDX tại Nam A Bank - Quy định số 862A/2018/QyĐ-NHNA-10 ngày 14/12/2018 về việc cấp TDX tại Nam A Bank ⁷⁶	Điều kiện cấp TDX: - Đáp ứng đầy đủ các điều kiện vay vốn theo quy định cấp tín dụng/sản phẩm hiện hành của Ngân hàng Nhà nước và Nam A Bank trong từng thời kỳ. - Có mục đích sử dụng vốn phù hợp với mục tiêu tăng trưởng xanh và thỏa	- Ngoài các hồ sơ vay vốn theo quy định từng sản phẩm cụ thể, đối với các dự án thuộc TDX, khách hàng cần cung cấp thêm một số chứng từ sau theo yêu cầu của Nam A Bank: (1) Giấy phép đầu tư dự án/Phương án thể hiện dự	- Quy định số 862A/2018/QyĐ-NHNA-10 ngày 14/12/2018 về việc cấp TDX tại Nam A Bank. - Thông báo số 687/2020/TB-NHNA-10 về việc triển khai chương trình “Happy Energy” ngày 07/10/2020 ⁷⁹	- Hiện nay chủ yếu thực hiện theo phương thức gửi trực tiếp cho cơ quan quản lý nhà nước định kỳ hoặc đột xuất.

⁷⁶ Thông báo số 210/2020/TB-NHNA-10 ngày 06/04/2020 về việc Ban hành các điều kiện thỏa TDX; thông báo số 231/2020/TB-NHNA-10 ngày 10/04/2020 về việc Điều chỉnh chính sách áp dụng cho TDX tại Nam A Bank; Quyết định số 434C/2019/QĐ-NHNA-01 v/v thành lập ban triển khai dự án cho vay xanh tại Ngân hàng TMCP Nam Á; thông báo số 687/2020/TB-NHNA-10 về việc triển khai chương trình “Happy Energy” ngày 07/10/2020 Chương trình hỗ trợ các khách hàng pháp nhân có nhu cầu vay vốn để lắp đặt hệ thống điện mặt trời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thay thế cho nguồn điện sử dụng hiện tại nhằm góp phần bảo vệ môi trường, bên cạnh đó cũng tạo ra điện đóng góp vào việc thiếu hụt điện năng của quốc gia và có TSBĐ là hệ thống điện mặt trời áp mái.

⁷⁹ Chương trình hỗ trợ các khách hàng pháp nhân có nhu cầu vay vốn để lắp đặt hệ thống điện mặt trời phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thay thế cho nguồn điện sử dụng hiện tại nhằm góp phần bảo vệ môi trường, bên cạnh đó cũng tạo ra điện đóng góp vào việc thiếu hụt điện năng của quốc gia và có TSBĐ là hệ thống điện mặt trời áp mái.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
	<p>năng lượng mặt trời;</p> <p>- Lĩnh vực nông nghiệp: áp dụng với khách hàng có nhu cầu đầu tư nâng cấp hệ thống tưới và phương pháp canh tác;</p> <p>- Lĩnh vực xây dựng: áp dụng với khách hàng có nhu cầu đầu tư các dự án có sử dụng các vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường;</p> <p>- Lĩnh vực dệt may.</p>		<p>các điều kiện⁷⁷.</p> <p>Bộ phận phụ trách gồm Tổ TDX, bao gồm các nhân sự được chỉ định từ Ban triển khai Dự án cho vay xanh⁷⁸</p>	<p>án/Phương án phù hợp với mục đích vay vốn và mục tiêu TDX;</p> <p>(2) Một số trường hợp cần phải cung cấp các thông tin liên quan đến đánh giá rủi ro môi trường và xã hội</p> <p>(3) Danh mục đầu tư dự án/hợp đồng/hóa đơn mua bán/hợp đồng thi công;</p> <p>(4) Hợp đồng/hóa đơn hoặc phiếu mua hàng;</p> <p>(5) Các hồ sơ, giấy tờ liên quan khác.</p>	<p>- Ban TDX kiểm soát hồ sơ chặt chẽ từ khâu thẩm định, đến phê duyệt, giải ngân và sau cho vay.</p> <p>- Đơn vị kinh doanh thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Nam A Bank.</p> <p>Trong đó giám sát kiểm tra việc khách hàng bổ sung các nội dung liên quan mục đích cấp TDX hoặc duy trì/triển khai biện pháp bảo vệ môi trường theo phương án ban đầu.</p> <p>- Tổ TDX phối hợp với Phòng Kiểm Tra</p>	

⁷⁷ Điều kiện cụ thể như sau: các mục đích vay TDX áp dụng cho khách hàng cá nhân và khách hàng pháp nhân theo quy định của Nam Á Bank; các mục đích vay TDX khác không nằm trong danh sách cấp TDX được loại trừ như: Sản xuất/ buôn bán/ kinh doanh/ khai thác/ lưu trữ/ vận chuyển vũ khí đạn dược, cờ bạc, sòng bạc và các loại hình tương tự.

⁷⁸ thuộc các phòng ban sau của Ngân h Phòng Khách hàng doanh nghiệp/Phòng Khách hàng cá nhân; Trung tâm Tín dụng; Phòng Quản lý rủi ro; phòng Kinh doanh vốn

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
					Kiểm Soát Nội Bộ thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất việc cho vay theo quy định của cấp TDX.	
4 Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương (VietinBank)	<ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp xanh, lâm nghiệp bền vững; năng lượng tái tạo, năng lượng sạch - Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên - Xử lý chất 	VietinBank đã xây dựng và thiết lập hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội một cách toàn diện bao gồm hướng dẫn nội bộ, bộ máy tổ chức, hệ thống báo cáo ⁸⁰ . Bộ phận phụ trách là chuyên viên quản lý môi trường xã hội có trách nhiệm: (i) quản lý các nội dung liên quan đến MT- XH trong hoạt động cấp tín dụng tại NHCT, triển khai nội dung quản lý MT-XH trong quá trình thẩm định cấp tín dụng tại NHCT; (ii) thông kê các dự án hạn chế cấp tín dụng và định kỳ (hàng tháng/quý) chuyển thông tin sang phòng Quản lý rủi ro tín dụng tổng hợp, giám sát; (iii) tham gia xây dựng, cập nhật, sửa đổi các chính sách, quy trình, văn bản liên quan đến MT-XH.; phòng Phê duyệt tín dụng ⁸¹ ; Phòng Quản lý rủi ro tín dụng, đầu tư ⁸² ; Văn phòng điều phối (SCO) ⁸³ .				

⁸⁰ Nội dung của Chính sách MT-XH trong hoạt động cấp tín dụng của VietinBank cũng phân loại rõ các dự án theo tiêu chí MT-XH. Đối với các dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường, VietinBank thực hiện phân loại và có những ứng xử cụ thể tương ứng với từng nhóm đối tượng. VietinBank không cấp tín dụng đối với các hoạt động được xem là bất hợp pháp theo luật hoặc quy định của nước sở tại hoặc các công ước và thỏa thuận quốc tế, hoặc chịu các lệnh cấm quốc tế như được phâm, thuốc trừ sâu/diệt cỏ, chất phá hủy tầng ôzôn, PCB, động vật hoang dã, sản xuất buôn bán vũ khí đạn dược, ... Bên cạnh đó, các lĩnh vực nhạy cảm như sản xuất, buôn bán gỗ hoặc các lâm sản khác không thuộc các khu rừng được quản lý bền vững, sản xuất hoặc buôn bán thuốc lá, ... cũng được VietinBank hạn chế cấp tín dụng. Ngoài ra, đối với điều kiện xem xét cấp tín dụng, các dự án phải có chi phí ước tính để đáp ứng các yêu cầu/tiêu chuẩn liên quan đến MT-XH dự kiến thường không vượt quá 20% tổng mức vốn đầu tư để khắc phục các vấn đề về MT-XH; phải có các biện pháp khắc phục, xử lý các vấn đề về MT-XH đầy đủ và phù hợp. Căn cứ vào 4 yếu tố chính của dự án: ngành nghề hoạt động, địa điểm, mức độ nhạy cảm và quy mô của các tác động đối với môi trường, xã hội, phân loại các dự án theo 3 nhóm như sau: (1) Các dự án nhóm 1: là các dự án có thể gây những tác động bất lợi rất lớn đến MT-XH. Các tác động này thường nhạy cảm, nhiều khía cạnh hoặc chưa có tiền lệ. Một tác động được gọi là “nhạy cảm” nếu nó khó có thể tránh được như gây tổn thất lớn đến môi trường sống tự nhiên, ảnh hưởng đến các nhóm dân cư hay đồng bào dân tộc thiểu số, liên quan đến sự di dân hay tái định cư bắt buộc, hoặc tác động đáng kể đến các di sản thiên nhiên... Do vậy, phải thực hiện đánh giá tác động MT-XH một cách đầy đủ theo quy định; (2) Các dự án nhóm 2: là các dự án có thể gây nên một số tác động bất lợi đến MT-XH nhưng những tác động này chỉ giới hạn trong phạm vi nhất định và không lớn. Trong hầu hết các trường hợp, biện pháp giảm thiểu rủi ro là việc sử dụng các tiêu chuẩn hoạt động, các hướng dẫn hoặc các tiêu chí được xác định trước. Các tác động bất lợi đến môi trường tự nhiên, dân cư, di sản. thấp hơn các tác động của dự án nhóm 1 đến MT-XH. Việc đánh giá tác động MT-XH cần tập trung vào các tác động dự kiến có thể xảy ra; (3) các dự án nhóm 3: là các dự án có ít hoặc không có tác động bất lợi đến MT-XH. Không bắt buộc phải đánh giá tác động MT-XH đối với các dự án nhóm này

⁸¹ Đầu mối soạn thảo và ban hành hướng dẫn thẩm định nội dung về MT-XH.

⁸² Đầu mối xây dựng định hướng tín dụng hàng năm trong đó có nội dung về quản lý MT-XH.; đầu mối phối hợp với các phòng/ban liên quan dự thảo/cập nhật chính sách về quản lý MT-XH trong hoạt động cấp tín dụng tại NHCT.

⁸³ Đầu mối thông tin tới IFC các chính sách cập nhật liên quan đến quản lý MT-XH tại NHCT.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
	thải và phòng chống ô nhiễm - Quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn					
5 Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank)	- Năng lực tài tạo, năng lực sạch - Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm	- Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện đánh giá tác động và theo dõi các rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng tại Sacombank ⁸⁴ - Quy trình cấp tín dụng của Sacombank quy định rõ việc đánh giá tác động rủi ro môi trường xã hội trong các bước thu thập hồ sơ tín dụng và Phân tích tín dụng, lập tờ trình cấp tín dụng khách hàng là yêu cầu bắt buộc ⁸⁵ . - Các nội dung khác như hồ sơ cung cấp, quy trình thẩm định cấp tín dụng đối với dự án TDX thực hiện tương tự như hồ sơ cấp tín dụng thông thường theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định nội bộ của Sacombank. - Nhóm ESMS là Nhóm Chuyên trách (bao gồm Nhóm ESMS tại Hội sở và Nhóm ESMS Khu vực) trong việc xây dựng và tư vấn các vấn đề về Hệ thống quản lý môi trường và xã hội. - E7CN/PGD có trách nhiệm thực hiện đầy đủ việc thẩm định tác động môi trường và xã Hội theo quy trình này và/hoặc các văn bản khác có liên quan nhằm đảm bảo tất cả các khách hàng đều được xác định mức độ rủi ro về môi trường và xã Hội			Sacombank đã triển khai các quy định như sau: - Việc kiểm tra thẩm định tác động Môi trường và xã hội là bắt buộc đối với mọi khách hàng - Việc kiểm tra định kỳ được thực hiện sau khi được Sacombank cấp tín dụng: - Kiểm tra tiến độ thực hiện các kế hoạch hành động (nếu có) mà khách hàng đã cam kết	

⁸⁴ nhằm xác định những biện pháp giảm thiểu rủi ro và đưa ra những khuyến nghị cho khách hàng để xử lý và cải thiện hiệu quả quản lý các vấn đề MT&XH hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

⁸⁵ Theo Quy trình đánh giá tác động môi trường, tất cả các yếu tố liên quan đến hoạt động của khách hàng sẽ được đánh giá theo chuẩn mực ngành, theo lĩnh vực hoạt động. Kết quả đánh giá ESMS của khách hàng sẽ phân loại như sau: Kết quả đèn xanh: thực hiện cấp tín dụng bình thường; kết quả đèn vàng: cấp tín dụng với các điều kiện khắt khe và chặt chẽ hơn; kết quả đèn đỏ và thuộc danh mục loại trừ (danh mục A, B); không thực hiện cấp tín dụng.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
					với Sacombank. Kết quả kiểm tra phải được cập nhật vào Báo cáo tái đánh giá MTXH	
6 Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank)	20 dự án được triển khai, 100% trong lĩnh vực năng lượng tái tạo	- Thực hiện và quản trị hoạt động cấp TDX thông qua hệ thống chính sách, quy định về Quản lý rủi ro môi trường và xã hội (MT-XH). ⁸⁶	Bộ phận quan hệ khách hàng tại đơn vị kinh doanh, bộ phận thẩm định/ Tái thẩm định tín dụng thuộc Khối Quản trị rủi ro và Chuyên gia phê duyệt MT-XH thuộc Khối	Ngân hàng quy định danh sách các lĩnh vực không tài trợ vốn ⁸⁷ . Nội dung đánh giá rủi ro MT-XH được tái thẩm định bởi một bộ phận riêng, song song với tái thẩm định tín	Các đơn vị, cá nhân có chức năng kiểm soát sau vay/cấp tín dụng thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất các hoạt động của khách hàng, bao gồm cả kiểm tra, giám sát	- Techcombank đã thiết lập và triển khai từng phần và/hoặc kết hợp các hệ thống báo cáo về TDX cho cơ quan quản lý nhà nước ⁸⁸

⁸⁶ Ngân hàng đã ban hành các quy định nội bộ về quản lý rủi ro môi trường, xã hội (MT-XH) theo yêu cầu, định hướng, hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như của đối tác định chế tài chính, như Tập đoàn tài chính quốc tế IFC, thuộc Ngân hàng Thế giới World Bank. - Quy định về Quản lý rủi ro môi trường và xã hội của Techcombank đáp ứng các quy định của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (như Luật Bảo vệ môi trường 2015, 2005, Luật đầu tư 2020, 2005); của Thủ tướng Chính phủ (như Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/09/2012 về phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 về phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020); tham khảo các tổ chức tài chính quốc tế (như Tiêu chuẩn thực thi tính bền vững về môi trường, xã hội của IFC ngày 30/04/2006 và các văn bản hướng dẫn kèm theo)... Ngày 24/03/2015, Ngân hàng nhà nước Việt Nam ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN về thúc đẩy tăng trưởng TDX và quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, tiếp đó là Công văn số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017. Hoạt động cấp TDX của Techcombank tiếp tục thực hiện theo các yêu cầu của NHNN tại Chỉ thị 03, Công văn 9050 này.

⁸⁷ Trường hợp lĩnh vực hoạt động của khách hàng, nhu cầu cấp tín dụng không thuộc các lĩnh vực này, các giao dịch cần được thực hiện xem xét đánh giá, quản lý rủi ro MT-XH là các giao dịch: (i) tài trợ vốn cho khách hàng sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu trong các lĩnh vực có tác động bất lợi đến MT-XH có xếp loại rủi ro nhóm A, nhóm B và (ii) có giá trị thuộc phạm vi theo quy định. Nội dung đánh giá và xếp loại rủi ro MT-XH được thể hiện trong Báo cáo thẩm định cấp tín dụng cho khách hàng; nội dung đánh giá rủi ro MT-XH này đáp ứng những yêu cầu cụ thể ứng với mỗi loại hình dự án/ khoản cấp tín dụng theo quy định.

⁸⁸ bao gồm: Báo cáo định kỳ về tăng trưởng TDX và quản lý rủi ro MX-TH trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Chỉ thị 03/CT-NHNN; Định kỳ hàng quý thực hiện các báo cáo tình hình cấp tín dụng đối với các lĩnh vực xanh và Báo cáo đánh giá rủi ro MT- XH trong hoạt động cấp tín dụng theo văn bản số 9050/NHNN-TD ngày 03/11/2017 của NHNN; Định kỳ hàng năm thực hiện các báo cáo Annual Enviroment and social Performance

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
			Quản trị rủi ro.	dụng theo các quy trình cấp tín dụng thông thường cho từng phân khúc khách hàng. Techcombank nk thực hiện phân công các cán bộ thực hiện phê duyệt rủi ro MT-XH, cán bộ quản lý rủi ro MT-XH để đảm bảo năng lực chuyên sâu trong công tác thẩm định phê duyệt cấp tín dụng khi đánh giá rủi ro MT-XH.	việc thực hiện cam kết về MT-XH (nếu có) theo quy định về quản lý rủi ro MT-XH và các quy định liên quan đến kiểm soát sau vay/ cấp tín dụng của Techcombank.	
7 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TP Bank)	Đã thực hiện tài trợ 03 dự án điện mặt trời nhà máy tại một số địa bàn như Long An, Vĩnh Long, Đăk Nông và một số công trình điện áp mái vừa và nhỏ của hộ gia	Tuân thủ theo các quy định của: Ngân hàng nhà nước ban hành; Thỏa thuận của TPBank với các tổ chức tài chính nước	Hiện có 2 bộ phận thực hiện thẩm định, xác nhận dự án xanh như sau: Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chi nhánh,	Thực hiện thẩm định xem xét cấp TDX tương tự như các khoản cấp tín dụng thông thường theo quy định của NHNN và quy định		TPBank thực hiện báo cáo tình hình cấp TDX cho Ngân hàng Nhà nước theo quý. Trong danh mục cấp tín dụng hiện nay còn chưa phân

report cho các Fis mà Techcombank vay vốn (nếu có). thực hiện các khảo sát của NHNN về Ngân hàng xanh, TDX; óp ý Sở tay MTXH của NHNN đối với những ngành có rủi ro MTXH lớn.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
	đình và Doanh nghiệp nhỏ.	ngoài mà TPBank có hợp tác (IFC, ADB, 4 GCPF...).	Chi nhánh thực hiện thẩm định phê duyệt cấp tín dụng theo quy định hiện hành. Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp phê duyệt tại Hội sở, sau khi khoản tín dụng được Giám đốc Chi nhánh đồng ý cấp tín dụng, Chi nhánh thực hiện trình hồ sơ tới Bộ phận Tái Thẩm định tín dụng tại Hội Sở. Bộ phận Tái thẩm định tín dụng thực hiện thẩm định và / báo cáo Cấp phê duyệt tín	nội bộ của TPBank. ⁸⁹		định rõ các ngành/lĩnh vực TDX nên việc theo dõi, tổng hợp số liệu còn nhiều vướng mắc

⁸⁹ Quy trình thẩm định phê duyệt cấp tín dụng thực hiện như sau: Chi nhánh tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp tín dụng của khách hàng và thực hiện thẩm định theo quy định của TPBank. Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chi nhánh, Chi nhánh thực hiện phê duyệt theo quy định hiện hành. Trường hợp khoản cấp tín dụng thuộc thẩm quyền phê duyệt của cấp phê duyệt Hội sở, sau khi khoản tín dụng được Giám đốc Chi nhánh đồng ý cấp tín dụng, Chi nhánh thực hiện trình hồ sơ tới Bộ phận Tái Thẩm định tín dụng tại Hội Sở. Bộ phận Tái thẩm định tín dụng thực hiện thẩm định và báo cáo Cấp phê duyệt tín dụng xem xét, quyết định việc cấp tín dụng đối với khách hàng.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
			dụng xem xét, quyết định việc cấp tín dụng đối với khách hàng.			
8 Ngân hàng Quân đội (MB Bank)	<ul style="list-style-type: none"> - Chính sách tín dụng phục phát triển nông nghiệp, nông thôn; - Chính sách tài trợ các dự án điện mặt trời, điện gió thuộc khu vực Miền Trung - Tây Nguyên - Chương trình tài trợ đầu tư dự án điện mặt trời mái nhà công suất < 1MW - Các sản phẩm cấp tín dụng đối với khách hàng cá nhân thuộc lĩnh vực nông nghiệp (lúa, cà phê, hồ tiêu..) 	<p>MB hoàn thiện cơ chế chính sách nội bộ hướng tới mục tiêu về ngân hàng xanh, TDX bao gồm rà soát/cập nhật các nội dung của chính sách về quản lý môi trường - xã hội trong hoạt động cấp tín dụng phù hợp với mô hình hoạt động của MB⁹⁰</p>	<p>MB thực hiện các khâu thẩm định, phê duyệt chặt chẽ việc cấp tín dụng đối với khách hàng đảm bảo an toàn cho khách hàng và cho MB. Đồng thời kết hợp quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong quá trình xem xét, thẩm định phương án nhằm hạn chế việc tài trợ cho các ngành/lĩnh vực có rủi ro cao về môi trường và xã hội. Định hướng cải thiện danh mục đầu tư, cấp tín dụng thông qua phát triển nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong đánh giá tác động của dự án đến môi trường - xã hội, thẩm định yếu tố rủi ro về môi trường và an sinh xã hội của dự án trước khi cấp tín dụng.</p> <p>- Việc đánh giá tác động môi trường - xã hội tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn công nghệ, môi trường theo quy định pháp luật, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quy định cụ thể là một khâu trong quy trình thẩm định/phê duyệt của MB khi thực</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Sau khi giải ngân, khách hàng phải tuân thủ chặt chẽ theo các quy định/li/quy trình về giám sát sau vay của MB để đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng mục đích, đảm bảo an toàn, hiệu quả của dự án. Bên cạnh đó, MB đã chủ động ban hành các chính sách cho vay/rà soát đối với các ngành có yếu tố ảnh hưởng đến môi trường, từ đó định hướng thúc đẩy việc ứng dụng năng lượng 	<p>Chủ động xây dựng hệ thống dữ liệu, báo cáo thống kê nội bộ về tình hình tuân thủ về môi trường của doanh nghiệp phù hợp với tiêu chí quy định pháp luật và định hướng của NHNN. Hạn chế các khoản vay cho hoạt động gây hại cho môi trường. MB thực hiện đầy đủ việc báo cáo tình hình cấp tín dụng định kỳ/đột xuất đối với các lĩnh vực xanh và đánh giá</p>

⁹⁰ Xây dựng định hướng cấp tín dụng hàng năm đi kèm với áp dụng công nghệ trong hoạt động giao dịch, cấp tín dụng (chuyên đổi số, ngân hàng điện tử, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt...) góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
			hiện cấp tín dụng cho các dự án/khách hàng.		sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ, thiết bị thân thiện với môi trường ... loại trừ các dự án có kliâ năng ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường, xã hội phù hợp định hướng kinh doanh hàng năm. Đồng thời, MB triển khai bộ phận thuộc Khối Quản trị rủi ro ⁹¹	rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng theo hướng dẫn của NHNN và cơ quan quản lý từng thời kỳ. ⁹²
9 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Petroli mex (PG Bank)	PG Bank đã triển khai cho vay 01 dự án xanh: Dự án sản xuất điện mặt trời hòa lưới công suất 991,6 kWp cho Công ty TNHH Sản xuất và	Hoạt động cấp TDX tại PG Bank tuân thủ theo quy định của Chính phủ, của Ngân hàng nhà nước, và các quy định cho	Đơn vị trực tiếp thẩm định, xác nhận dự án xanh sẽ là phòng Khách hàng Doanh nghiệp tại các Chi nhánh, tùy thuộc vào thẩm quyền	Hiện tại PG Bank thực hiện thẩm định hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định, các điều kiện cấp TDX (nếu có phát sinh) theo quy trình, quy định	PG Bank thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả dự án trong tiến trình cấp TDX như áp dụng đối với khách hàng cấp tín dụng thông thường,	- Thực hiện báo cáo khi có yêu cầu từ Ngân hàng Nhà nước, chưa có phát sinh báo cáo đối với các cơ quan quản lý Nhà nước khác. ⁹³

⁹¹ Hội sở NHTMCP Quân đội chuyên trách về ngân hàng - TDX dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ (i) Tìm hiểu, nghiên cứu các quy định về TDX; (ii) Giải đáp, tư vấn các vướng mắc về hoạt động TDX cho các đơn vị trên hệ thống; (iii) Triển khai theo dõi, giám sát tình hình thực hiện và báo cáo Ban lãnh đạo ngân hàng kết quả đối với hoạt động TDX.

⁹² Tuy nhiên hiện nay, mẫu biểu báo cáo TDX chưa thống nhất định nghĩa, tiêu chí phân biệt các chỉ tiêu TDX dẫn đến khó khăn trong thiết lập dữ liệu theo dõi và báo cáo định kỳ.

⁹³ PGBank chưa phát sinh cho vay nhiều đối với các dự án TDX nên việc thực hiện báo cáo cũng chưa có phát sinh các khó khăn, vướng mắc.

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
	Thương mại Thanh Danh (Chi nhánh Sài Gòn) với tổng hạn mức 17 tỷ đồng.	vay nói chung của PG Bank.	phê duyệt sẽ theo quy định phải có sự tham gia tái thẩm định của Khối Tái thẩm định và phê duyệt	chung về cho vay của PG Bank, chưa ban hành quy định riêng đối với với hoạt động cấp TDX.	chưa có quy định riêng cho hoạt động này.	
10 BIDV	<ul style="list-style-type: none"> + Nông nghiệp xanh; + Lâm nghiệp bền vững; + Công nghiệp xanh; + Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; + Tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên; + Xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm; + Bảo vệ môi trường thiên nhiên, khôi phục môi trường sinh thái và phòng chống thiên tai; + Công trình xây dựng xanh; + Giao thông bền vững; + Cung cấp các dịch vụ bảo vệ môi trường và 	<p>Mọi hoạt động cấp tín dụng nói chung của BIDV cũng như hoạt động cấp TDX nói riêng đều phải tuân thủ quy định của NHNN và quy định của pháp luật Việt Nam.</p> <p>Ngoài ra, trong trường hợp cấp TDX, cho vay các dự án xanh từ nguồn vốn ủy thác hoặc khoản đầu tư từ các tổ chức quốc tế thì khoản tín dụng đó còn phải phải đáp ứng tiêu chuẩn của Nhà tài trợ về môi trường và xã hội.</p>			<p>Hồ sơ tín dụng yêu cầu từ khách hàng bao gồm các hồ sơ liên quan đến môi trường xã hội (như Giấy phép khai thác tài nguyên đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, phòng cháy chữa cháy, xử lý nguồn nước thải (đối với những dự án có yêu cầu); Giấy xác nhận đăng ký/Bản cam kết bảo vệ môi trường của cấp có thẩm</p>	<p>Báo cáo theo quy định tại văn bản số 9050/NHNN-TD định kỳ hàng quý cho NHNN</p>

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
	tiết kiệm năng lượng; + Lĩnh vực xanh khác.				quyền.. phù hợp với phương án/dự án sản xuất kinh doanh của khách hàng). Mẫu báo cáo đề xuất cấp tín dụng đối với từng khoản cấp tín dụng đã quy định cụ thể nội dung thẩm định phân tích các rủi ro chủ yếu (bao gồm rủi ro môi trường và xã hội), biện pháp phòng ngừa của khách hàng và ngân hàng. Thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ thường xuyên đối với các dự án sau cho vay (bao gồm kiểm tra đánh giá các cam kết vô bảo vệ môi trường của khách hàng), đảm bảo kiểm	

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
					<p>soát tốt rủi ro.</p> <p>Trên cơ sở yêu cầu tại các văn bản quy định pháp luật, các chỉ đạo của Chính phủ, NIINN về TDX và Ngân hàng xanh, BIDV đã ban hành nhiều văn bản quy định, chương trình hành động để triển khai thực hiện⁹⁴</p>	
11 Eximbank	Thời điểm tham vấn Eximbank có 02 dự án về năng lượng điện gió và năng lượng điện mặt trời	Hoạt động cấp TDX hiện nay tại Eximbank tuân thủ quy định của Ngân hàng nhà nước.		Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định để xem xét cấp TDX đang được triển khai hiện nay tuân thủ theo các quy định chung liên quan đến việc cấp tín dụng của Eximbank cũng như		

⁹⁴ Như Chiến lược phát triển kinh doanh của BIDV giai đoạn 2021-2025 đề cập đến việc triển khai các gói TDX trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, các ngành sản xuất và tiêu dùng carbon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu, qua đó góp phần chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, bảo vệ môi trường; Quy trình cấp tín dụng đối với khách hàng tổ chức đã quy định việc thực hiện đánh giá rủi ro môi trường khi thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng, đảm bảo các dự án được tài trợ đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật về môi trường. Thực hiện kiểm tra giám sát định kỳ thường xuyên đối với các dự án sau cho vay (bao gồm kiểm tra đánh giá các cam kết về bảo vệ môi trường của khách hàng), đảm bảo kiểm soát tốt rủi ro

Tên tổ chức tín dụng	Danh mục dự án được cấp TDX đang được triển khai	Căn cứ hoặc cơ sở pháp lý	Bộ phận xác định giải ngân, điều kiện giải ngân	Hồ sơ thủ tục giải ngân	Quy trình giám sát, đánh giá hiệu quả dự án	Phương thức báo cáo cho các cơ quan quản lý
					của Ngân hàng nhà nước (khách hàng cần cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý của khách hàng và của dự án đầu tư, Ngân hàng đánh giá năng lực tài chính của khách hàng, hiệu quả của dự án, khả năng hoàn trả nợ vay, rủi ro của dự án và đưa ra quyết định phê duyệt)	

Phụ lục 5. Xây dựng, phân tích các phương thức xác nhận

a) Phương thức 1. Cơ quan, tổ chức cấp ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh căn cứ vào tiêu chí môi trường và hồ sơ thuyết minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh lựa chọn hình thức xác nhận theo một trong hai hình thức sau:

- Tự quyết định trình tự, thủ tục và tổ chức thực hiện việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh;

- Thông qua việc thuê tổ chức độc lập đáp ứng yêu cầu để thực hiện việc xác nhận.

* Về ưu điểm:

- Không làm phát sinh thủ tục hành chính do xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh chỉ là một nội dung trong quy trình cấp ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh. Việc xác nhận có thể được lồng ghép vào quy trình thực hiện thủ tục hành chính để được hưởng ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước, làm giảm phát sinh thủ tục và chi phí cho doanh nghiệp.

- Có tính khả thi vì Dự thảo Quyết định đã quy định cụ thể tiêu chí môi trường cho các dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh; có hướng dẫn về hồ sơ, tài liệu để thuyết minh dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh để tổ chức thực hiện việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh.

- Thuận lợi trong việc kiểm tra, giám sát sau xác nhận và tiến hành các chế tài xử lý nếu dự án đầu tư không đáp ứng tiêu chí môi trường để thuộc Danh mục phân loại dự án xanh như cam kết.

- Phù hợp với thực tế hiện nay chưa có chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước cho tín dụng xanh, trái phiếu xanh; loại hình, tính chất ưu đãi, hỗ trợ trong tương lai rất đa dạng, phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội của đất nước và định hướng phát triển của Nhà nước ở từng giai đoạn.

- Đa dạng hóa các hình thức xác nhận theo kinh nghiệm quốc tế và phù hợp với quy mô, tính chất, loại hình dự án đầu tư, quy định khác nhau về ưu đãi, hỗ trợ đối với các loại hình dự án đầu tư trong hoạt động cấp tín dụng xanh, phát hành trái phiếu xanh.

* Về nhược điểm:

Theo phương án này thì cơ quan, tổ chức có chức năng cấp ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước về tín dụng xanh, trái phiếu xanh phải tăng cường trách nhiệm trong việc xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh. Tuy nhiên, đây là nội dung phù hợp với cách làm của thế giới, thực tiễn pháp luật ở Việt Nam

b) Phương thức 2. Xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh thông qua tổ chức độc lập đáp ứng đủ điều kiện do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố. Theo phương án này, tổ chức độc lập là doanh nghiệp hoặc tổ chức hoạt động hợp pháp ở Việt Nam đáp ứng điều kiện theo quy định gửi hồ sơ đăng ký về Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, công bố. Chủ dự án đầu tư chủ động liên hệ và thuê tổ chức độc lập để thực hiện việc xác nhận

* Về ưu điểm:

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, đúng với quan hệ thị trường.

- Không trái hoặc vượt quá nhiệm vụ được giao trong pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

- Huy động được tổ chức đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam cam kết là thành viên có thể tham gia thực hiện xác nhận; các tổ chức trong nước đáp ứng các tiêu chí tương đương sẽ được tham gia.

- Tăng cường vai trò của nhà nước đối với việc quản lý xác nhận dự án thuộc Danh mục phân loại xanh thông qua giám sát năng lực của các tổ chức tham gia xác nhận.

* Về nhược điểm:

- Phương án này sẽ phát sinh thủ tục hành chính về công nhận tổ chức đủ điều kiện để tham gia xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh vì cơ quan, tổ chức muốn tham gia xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh phải có trách nhiệm lập hồ sơ đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để đánh giá, công bố.

- Tổ chức xác nhận dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh có thể liên kết với chủ đầu tư dự án để xác nhận đối với những dự án lợi dụng danh nghĩa xanh nhưng bản chất lại tiềm ẩn những tác động xấu đến môi trường. Khi dự án được tổ chức xác nhận là dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh, đồng nghĩa dự án này sẽ được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Như vậy, trong trường hợp dự án được xác nhận là dự án đầu tư thuộc Danh mục phân loại xanh nhưng trên thực tế dự án không phải là dự án xanh thì các vấn đề liên quan đến ưu đãi, hỗ trợ đã được thực hiện sẽ rất khó khăn để thu hồi, có thể gây thất thoát ngân sách của Nhà nước.

- Phạm vi Dự thảo Quyết định không thể quy định các nội dung có liên quan đến cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm (nếu có) đối với hoạt động xác nhận của tổ chức đủ điều kiện. Do đó, tiềm ẩn rủi ro rất cao cho việc xác nhận sai, xác nhận không đúng đối tượng dẫn đến hệ quả của thị trường tài chính.